

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Đinh Thị Khánh Huyền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG
DẠY HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5

Mã sinh viên: 2552020362

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, (2025)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MÀM NON

Đinh Thị Khánh Huyền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG
DẠY HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5

Mã sinh viên: 2552020362

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Bùi Thị Hồng

NINH BÌNH, (2025)

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trường Đại học Hoa Lư, các thầy cô giáo trong Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non, Ban Giám hiệu trường Đại học Hoa Lư, các thầy cô giáo và các em học sinh trường Tiểu học Ninh Vân và trường Tiểu học Đông Thành – TP Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình đã tạo điều kiện thuận lợi cho em học tập, nghiên cứu và thực hiện Đề tài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn và kính trọng sâu sắc tới ThS. Bùi Thị Hồng – Giảng viên Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non cũng chính là người hướng dẫn em thực hiện đề tài khóa luận này đã tận tình hướng dẫn chỉ bảo em trong quá trình thực hiện đề tài. Cô đã luôn động viên, khích lệ tinh thần tìm tòi, nghiên cứu và mở ra cho em những trang kiến thức vô cùng bổ ích, ý nghĩa.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thành khóa luận tốt nhất có thể nhưng chắc chắn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý và tận tình chỉ bảo của quý thầy cô và các bạn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày.....tháng 5 năm 2025

Sinh viên

Đinh Thị Khánh Huyền

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài khóa luận: “*Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, thống kê và kết luận nghiên cứu được trình bày trong khóa luận là trung thực, có nguồn gốc cụ thể, rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào trước đây. Tôi xin chịu trách nhiệm về sự cam đoan này.

Ninh Bình, ngày.....tháng 5 năm 2025

Sinh viên

Đinh Thị Khánh Huyền

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHÓA LUẬN

Đề tài khóa luận tốt nghiệp “*Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5*” là công trình nghiên cứu của sinh viên Đinh Thị Khánh Huyền, nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kì công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Đề tài đã được chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp ngày 22/5/2025.

Ninh Bình, ngày.....tháng 5 năm 2025

Người hướng dẫn

ThS. Bùi Thị Hồng

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa
1	GV	Giáo viên
2	HS	Học sinh
3	KTDH	Kỹ thuật dạy học
4	Nxb	Nhà xuất bản
5	PPDH	Phương pháp dạy học
6	PP	Phương pháp
7	SGV	Sách giáo viên
8	SHS	Sách học sinh

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

Bảng 1. So sánh sự khác nhau giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực.

Bảng 1.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt của môn Tiếng Việt lớp 5.

Bảng 2. Danh mục các bài học sử dụng để thiết kế

Bảng 3. Kết quả bài kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng Trường Tiểu học Ninh Vân

Hình 3.1. Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra kiến thức của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng – Trường Tiểu học Ninh Vân

Bảng 3.2. Kết quả bài kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng Trường Tiểu học Đông Thành

Hình 3.3. Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra kiến thức của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng – Trường Tiểu học Đông Thành

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
3.1. Mục đích nghiên cứu.....	5
3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	6
4.1. Đối tượng nghiên cứu	6
4.2. Phạm vi nghiên cứu.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	6
6.1. Ý nghĩa khoa học	6
6.2. Ý nghĩa thực tiễn	7
Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI	8
1.1. Một số khái niệm.....	8
1.1.1. Phương pháp dạy học	8
1.1.2. Phương pháp dạy học tích cực	8
1.1.3. Phân biệt quan điểm, phương pháp, kĩ thuật, hình thức tổ chức dạy học.....	13
1.2. Khái quát về phương pháp dạy học tích cực.....	15
1.2.1. Sự khác nhau giữa phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học tích cực.....	15
1.2.2. Ý nghĩa của việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực	16
1.2.3. Một số phương pháp dạy học tích cực thường được sử dụng ở tiểu học.....	18
1.3. Khái quát về chương trình, nội dung dạy học Tiếng Việt lớp 5	39
1.3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung	39
1.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù.....	39
1.3.3. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe	41
1.3.4. Khái quát về sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.....	46

1.4. Đặc điểm tâm lí và nhận thức của học sinh lớp 5 chi phối việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực	48
Kết luận chương 1	52
Chương 2 VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5	53
2.1. Một số nguyên tắc khi vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5.....	53
2.1.1. Đảm bảo tính tích cực, chủ động của học sinh	53
2.1.2. Đảm bảo tính trực quan và gắn liền với thực tiễn.....	53
2.1.3. Đảm bảo tính tương tác giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh với nhau.....	54
2.1.4. Đảm bảo sự phù hợp với đặc điểm tâm lí, nhận thức của học sinh lớp 5.....	54
2.1.5. Kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học	55
2.1.6. Đảm bảo đánh giá quá trình và kết quả học tập một cách toàn diện ..	55
2.2. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy Tiếng Việt lớp 5 có sử dụng phương pháp dạy học tích cực.....	55
2.2.1. Tiêu chí và lý do lựa chọn bài học để thiết kế dạy học sử dụng phương pháp dạy học tích cực.....	55
2.2.2. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy Tiếng Việt lớp 5 có sử dụng phương pháp dạy học tích cực.....	57
2.3. Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5	117
2.3.1. Lựa chọn phương pháp phù hợp với nội dung bài học	117
2.3.2. Đảm bảo sự cân bằng giữa hướng dẫn của giáo viên và hoạt động của học sinh	118
2.3.3. Quản lí thời gian hợp lí trong mỗi hoạt động học tập.....	118
2.3.4. Tạo môi trường học tập tích cực, thân thiện	118
2.3.5. Đánh giá học sinh theo nhiều hình thức khác nhau	119
2.3.6. Điều chỉnh phương pháp dạy học dựa trên phản hồi từ học sinh	119
Kết luận chương 2	120
Chương 3 THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM.....	121
3.1. Mục đích thực nghiệm	121

3.2. Kế hoạch thực nghiệm	121
3.2.1. Địa điểm thực nghiệm.....	121
3.2.2. Đối tượng thực nghiệm	121
3.2.3. Phương pháp đánh giá.....	121
3.3. Nội dung thực nghiệm.....	121
3.4. Tổ chức thực nghiệm.....	122
3.5. Kết quả thực nghiệm	122
3.5.1. Về năng lực	122
3.5.2. Về phẩm chất.....	126
3.6. Đánh giá và kết luận.....	126
Kết luận chương 3	128
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	129
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	131
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học là xu hướng tất yếu, đáp ứng yêu cầu giáo dục và đào tạo con người trong bối cảnh nền khoa học - công nghệ phát triển mạnh mẽ và nền kinh tế tri thức đóng vai trò ngày càng quan trọng đối với mọi quốc gia. Tư tưởng cơ bản của quan điểm này là sự chuyển đổi căn bản từ truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực - nói một cách đơn giản, giáo dục phải hướng tới mục tiêu *Người học làm được gì* chứ không tập trung vào việc xác định *Người học biết gì*. Như vậy, mục tiêu của giáo dục hiện đại là đào tạo ra những con người mới phát triển toàn diện, năng động, sáng tạo, thích ứng nhanh với mọi sự phát triển của xã hội, biết vận dụng cái học được vào giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống, để có thể tiếp tục học suốt đời.

Đổi mới PPDH theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo của người học là nội dung quan trọng nhằm cải cách căn bản, toàn diện nền giáo dục nước ta, đồng thời góp phần giải quyết vấn đề chiến lược con người trong thời đại mới của đất nước. Trong *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể* (2018) đã nêu rõ quan điểm chỉ đạo về việc đổi mới PPDH: các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hóa hoạt động của HS, trong đó GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển [3; tr.32]. Việc chuyển từ PPDH thụ động sang PPDH tích cực là bước tiến mới, là hướng đi đúng đắn trong dạy học hiện nay. Khi áp dụng các PPDH tích cực, giờ học sẽ trở nên sinh động, hấp dẫn và có ý nghĩa. Người học được tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, tự học và tự khám phá kiến thức. Điều này góp phần rèn luyện tư duy, óc sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề của HS.

Bậc tiểu học là bậc học nền tảng trong hệ thống giáo dục quốc dân, do đó, việc sử dụng PPDH tích cực ở tiểu học càng cần thiết và quan trọng. Trong chương trình dạy học ở tiểu học, môn Tiếng Việt thể hiện rõ tư cách là

môn học trung tâm, giữ vai trò trọng yếu nhất, bởi nó vừa là môn học độc lập vừa mang tính công cụ, giúp HS có phương tiện giao tiếp làm cơ sở để học tập tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác. Việc đổi mới PPDH nhằm nâng cao chất lượng học tập luôn là mối quan tâm hàng đầu của mỗi GV tiểu học nói chung, GV dạy Tiếng Việt nói riêng.

Đặc biệt, năm học 2024 – 2025 là năm học đầu tiên thực hiện bộ sách giáo khoa mới đối với khối lớp 5, bởi vậy, vẫn còn nhiều khó khăn trong việc vận dụng các PPDH. Việc tìm hiểu, nghiên cứu các PPDH tích cực có thể sử dụng hiệu quả trong môn Tiếng Việt lớp 5 là một việc làm vô cùng cần thiết đối với mỗi GV và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học, góp phần thực hiện yêu cầu, mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông (2018).

Xuất phát từ những lí do trên, tôi chọn đề tài nghiên cứu: **Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5.**

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

PPDH tích cực không phải là một khái niệm mới trong giáo dục mà nó đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu giáo dục trong và ngoài nước. Trên thế giới, PPDH tích cực được nhiều nhà nghiên cứu giáo dục quan tâm và đề xuất với các cách tiếp cận khác nhau.

Trong cuốn *Dân chủ và Giáo dục* một công trình nghiên cứu nổi tiếng của nhà giáo dục người Mỹ John Dewey (1916) đã nhấn mạnh rằng việc học phải gắn liền với các hoạt động thực tiễn và HS nên được trải nghiệm các tình huống thực tế để phát triển kĩ năng giải quyết vấn đề, với Dewey, việc học qua thực hành là một quá trình liên tục, trong đó HS không chỉ học thông qua việc nghe lí thuyết mà còn thông qua các trải nghiệm thực tiễn, từ đó phát triển tư duy độc lập và kĩ năng phản biện [27].

Nhà tâm lí học và triết học người Thụy Sĩ – Jean Piaget (1952), với cuốn *Sự ra đời trí khôn ở trẻ em*, đã cho rằng quá trình học là một quá trình tích cực, trong đó học sinh sẽ tự mình khám phá thế giới và xây dựng kiến thức thông qua việc tương tác với môi trường. Điều này phù hợp với quan điểm của dạy học tích cực khi khuyến khích học sinh khám phá và tư duy thay vì chỉ tiếp thu một cách thụ động [28].

Trong cuốn sách *Tâm lí nghệ thuật* của tác giả Lev Vygotsky (1978) một nhà tâm lí học Liên Xô đã cho rằng học sinh sẽ phát triển tốt nhất khi chúng

được tương tác với những người khác, bao gồm cả GV và bạn bè, trong một môi trường học tập hỗ trợ, và từ đó tự phát triển khả năng tư duy độc lập [29].

Cho đến nay, những nghiên cứu về PPDH tích cực trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học đã có nhiều công trình đề cập đến.

Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn (2018) nêu rõ quan điểm chỉ đạo: GV phải là người hướng dẫn HS tự học, khám phá qua các hoạt động thực hành và trải nghiệm. Đồng thời, Chương trình định hướng việc sử dụng PPDH tích cực giúp HS phát triển các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và năng lực giao tiếp thông qua các hoạt động như thảo luận, đóng vai, kể chuyện... Chương trình cũng khuyến khích các hình thức tổ chức dạy học như làm việc nhóm, dự án, trò chơi ngôn ngữ để tạo sự tương tác, hợp tác giữa HS. Ngoài ra, các phương pháp này còn hỗ trợ việc tích hợp các nội dung giáo dục khác như đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống, góp phần phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của HS [4].

Nhóm tác giả Bùi Thị Hồng (Chủ nhiệm), Đỗ Hồng Linh, Nguyễn Thị Thanh Nga (2021) với đề tài *Phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy học phần “Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2” – Trường Đại học Hoa Lư* đã đưa ra những chỉ dẫn về việc vận dụng những PPDH tích cực trong dạy học học phần này tại Trường Đại học Hoa Lư. Đồng thời, các tác giả thiết kế một số kế hoạch bài dạy cụ thể nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên. Qua đó, đề tài góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực sư phạm có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông mới, thích ứng với những đổi mới của giáo dục [9].

Trong bài *Tác động của phương pháp dạy học tích cực đến sự phát triển năng lực ngôn ngữ của học sinh lớp 5* của Phạm Văn Hiền (2021), Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã so sánh giữa việc áp dụng và không áp dụng PPDH tích cực trong dạy Tiếng Việt lớp 5. Qua đó có thể thấy rằng những học sinh được học tập theo PPDH tích cực thể hiện khả năng diễn đạt, giao tiếp và tư duy phản biện tốt hơn so với những học sinh học theo phương pháp truyền thống. Kết quả này cho thấy PPDH tích cực không chỉ giúp nâng cao kỹ năng ngôn ngữ mà còn phát triển các năng lực tư duy quan trọng của học sinh [7].

Đề tài *Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học* của sinh viên Dương Thị Ngọc Ánh (Chủ nhiệm), Đinh Thị Xuân Hương (2022), Trường Đại học Hoa Lư đã thiết kế một số các kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt nhằm phát triển năng lực học sinh tiểu học một cách có hiệu quả. Đồng thời, tác giả cũng khẳng định vai trò của PPDH tích cực trong việc hình thành và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cho học sinh một cách toàn diện [1].

Trong cuốn sách *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học* của tác giả Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2023), có đề cập đến vai trò của PPDH tích cực trong quá trình giảng dạy. Từ việc giới thiệu một số vấn đề về dạy học phát triển năng lực đến trình bày PPDH, kiểm tra và đánh giá năng lực môn Tiếng Việt tiểu học, tác giả đã nêu ra một số PPDH tích cực để tổ chức dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh. Cuốn sách phục vụ không chỉ cho đổi mới PPDH nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, mà còn là tài liệu cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết để GV có thể dạy học một cách hiệu quả và phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ cho học sinh [22].

Sinh viên Trần Thị Ngọc Ánh (2023), Trường Đại học Hoa Lư với đề tài *Thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 theo định hướng phát triển năng lực học sinh*. Ở đề tài này, tác giả đã thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống) theo hướng phát triển năng lực HS để góp phần nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Việt. Các hoạt động Khởi động được thiết kế theo hướng tích cực nhằm thu hút sự chú ý, tạo hứng thú và khơi dậy động lực học tập cho học sinh ngay từ đầu tiết học. Điều này phù hợp với nguyên tắc của PPDH tích cực, là giúp học sinh trở nên chủ động, sẵn sàng tham gia vào quá trình học tập thay vì chỉ tiếp nhận kiến thức một cách thụ động [2].

Cuốn *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông mới* của tác giả Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2023) đã trình bày những vấn đề cơ bản dạy học phát triển năng lực trong môn Tiếng Việt – Ngữ Văn. Từ đó, tác giả đề xuất các PPDH nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh trong dạy học đọc, viết, nghe – nói [23].

Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 5, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống của tác giả Bùi Mạnh

Hùng (2024), đã chỉ ra “Năng lực của người học chỉ có thể hình thành và phát triển thông qua các hoạt động. Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh theo định hướng của chương trình mới, GV cần chú trọng việc tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho học sinh. Trong giờ học, học sinh cần được thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học, phát huy khả năng tự học, có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận, tương tác tích cực với bạn bè và với thầy cô.” [10; tr.5].

Trong *Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 5*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tác giả Trần Thị Hiền Lương (2024) đã trình bày các phương án tổ chức hoạt động dạy học tương ứng với từng bài học trong sách học sinh. Tuy nhiên, các bài được biên soạn chỉ mang tính gợi ý, định hướng để GV lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học [15].

Có thể nói, các công trình nghiên cứu tiêu biểu được kể trên đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về PPDH tích cực, cách sử dụng một số PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018). Tuy nhiên, trong khả năng bao quát tài liệu liên quan đến đề tài, hiện chưa thấy công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống về việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5 theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Trên cơ sở kế thừa những thành tựu của các nhà nghiên cứu đi trước, đề tài tập trung nghiên cứu việc vận dụng các PPDH tích cực trong dạy học một số bài Tiếng Việt lớp 5, góp phần thực hiện mục tiêu Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn của việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5 nhằm phát triển năng lực, phẩm chất của HS.
- Đề tài được thực hiện thành công sẽ bổ sung nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho GV, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong học tập và thực hành nghề nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học ở tiểu học.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích, làm rõ vai trò của việc vận dụng những PPDH tích cực; chỉ ra những PPDH tích cực có thể sử dụng hiệu quả trong dạy học Tiếng Việt lớp 5.

- Tìm hiểu nội dung chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2024.

- Vận dụng PPDH tích cực để thiết kế một số kế hoạch dạy học Tiếng Việt lớp 5.

- Thiết kế kế hoạch bài dạy thử nghiệm và tiến hành thực nghiệm sư phạm để kiểm chứng vấn đề nghiên cứu của khóa luận.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Vận dụng PPDH tích cực trong hoạt động dạy học môn Tiếng Việt lớp 5, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2024.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Khóa luận tập trung nghiên cứu một số PPDH tích cực có thể vận dụng trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 5, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2024.

- Tổ chức dạy thực nghiệm tại trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

5. Phương pháp nghiên cứu

Khóa luận sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết:

+ Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp phân loại, hệ thống hóa lý thuyết: nghiên cứu cơ sở lý luận của đề tài

+ Phương pháp so sánh, đối chiếu: so sánh, chỉ ra điểm khác nhau giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực.

- Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ Phương pháp quan sát: Dự giờ, quan sát hoạt động học tập của HS lớp 5 ở một số trường tiểu học trong dạy học Tiếng Việt, từ đó có định hướng để vận dụng PPDH phù hợp.

+ Phương pháp thực nghiệm sư phạm: tổ chức dạy thực nghiệm ở một trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

+ Phương pháp thống kê: thống kê, đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm.

+ Phương pháp phân tích và tổng hợp kinh nghiệm: Tham khảo PPDH, kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 5 của một số GV có kinh nghiệm.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

- Đề tài góp phần làm rõ cơ sở lý luận về PPDH tích cực và khả năng vận dụng vào dạy học môn Tiếng Việt lớp 5. Góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Đề tài nếu được vận dụng một cách đúng đắn, linh hoạt sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong dạy học Tiếng Việt lớp 5, góp phần quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu môn học.

- Làm tài liệu tham khảo cho GV, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học trong học tập và thực hành nghề nghiệp, góp phần giải quyết những khó khăn về việc đổi mới PPDH hiện nay.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA ĐỀ TÀI

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. Phương pháp dạy học

Thuật ngữ PPDH hiện được sử dụng rất đa dạng và có nhiều quan điểm: Có những ý kiến cho rằng PPDH chính là cách thức làm việc giữa người dạy và người học, thông qua đó giúp người học có thể nắm vững đầy đủ các kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo nhằm hình thành nên năng lực và thế giới quan. Xong cũng có những ý kiến cho rằng PPDH thực ra là các hình thức kết hợp về hoạt động của người dạy và người học với mục tiêu hướng vào một việc để cùng đạt được một mục đích nào đó.

Theo *Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể* (2018), PPDH là cách thức tổ chức, hướng dẫn HS tiếp cận và lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, phát triển tư duy và thái độ học tập tích cực [3].

Trong cuốn *Vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực ở trường Tiểu học*, tác giả Nguyễn Thanh Nga (Chủ biên) cho rằng: PPDH là con đường, cách thức cụ thể để đạt đến mục tiêu bài học, phù hợp với những nội dung và những điều kiện dạy học cụ thể. Chẳng hạn: PPDH Trực quan, PPDH Dự án, PPDH Giải quyết vấn đề,...[21; tr.10].

Trong cuốn *Lý luận dạy học* (2002) của PGS.TSKH. Nguyễn Văn Hộ đã nêu khái niệm về PPDH: là con đường, cách thức vận động của nội dung dạy học phù hợp với quy luật phát triển tâm lý, sinh lý và trình độ nhận thức của người học, là các biện pháp tổ chức hợp tác giữa GV và trò nhằm giúp cho trò chiếm lĩnh được nội dung dạy học một cách vững chắc [9; tr.14].

Như vậy, PPDH là một khái niệm cơ bản trong giáo dục, đó là phương tiện, là con đường, là cách thức hoạt động chung của GV và HS nhằm trang bị tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và phát triển năng lực, phẩm chất cho HS.

1.1.2. Phương pháp dạy học tích cực

a) Thuật ngữ phương pháp dạy học tích cực

Thuật ngữ PPDH tích cực đã được nhiều công trình đề cập đến:

Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể (2018) đã chỉ ra rằng: các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hóa hoạt động của HS, trong đó GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn

hoạt động cho HS, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HS tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển [3; tr.32].

Nhà nghiên cứu Phó Đức Hòa, tác giả cuốn *Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học* (2008) khẳng định: PPDH tích cực là thuật ngữ rút gọn để chỉ các phương pháp nhằm đề cao vai trò tự giác, tích cực, độc lập nhận thức của người học dưới vai trò tổ chức, định hướng của người dạy [8; tr.12].

Trong cuốn *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học* (2021), tác giả Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên) khẳng định: PPDH tích cực nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh, là “dạy học lấy hoạt động của người học làm trung tâm” [5; tr.21].

Tóm lại, PPDH tích cực không phải là một PPDH cụ thể mà là một khái niệm, bao gồm nhiều phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học khác nhau, nhằm tích cực hóa, tăng cường sự tham gia của người học, tạo điều kiện cho người học phát triển tối đa khả năng học tập và những năng lực, phẩm chất quan trọng, cần thiết.

b) Đặc điểm chính của phương pháp dạy học tích cực

PPDH tích cực có một số đặc điểm chính như sau:

- *Học sinh là trung tâm của quá trình học tập*: Trong PPDH tích cực, GV đóng vai trò là người hướng dẫn, hỗ trợ. HS được khuyến khích tự tìm hiểu, khám phá kiến thức và tự chịu trách nhiệm về quá trình học tập của mình.

- *Tăng cường học tập cá thể, phối hợp và học tập hợp tác*: PPDH tích cực yêu cầu HS tham gia vào các hoạt động như thảo luận nhóm, đóng vai, thực hiện dự án để tự trải nghiệm và học hỏi và làm tăng hiệu quả và chất lượng của giờ học, đặc biệt khi phải giải quyết các vấn đề phức tạp, khó hiểu. Việc hoạt động nhóm sẽ giúp các thành viên ý thức không ỷ lại, tinh cảm bạn bè, tinh thần hỗ trợ được phát huy từ đó giúp HS phát triển được kỹ năng giao tiếp.

- *Tăng cường tư duy phản biện và sáng tạo*: PPDH tích cực giúp HS phát triển kỹ năng tư duy độc lập, phản biện và sáng tạo thông qua việc giải

quyết các tình huống đa dạng, từ đó nâng cao khả năng ứng dụng kiến thức trong cuộc sống thực tế.

- *Tương tác đa chiều*: HS không chỉ tiếp nhận kiến thức từ GV mà còn từ bạn bè, sách vở và các nguồn tài liệu khác. Tương tác đa chiều này giúp kiến thức được chia sẻ và củng cố thông qua các cuộc thảo luận, trao đổi ý kiến.

- *Kết hợp đánh giá của người dạy với tư cách đánh giá của người học*: Việc kiểm tra và đánh giá là một việc vô cùng quan trọng trong dạy học. Nó giúp người dạy điều chỉnh dạy, còn người học tự điều chỉnh quá trình học của bản thân; từ đó mở ra một chu trình dạy học tiếp theo

PPDH tích cực không chỉ tập trung vào việc truyền tải kiến thức, mà còn hướng đến việc phát triển toàn diện các kỹ năng và phẩm chất của HS. Để hiểu rõ hơn về cách thức vận hành của PPDH tích cực, ta cần xem xét các đặc điểm nổi bật của PPDH tích cực:

Đầu tiên để áp dụng hiệu quả PPDH tích cực, GV cần phải biết kế thừa, phát huy những ưu điểm, khắc phục nhược điểm của các PPDH truyền thống, đồng thời cập nhật các PPDH hiện đại sao cho phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện dạy và học của nhà trường, của địa phương và khả năng nhận thức của HS.

c) Điều kiện để thực hiện dạy học tích cực

Các điều kiện để thực hiện dạy học tích cực:

- Nâng cao trình độ, năng lực sư phạm của đội ngũ GV/giảng viên sư phạm.
- Điều chỉnh chương trình và sách giáo khoa cho phù hợp với thực tế giáo dục, điều kiện hoàn cảnh địa phương, theo hướng tăng cường phát triển năng lực cho HS.

- Đảm bảo có đủ đồ dùng dạy học tối thiểu, trang thiết bị và cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đổi mới kiểm tra - đánh giá.

- Nâng cao trình độ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý và đổi mới công tác chỉ đạo quản lý các cấp.

Trong các điều kiện để thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, cần chú trọng đến vai trò của GV, vì GV là yếu tố quyết định chất lượng giáo dục.

Yêu cầu đối với GV trong dạy và học tích cực:

- Trách nhiệm, lương tâm của người thầy:

- + Có thái độ tích cực, thân thiện, yêu thương HS.
- + Tâm huyết, quan tâm đến mọi HS, coi trọng đạo đức nghề nghiệp.
- + Linh hoạt, sáng tạo trong vận dụng các PPDH, tổ chức các hoạt động dạy học đảm bảo sự tương tác giữa người dạy với người học, giữa người học với người học.

- Đáp ứng sự đa dạng của dạy và học tích cực:

- + Hiểu rõ bản chất của dạy và học tích cực.

- + Có năng lực chuyên môn vững vàng.

- + Có thái độ coi trọng sự khác biệt của người học và có khả năng tổ chức các hoạt động dạy học đáp ứng khả năng/năng lực của người học

d) Các hình thức của phương pháp dạy học tích cực

PPDH tích cực được triển khai qua nhiều hình thức khác nhau, giúp đáp ứng các nhu cầu học tập đa dạng của HS. Các hình thức dạy học này không chỉ làm phong phú quá trình học tập mà còn tạo cơ hội để HS học hỏi và khám phá kiến thức theo nhiều cách thức sáng tạo. Một số PPDH tích cực được áp dụng phổ biến trong giáo dục hiện nay như:

- *Dạy học qua phương pháp thảo luận nhóm*: HS làm việc theo nhóm để trao đổi, thảo luận và giải quyết vấn đề, qua đó phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác và tư duy.

- *Dạy học qua phương pháp đóng vai*: HS đóng vai trong các tình huống học tập, phát triển khả năng tư duy linh hoạt và sáng tạo của HS; phát triển khả năng lắng nghe, tư duy logic và truyền đạt ý kiến một cách rõ ràng; HS tự tin hơn trong việc thể hiện ý kiến và suy nghĩ của mình, duy trì sự tự tin trong việc giao tiếp và trình bày; nâng cao khả năng giải quyết vấn đề của HS; tạo ra một môi trường học tập thú vị và tăng cường sự tự tin và sự tự nhận thức của HS.

- *Dạy học theo phương pháp dự án*: HS thực hiện các dự án học tập liên quan đến kiến thức, kỹ năng cần thiết, giúp các em vận dụng kiến thức và phát triển kỹ năng sáng tạo và giải quyết vấn đề; phát huy tính tự lực, tinh thần trách nhiệm.

- *Dạy học theo phương pháp giải quyết vấn đề*: GV đưa ra vấn đề thực tế hoặc tình huống giả định, yêu cầu HS tìm cách giải quyết dựa trên kiến

thức và kĩ năng đã học, tạo ra sự kích thích, tính chủ động, sáng tạo và tự giải quyết vấn đề của HS.

- *Dạy học theo phương pháp trò chơi học tập*: Trò chơi học tập là loại trò chơi có nội dung tri thức gắn với hoạt động học tập của HS và gắn với nội dung bài học. Trò chơi học tập giúp HS khai thác vốn kinh nghiệm của bản thân để chơi và để học. Trò chơi học tập có tác dụng cả về mặt rèn luyện trí tuệ lẫn thể chất và các phẩm chất đạo đức.

e) Lợi ích của phương pháp dạy học tích cực

PPDH tích cực không chỉ làm thay đổi cách tiếp cận kiến thức của HS mà còn mang lại nhiều lợi ích lâu dài. Những lợi ích này giúp HS phát triển toàn diện về kĩ năng, tư duy và thái độ học tập, góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục.

- *Phát triển tư duy sáng tạo*: Thông qua việc tham gia vào các hoạt động như: Thảo luận, Đóng vai, Dự án,... HS có cơ hội suy nghĩ theo nhiều cách khác nhau, từ đó khuyến khích khả năng sáng tạo.

- *Tăng cường khả năng tự học*: Khi HS tham gia vào việc tự nghiên cứu và giải quyết vấn đề, các em dần hình thành thói quen và kĩ năng tự học, tự quản lí tiến trình học tập của mình.

- *Cải thiện kĩ năng giao tiếp và hợp tác*: Các hoạt động nhóm trong dạy học tích cực giúp HS học cách giao tiếp, chia sẻ ý kiến và làm việc cùng nhau, từ đó phát triển kĩ năng giao tiếp và hợp tác hiệu quả.

- *Gắn kết hơn với kiến thức*: Thay vì học một cách thụ động, HS được tự mình trải nghiệm, khám phá, giúp các em hiểu sâu và ghi nhớ kiến thức lâu dài hơn.

Mặc dù PPDH tích cực mang lại nhiều lợi ích, quá trình áp dụng cũng gặp phải những khó khăn và thách thức nhất định. Việc nhận diện những trở ngại này giúp GV và nhà trường có biện pháp thích hợp để khắc phục, đảm bảo tính hiệu quả của phương pháp.

- *Yêu cầu nhiều thời gian chuẩn bị*: PPDH tích cực đòi hỏi GV phải chuẩn bị kĩ lưỡng các hoạt động và tài liệu dạy học phù hợp, điều này có thể tốn nhiều thời gian và công sức.

- *Khả năng tiếp thu của học sinh không đồng đều*: Trong một lớp học, khả năng tiếp thu của HS thường khác nhau. Việc áp dụng phương pháp này

đôi khi gặp khó khăn khi một số HS không theo kịp tiến độ hoặc không tự tin tham gia các hoạt động.

- *Cần cơ sở vật chất phù hợp*: Dạy học tích cực thường yêu cầu không gian lớp học linh hoạt và nhiều công cụ hỗ trợ như thiết bị công nghệ, tài liệu thực hành, dụng cụ học tập, v.v.

Để PPDH tích cực đạt hiệu quả tối đa, cần có các điều kiện hỗ trợ đồng bộ từ GV, nhà trường, đến môi trường học tập. Những điều kiện này đóng vai trò quan trọng, tạo nền tảng vững chắc cho việc áp dụng thành công PPDH hiện đại này.

- *Năng lực và sự nhiệt tình của GV*: GV cần có kỹ năng tổ chức, quản lý lớp học linh hoạt, và sự nhiệt tình trong việc hỗ trợ, hướng dẫn HS tham gia các hoạt động học tập.

- *Sự hỗ trợ từ nhà trường*: Nhà trường cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất, công cụ học tập, và thời gian phù hợp cho GV và HS áp dụng phương pháp này.

- *Môi trường học tập tích cực*: Môi trường học tập cần khuyến khích HS tự do trao đổi, chia sẻ ý kiến mà không lo ngại về sự đánh giá. Bên cạnh đó, nên tạo ra không khí học tập gắn kết, hỗ trợ lẫn nhau giữa các HS.

- *Tài liệu và công cụ hỗ trợ*: GV và HS cần được cung cấp đầy đủ tài liệu học tập, công cụ và phương tiện dạy học hiện đại để áp dụng linh hoạt và sáng tạo phương pháp này.

Tóm lại, PPDH tích cực không chỉ là một cách thức tổ chức dạy học, mà còn là một triết lý giáo dục tập trung vào sự phát triển toàn diện của người học. Thông qua các nguyên tắc, đặc điểm và hình thức dạy học đa dạng, phương pháp này giúp HS trở thành những người học tích cực, chủ động và sáng tạo. Dù gặp phải một số khó khăn và thách thức trong quá trình áp dụng, nhưng với sự chuẩn bị và điều kiện hỗ trợ phù hợp, PPDH tích cực có thể mang lại những kết quả giáo dục tích cực và bền vững.

1.1.3. Phân biệt quan điểm, phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học

Trong dạy học, để đảm bảo sự thống nhất và hiệu quả trong việc triển khai các hoạt động giáo dục, GV cần hiểu rõ và phân biệt được các khái niệm quan điểm, phương pháp, kỹ thuật, và hình thức tổ chức dạy học. Mỗi khái niệm có chức năng và vai trò riêng trong việc xây dựng và thực hiện quy trình

dạy học, giúp GV linh hoạt lựa chọn cách thức phù hợp với nội dung và đối tượng HS.

Quan điểm dạy học là những tư tưởng, định hướng lớn trong việc tổ chức và xây dựng nội dung giảng dạy, dựa trên các triết lý giáo dục và mục tiêu của nhà trường. Quan điểm này phản ánh các giá trị cốt lõi, mục tiêu tổng quát mà quá trình giáo dục muốn đạt tới, từ đó định hướng cho toàn bộ hoạt động dạy học.

Chẳng hạn, trong giáo dục hiện đại, quan điểm “lấy học sinh làm trung tâm” được xem là một trong những định hướng chủ đạo. Theo quan điểm này, GV cần tạo điều kiện để HS trở thành chủ thể tích cực, chủ động trong việc chiếm lĩnh kiến thức. Bên cạnh đó, quan điểm dạy học còn nhấn mạnh vào việc giúp HS phát triển kỹ năng, phẩm chất cá nhân, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề. Quan điểm dạy học cũng có thể bao gồm các hướng tiếp cận cụ thể, như dạy học tích cực, dạy học thực tiễn, dạy học phát triển năng lực, dạy học tích hợp.

Quan điểm dạy học là nền tảng định hướng cho việc lựa chọn phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học. Một khi GV hiểu rõ và tuân thủ đúng các quan điểm dạy học, họ có thể tạo ra các trải nghiệm học tập phù hợp với nhu cầu, khả năng và tính cách của từng HS, từ đó đạt hiệu quả cao trong quá trình giảng dạy.

Phương pháp dạy học là cách thức hoạt động của GV và HS nhằm thực hiện những mục tiêu dạy học xác định, phù hợp với những nội dung và điều kiện dạy học cụ thể. Có thể kể đến một số PPDH như: Thảo luận nhóm, Đóng vai, Trò chơi học tập, Giải quyết vấn đề...

Kỹ thuật dạy học là những thao tác nhỏ, các biện pháp cụ thể mà GV sử dụng trong quá trình dạy học nhằm tăng tính hiệu quả của PPDH. Kỹ thuật dạy học thường là những thủ thuật, chi tiết nhỏ trong từng hoạt động, giúp HS dễ dàng tiếp cận và hiểu bài hơn. Ví dụ, kỹ thuật Khăn trải bàn, kỹ thuật Động não, kỹ thuật Phòng tranh...

Kỹ thuật dạy học có tính linh hoạt cao, GV có thể linh hoạt thay đổi và áp dụng tùy theo từng đối tượng HS và yêu cầu của bài học. Kỹ thuật dạy học tuy không phải là một phương pháp tổng quát nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ đắc lực, giúp tối ưu hóa hiệu quả của các PPDH lớn hơn.

Hình thức tổ chức dạy học là cách thức bố trí không gian, thời gian, và cách thức sắp xếp lớp học để triển khai hoạt động dạy học một cách hiệu quả nhất. Hình thức tổ chức dạy học là yếu tố giúp tạo điều kiện thuận lợi để phương pháp và kỹ thuật dạy học được áp dụng thành công.

Có nhiều hình thức tổ chức dạy học, chẳng hạn như dạy học cá nhân, dạy học theo nhóm, dạy học toàn lớp, dạy học ngoài trời, hoặc dạy học qua trải nghiệm thực tế. Mỗi hình thức tổ chức dạy học đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Ví dụ, dạy học cá nhân cho phép GV chú ý đến từng HS, đáp ứng nhu cầu học tập riêng biệt. Trong khi đó, dạy học nhóm lại tạo điều kiện cho các em tương tác, giao lưu và học hỏi lẫn nhau. Dạy học ngoài trời hay qua trải nghiệm thực tế mang lại cảm giác mới mẻ, giúp HS kết nối kiến thức lí thuyết với thực tiễn.

Lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp sẽ giúp GV tối ưu hóa các phương pháp và kỹ thuật dạy học, từ đó giúp HS tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, tự nhiên và hiệu quả.

Việc phân biệt rõ ràng giữa quan điểm, phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học là điều cần thiết để xây dựng một quy trình dạy học khoa học, hiệu quả và phù hợp với đối tượng HS. Quan điểm dạy học là định hướng về mặt tư tưởng và mục tiêu của toàn bộ hoạt động giáo dục. PPDH là các chiến lược lớn, có tính hệ thống và giúp dẫn dắt quá trình học tập. Kỹ thuật dạy học là các thao tác hỗ trợ nhỏ lẻ giúp gia tăng tính hấp dẫn và hiệu quả của phương pháp. Hình thức tổ chức dạy học là cách thức sắp xếp không gian, thời gian học tập phù hợp với các phương pháp và kỹ thuật dạy học đã chọn. Khi GV hiểu rõ và biết cách vận dụng linh hoạt các yếu tố này, quá trình dạy học sẽ trở nên phong phú, đa dạng và đáp ứng tốt nhất nhu cầu phát triển của HS.

1.2. Khái quát về phương pháp dạy học tích cực

1.2.1. Sự khác nhau giữa phương pháp dạy học truyền thống với phương pháp dạy học tích cực

Trong quá trình đổi mới giáo dục, yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học đã đặt ra nhiệm vụ thay đổi cách tiếp cận và phương pháp giảng dạy. Điều này không chỉ đòi hỏi sự sáng tạo trong việc tổ chức hoạt động học tập mà còn yêu cầu một tư duy mới về vai trò của GV và HS. Để làm rõ vai trò nổi

bật của PPDH tích cực, cần so sánh và phân tích sự khác biệt giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực.

Dưới đây là bảng so sánh giữa PPDH dạy học truyền thống và PPDH tích cực trong các loại hình nhà trường

Bảng 1. So sánh sự khác nhau giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực

Tiêu chí	PPDH truyền thống	PPDH tích cực
Vai trò của GV	GV là trung tâm truyền đạt kiến thức	GV là người hướng dẫn, hỗ trợ tìm hiểu bài
Vai trò của HS	Tiếp thu kiến thức một cách thụ động	Chủ động tham gia vào quá trình học tập
Phương pháp dạy học	Giảng bài, đọc chép, kiểm tra kiến thức	Thảo luận nhóm, thực hành, giải quyết vấn đề, học theo dự án,...
Cách đánh giá	Chỉ có GV là người đánh giá. Dựa trên điểm số, bài kiểm tra	Cả GV và HS cùng tham gia đánh giá. Đánh giá quá trình, kỹ năng, sự sáng tạo
Mục tiêu	Truyền đạt kiến thức có sẵn. Học tập là một hoạt động mang tính cá nhân	Phát triển tư duy, kỹ năng tự học, sáng tạo, tinh thần đồng đội.
Hình thức tổ chức lớp học	Cố định, ít thay đổi, học cá nhân	Linh hoạt: học nhóm, thảo luận, trải nghiệm
Khả năng phát triển tư duy	Hạn chế, chủ yếu ghi nhớ	Cao, phát triển tư duy phản biện, sáng tạo

Có thể nói rằng, việc nhận thức rõ sự khác biệt giữa PPDH truyền thống và PPDH tích cực có vai trò quan trọng, giúp GV lựa chọn và vận dụng PPDH hiệu quả, từ đó tạo ra môi trường học tập tích cực, giúp HS không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển năng lực toàn diện.

1.2.2. Ý nghĩa của việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực

Việc áp dụng PPDH tích cực có ý nghĩa quan trọng trong giáo dục hiện đại, khi mục tiêu giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mà còn hướng đến việc phát triển năng lực, tư duy và phẩm chất của HS. PPDH tích cực không chỉ tạo ra môi trường học tập thân thiện, kích thích hứng thú học tập của HS mà còn trang bị cho các em những kỹ năng quan trọng để tự học và thích ứng với cuộc sống.

a) Khuyến khích tư duy sáng tạo và liên hệ thực tiễn

PPDH học tích cực tạo cơ hội để HS tham gia trực tiếp vào quá trình học tập thông qua các hoạt động như tìm tòi, khám phá, thảo luận, và giải quyết vấn đề. Điều này giúp HS không chỉ tiếp nhận kiến thức một cách thụ động mà còn phát triển khả năng tư duy độc lập, biết đặt câu hỏi và tìm cách giải quyết những vấn đề mới.

Bên cạnh đó, việc khuyến khích HS tự khám phá và liên hệ kiến thức với thực tiễn giúp các em hình thành tư duy sáng tạo, khả năng nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ khác nhau. Tư duy độc lập và sáng tạo không chỉ hỗ trợ HS trong học tập mà còn là nền tảng quan trọng giúp các em giải quyết các thách thức trong cuộc sống.

b) Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hợp tác xã hội

Một trong những đặc điểm nổi bật của PPDH tích cực là tổ chức các hoạt động học tập mang tính tương tác cao, như làm việc nhóm, đóng vai, hay thảo luận. Thông qua các hoạt động này, HS được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, biết cách lắng nghe và diễn đạt ý kiến của mình một cách rõ ràng.

Ngoài ra, HS còn học được cách hợp tác với bạn bè, biết cách phân chia nhiệm vụ, tôn trọng ý kiến của người khác và cùng nhau đạt được mục tiêu chung. Đây là những kỹ năng xã hội quan trọng, không chỉ giúp các em học tập tốt hơn mà còn chuẩn bị hành trang cho công việc và cuộc sống sau này.

c) Phát triển tính tự chủ và năng lực tự học

PPDH học tích cực tạo điều kiện để HS tự tham gia vào việc lập kế hoạch học tập, tự nghiên cứu và đánh giá tiến trình của mình. Điều này giúp các em hình thành tính tự chủ, biết cách quản lý thời gian, sắp xếp công việc và tự chịu trách nhiệm với kết quả học tập của bản thân.

HS chủ động tham gia vào quá trình học tập giúp các em rèn luyện tinh thần trách nhiệm, thái độ học tập tích cực, tự giác. Điều này rất cần thiết trong

việc hình thành năng lực tự học – một yêu cầu quan trọng trong xã hội học tập ngày nay.

d) Tăng cường mối liên hệ giữa kiến thức và thực tiễn

PPDH học tích cực khuyến khích HS tìm hiểu và ứng dụng kiến thức vào các tình huống thực tế. Thay vì chỉ học lí thuyết, HS được tham gia các hoạt động thực hành, thí nghiệm, hoặc giải quyết các vấn đề gắn liền với cuộc sống.

Nhờ đó, các em nhận thấy ý nghĩa thực tiễn của kiến thức, từ đó gia tăng sự hứng thú và động lực học tập. HS không còn cảm thấy việc học là một nhiệm vụ bắt buộc mà trở thành một hành trình khám phá và sáng tạo.

e) Đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và hội nhập xã hội

Việc áp dụng PPDH tích cực giúp hiện thực hóa mục tiêu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Phương pháp này góp phần chuyển đổi vai trò của GV từ “người truyền đạt” sang “người hướng dẫn”, tạo môi trường học tập lấy học sinh làm trung tâm.

Điều này không chỉ nâng cao chất lượng dạy học mà còn phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại, nơi mỗi HS được phát huy tối đa tiềm năng cá nhân. Đồng thời, PPDH tích cực cũng giúp xây dựng một thế hệ học sinh tự tin, sáng tạo, và sẵn sàng đối mặt với những thách thức của xã hội hiện đại.

PPDH tích cực mang lại nhiều ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển năng lực toàn diện cho HS. Việc áp dụng phương pháp này không chỉ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mà còn giúp học sinh hình thành tư duy sáng tạo, kĩ năng hợp tác, tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm. Đây là những yếu tố cần thiết để HS phát triển toàn diện, sẵn sàng thích nghi và hội nhập trong xã hội không ngừng thay đổi.

1.2.3. Một số phương pháp dạy học tích cực thường được sử dụng ở tiểu học

1) Thảo luận nhóm

* Khái niệm:

- Là PPDH trong đó GV tổ chức cho HS hình thành các nhóm học tập cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do GV đặt ra. Từ đó giúp HS tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm [30]

* Quy trình:



* Ưu điểm:

- HS có thể phát triển tiềm năng của mình theo nhiều cách
- HS dễ dàng bày tỏ ý kiến cá nhân; trao đổi, thảo luận và tìm ra giải pháp tối ưu cho nhiệm vụ được giao. Như vậy, giúp tích cực tiếp nhận tri thức làm tăng tính tư duy, khoa học, óc phán đoán của HS.
- Các thành viên được chủ động phân công nhiệm vụ. Vì bằng tuổi nhau nên dễ dàng chia sẻ những hiểu biết và cùng nhau xây dựng bài học trên tinh thần học hỏi lẫn nhau. Kiến thức trở nên lâu bền hơn, sâu hơn và dễ nhớ hơn. HS cũng cảm thấy mãn nguyện khi có đóng góp của chính mình bằng cách tham gia vào thành công chung của lớp học.
- Những HS nhút nhát trở nên mạnh dạn hơn, được tự do bày tỏ quan điểm nên dễ dàng hòa nhập cộng đồng. Tạo cho trẻ sự tự tin và hứng thú trong học tập và cuộc sống.
- Vốn kinh nghiệm xã hội của HS được phong phú, tăng kỹ năng giao tiếp, hợp tác nhóm.

* Nhược điểm:

- Một số HS có tâm lý ngại ngùng không tham gia hoạt động. Nếu không có sự giám sát và phân công hợp lý của GV, rất dễ dẫn đến tình trạng chỉ có một số cá nhân trong nhóm tham gia, còn những người khác trở nên mờ nhạt và không đóng góp vào các hoạt động của nhóm.
- Thảo luận quá nhiều dễ gây mất tập trung hoặc dẫn đến xung đột nghiêm trọng giữa các thành viên trong nhóm.
- Thời gian chuẩn bị nên dài hơn

- Đối với lớp học có đông HS, việc tổ chức thảo luận chiếm nhiều diện tích, khó di chuyển. Việc chia sẻ, thảo luận dễ dẫn đến mất trật tự, ồn ào, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và các lớp học khác.

* Lưu ý:

- Chỉ những hoạt động cần sự phối hợp nhóm, mang lại hiệu quả cao hơn hoạt động cá nhân mới nên sử dụng phương pháp này.

- Dùng khi củng cố một chủ đề đã học hoặc học một chủ đề hoàn toàn mới

- Sử dụng các câu hỏi để kiểm tra xem có nên tổ chức hoạt động nhóm như:

+ Chủ đề này có phù hợp để làm việc nhóm không?

+ Các nhóm phân công nhiệm vụ giống nhau hay nhiệm vụ riêng biệt?

+ Học sinh có đủ nền tảng kiến thức để giải quyết vấn đề không?

+ Nhiệm vụ cá nhân nên được phân công như thế nào?

+ Phân nhóm theo tiêu chí nào?

+ Cách xây dựng không gian hoạt động?

- Để tạo không khí cạnh tranh tích cực cho HS, sau khi hết thời gian thảo luận GV nên tổ chức cho các nhóm báo cáo quá trình thảo luận nhóm, nhận xét và đánh giá kết quả của từng thành viên trong nhóm một cách công bằng và khách quan

2) Dự án

* Khái niệm:

- Dạy học dự án là một hình thức dạy học hay PPDH phức hợp, trong đó dưới sự hướng dẫn của GV, người học tiếp thu kiến thức và hình thành kĩ năng thông qua việc giải quyết một bài tập tình huống (dự án) có thật trong đời sống, theo sát chương trình học, có sự kết hợp giữa lí thuyết với thực hành và tạo ra các sản phẩm cụ thể. [30]

* Quy trình:



*** Ưu điểm:**

- Gắn lí thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội
- Kích thích động cơ, hứng thú học tập của người học
- Phát huy tính tự lực, tính trách nhiệm
- Phát triển khả năng sáng tạo
- Rèn luyện năng lực giải quyết những vấn đề phức hợp
- Rèn luyện tính bền bỉ, kiên nhẫn
- Rèn luyện năng lực cộng tác làm việc
- Phát triển năng lực đánh giá

*** Nhược điểm:**

- Dạy học dự án không phù hợp trong việc truyền thụ tri thức lí thuyết mang tính hệ thống cũng như rèn luyện hệ thống kĩ năng cơ bản;
- Dạy học dự án đòi hỏi nhiều thời gian. Vì vậy dạy học dự án không thay thế cho phương pháp thuyết trình và luyện tập, mà là hình thức dạy học bổ sung cần thiết cho các PPDH truyền thống.
- Dạy học dự án đòi hỏi phương tiện vật chất và tài chính phù hợp để có thể tổ chức và triển khai hiệu quả.

*** Lưu ý:**

- Cần đảm bảo gắn kết giữa kiến thức trường học và thực tế ở đời sống
- Kết hợp được nguyên cứu lí thuyết và áp dụng vào những hoạt động thực hành
- Nhiệm vụ vừa sức với trình độ và khả năng của học sinh
- Đủ chủ đề để học sinh dễ dàng lựa chọn nội dung phù hợp với khả năng và hứng thú
- Các đề tài nghiên cứu nên kết hợp các kiến thức của nhiều môn khác nhau để tạo sự liên kết và tạo cảm hứng cho học
- Đề cao tinh thần làm việc nhóm, sự cộng tác làm việc giữa từng thành viên
- Sản phẩm không gò bó trong khuôn khổ là những bài thu hoạch lí thuyết mà có thể ứng dụng, công bố rộng rãi [30]

3) Trò chơi học tập

*** Khái niệm:**

- PPDH trò chơi học tập là phương pháp GV thông qua việc tổ chức các trò chơi có liên quan đến nội dung bài học, có tác dụng phát huy tính tích cực nhận thức,

gây hứng thú học tập cho HS. Qua trò chơi HS tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, đồng thời qua trò chơi phát triển tính tự giác. [30]

* Quy trình:

- Bước 1: GV giới thiệu tên, mục đích của trò chơi.
- Bước 2: Hướng dẫn chơi. Bước này bao gồm những việc làm sau:
 - + Tổ chức người tham gia trò chơi: Số người tham gia, số đội tham gia (mấy đội chơi), quản trò, trọng tài.
 - + Các dụng cụ dùng để chơi (giấy khổ to, quân bài, thẻ từ, cờ...)
 - + Cách chơi: Từng việc làm cụ thể của người chơi hoặc đội chơi, thời gian chơi, những điều người chơi không được làm...
 - + Cách xác nhận kết quả và cách tính điểm chơi, cách giải của cuộc chơi. (nếu có)
- Bước 3: Thực hiện trò chơi
- Bước 4: Nhận xét sau trò chơi.
- + Bước này bao gồm những việc làm sau:
 - GV hoặc trọng tài là học sinh nhận xét về thái độ tham gia trò chơi của từng đội, những việc làm chưa tốt của các đội để rút kinh nghiệm.
 - Trọng tài công bố kết quả chơi của từng đội, cá nhân và trao phần thưởng cho đội đoạt giải.
 - Một số HS nêu kiến thức, kĩ năng trong bài học mà trò chơi đã thể hiện.

* Ưu điểm:

- Trò chơi học tập là một hình thức học tập bằng hoạt động, hấp dẫn học sinh do đó duy trì tốt hơn sự chú ý của các em với bài học.
- Trò chơi làm thay đổi hình thức học tập chỉ bằng hoạt động trí tuệ, do đó giảm tính chất căng thẳng của giờ học, nhất là các giờ học kiến thức lí thuyết mới.
- Trò chơi có nhiều học sinh tham gia sẽ tạo cơ hội rèn luyện kĩ năng học tập hợp tác cho học sinh.

* Nhược điểm:

- Khó củng cố kiến thức, kĩ năng một cách có hệ thống.
- HS dễ sa đà vào việc chơi mà ít chú ý đến tính chất học tập của các trò chơi.

* Lưu ý:

- Lựa chọn hoặc tự thiết kế trò chơi đảm bảo những yêu cầu:
- + Mục đích của trò chơi phải thể hiện mục tiêu của bài học hoặc một phần của chương trình.

- + Hình thức chơi đa dạng giúp học sinh được thay đổi các hoạt động học tập trên lớp, giúp học sinh phối hợp các hoạt động trí tuệ với các hoạt động vận động.
- + Luật chơi đơn giản để học sinh dễ nhớ, dễ thực hiện. Cần đưa ra các cách chơi có nhiều học sinh tham gia để tăng cường kỹ năng học tập hợp tác.
- + Các dụng cụ chơi cần đơn giản, dễ làm hoặc dễ tìm kiếm tại chỗ
- Chọn quản trò chơi có năng lực phù hợp với yêu cầu của trò chơi.
- Tổ chức chơi vào thời gian thích hợp của bài học để vừa làm cho học sinh hứng thú học tập vừa hướng cho học sinh tiếp tục tập trung các nội dung khác của bài học một cách có hiệu quả. [30]

4) Đóng vai

* Khái niệm:

- Phương pháp đóng vai học sinh làm thử một công việc hoặc thực hiện một ứng xử trong tình huống giả định. Nhờ đó, giúp học sinh suy nghĩ về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em quan sát được hoặc chính mình trải nghiệm. [30]

* Quy trình:

- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh
- + Yêu cầu học sinh đóng vai, quy định thời gian cho việc chuẩn bị đóng vai.
- Bước 2. Học sinh chuẩn bị đóng vai
- + Phần lời của từng vai cần nhớ, phần diễn của từng vai, phối hợp diễn thử các vai (GV lắng nghe, quan sát, gợi ý bằng câu hỏi).
- Bước 3. Thực hiện đóng vai (diễn)
- + Từng nhóm trình bày đóng vai (diễn); GV theo dõi, phát hiện cách ứng xử khác.
- Bước 4. Góp ý, thảo luận sau khi đóng vai (diễn)
- + Nhận xét/thảo luận về việc đóng vai theo các tiêu chí về lời và hành động diễn có thể hiện đúng nội dung chính của bài và gây cảm xúc tích cực cho người xem không.
- + Giúp HS thảo luận về ích lợi hoặc tác hại hay hạn chế của từng cách ứng xử. Sau đó tổng hợp ý kiến.
- Bước 5. Kết luận
- + Kết luận được rút ra từ nhiệm vụ đóng vai tập trung vào hiểu, vận dụng kiến thức kỹ năng mới của bài vào thực tiễn.

* Ưu điểm:

- Học sinh được rèn luyện, thực hành kỹ năng ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn
- Phương pháp đóng vai gây chú ý và hứng thú cho học sinh
- PPDH kích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của học sinh theo hướng tích cực.
- Qua vai diễn có thể thấy ngay tác động và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm mà các vai diễn đã thực hiện.
- Phương pháp đóng vai tạo điều kiện phát triển tư duy sáng tạo của học sinh, là nơi để các em có thể thể hiện năng lực, tài năng của mình trước tập thể.
- Đóng vai giúp học sinh khắc phục được tính nhút nhát, e ngại khi xuất hiện trước đám đông để các em trở nên tự tin hơn, mạnh dạn và trưởng thành hơn trong cuộc sống.

* Nhược điểm:

- Nếu không tổ chức và kiểm soát tốt, học sinh dễ xem đóng vai như một trò chơi, không phải là hoạt động học tập
- Tâm lý e ngại của học sinh có thể làm giảm hiệu quả của nhân vật được đóng vai
- Phương pháp đòi hỏi mất nhiều thời gian sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch bài dạy trên lớp

* Lưu ý:

- Tình huống nên để mở, không cho trước kịch bản, lời thoại
- Phải dành thời gian phù hợp cho các nhóm chuẩn bị đóng vai
- Yêu cầu người đóng vai phải hiểu rõ vai của mình
- Nên kích lệ tất cả các học sinh tham gia kể cả những học sinh nhút nhát
- Nên hóa trang và có đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn khi đóng vai

5) *Thực quan*

* Khái niệm:

- PPDH Thực quan là sử dụng các hình ảnh, mô hình, video, hoặc các tài liệu thực quan khác để hỗ trợ việc giảng dạy và học tập. Phương pháp này giúp học sinh dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ hơn về các khái niệm và kiến thức, đặc biệt là những nội dung trừu tượng hoặc phức tạp. Bằng cách kết hợp thông tin qua các giác quan khác nhau, phương pháp thực quan giúp học sinh nắm bắt nội dung một cách toàn diện và sinh động hơn [30].

* Quy trình:

- Bước 1. Xác định mục tiêu

+ GV cần xác định rõ ràng mục tiêu giảng dạy của bài học hoặc hoạt động học tập. Việc xác định mục tiêu rõ ràng sẽ giúp GV lựa chọn và thiết kế các công cụ trực quan phù hợp để hỗ trợ việc giảng dạy.

- Bước 2. Lựa chọn phương pháp và công cụ trực quan

+ GV cần lựa chọn các phương pháp và công cụ trực quan phù hợp. Các công cụ này có thể bao gồm hình ảnh, video, biểu đồ, mô hình, hoặc phần mềm học tập. Việc lựa chọn công cụ nên dựa trên khả năng của chúng trong việc giúp học sinh hiểu rõ hơn về nội dung bài học và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Bước 3. Chuẩn bị nội dung trực quan

+ GV cần dành thời gian để chuẩn bị nội dung trực quan, bao gồm việc tìm kiếm, tạo dựng, hoặc điều chỉnh các tài liệu phù hợp với bài giảng. Nội dung này cần phải rõ ràng, chính xác và phù hợp với trình độ của học sinh. Việc chuẩn bị kỹ lưỡng giúp đảm bảo rằng các công cụ trực quan sẽ hỗ trợ hiệu quả cho quá trình giảng dạy.

- Bước 4. Tạo cấu trúc bài giảng hoặc hoạt động học tập

+ GV tạo ra một cấu trúc rõ ràng cho bài giảng hoặc hoạt động học tập, bao gồm việc sắp xếp các nội dung trực quan vào các phần khác nhau của bài học. Cấu trúc bài giảng cần đảm bảo sự liên kết chặt chẽ giữa các phần, giúp học sinh dễ dàng theo dõi và nắm bắt thông tin.

- Bước 5. Sử dụng công cụ trực quan để tạo tương tác

+ Khi giảng dạy, GV cần sử dụng các công cụ trực quan một cách hiệu quả để tạo sự tương tác giữa học sinh và nội dung bài học. Điều này có thể bao gồm việc đặt câu hỏi, thảo luận, hoặc sử dụng các hoạt động tương tác liên quan đến các công cụ trực quan. Tương tác này không chỉ giúp học sinh hiểu bài mà còn khuyến khích sự tham gia tích cực của họ.

- Bước 6. Đánh giá hiệu quả dạy học trực quan

+ GV cần đánh giá hiệu quả của việc sử dụng PPDH trực quan thông qua các bài kiểm tra, quan sát, hoặc phản hồi từ học sinh. Việc đánh giá này giúp GV nhận biết được những điểm mạnh và hạn chế của phương pháp, từ đó điều chỉnh và cải thiện trong các bài giảng sau.

* Ưu điểm:

- Truyền đạt kiến thức hiệu quả: GV có thể truyền tải thông tin một cách rõ ràng và dễ hiểu hơn, đặc biệt đối với những chủ đề phức tạp.

- Tăng cường sự tương tác: Sử dụng các phương tiện trực quan giúp tạo ra sự tương tác nhiều hơn trong lớp học, từ đó nâng cao hiệu quả giảng dạy.
- Tăng cường khả năng tiếp thu: Học sinh có thể dễ dàng nắm bắt kiến thức hơn khi được tiếp cận quá nhiều giác quan, đặc biệt là thị giác.
- Hứng thú hơn với học tập: Các tài liệu trực quan, như hình ảnh hoặc video, thường gây hứng thú hơn, giúp học sinh tập trung và tham gia vào bài học nhiều hơn.
- Ghi nhớ lâu dài: Thông qua việc nhìn thấy và trải nghiệm trực tiếp, học sinh có thể ghi nhớ thông tin một cách lâu dài hơn so với phương pháp giảng dạy chỉ dựa trên lý thuyết.

*** Nhược điểm:**

- Dễ gây phân tán chú ý: Khi sử dụng quá nhiều hình ảnh, video, hoặc các phương tiện trực quan khác, học sinh có thể bị phân tán chú ý khỏi nội dung chính của bài học. Điều này có thể dẫn đến việc học sinh chỉ tập trung vào phần trình diễn trực quan mà không nắm vững kiến thức cốt lõi.
- Tốn nhiều thời gian để đầu tư vào bài giảng: Để tạo ra các bài giảng trực quan hấp dẫn và hiệu quả, GV cần đầu tư nhiều thời gian vào việc tìm kiếm, thiết kế và chuẩn bị các tài liệu giảng dạy. Điều này có thể tạo thêm gánh nặng cho GV, đặc biệt là khi họ phải cân nhắc giữa việc chuẩn bị bài giảng và các nhiệm vụ khác.

*** Lưu ý:**

- Lựa chọn nội dung phù hợp: Không phải tất cả nội dung bài giảng đều phù hợp với phương pháp trực quan. GV cần cân nhắc kỹ lưỡng để lựa chọn những phần nội dung mà việc sử dụng hình ảnh, video, hoặc mô hình sẽ mang lại giá trị gia tăng thực sự cho quá trình học tập.
- Tránh lạm dụng công cụ trực quan: Mặc dù công cụ trực quan rất hữu ích, nhưng nếu lạm dụng quá nhiều có thể dẫn đến tình trạng phân tán chú ý hoặc làm giảm đi tính logic của bài giảng. GV cần sử dụng công cụ trực quan một cách có chọn lọc và hiệu quả, đảm bảo rằng chúng hỗ trợ chứ không làm rối bài giảng.
- Chuẩn bị kỹ lưỡng: Việc sử dụng PPDH trực quan đòi hỏi GV phải đầu tư thời gian vào việc chuẩn bị tài liệu và thiết kế bài giảng. Điều này bao gồm

việc tìm kiếm, tạo ra, hoặc điều chỉnh các tài liệu trực quan để chúng phù hợp với mục tiêu giảng dạy và trình độ của học sinh.

- Đảm bảo tính tương tác: Phương pháp trực quan không chỉ là việc trình chiếu hình ảnh hay video, mà còn cần kết hợp với các hoạt động tương tác để khuyến khích học sinh tham gia và tư duy. GV nên đặt câu hỏi, khuyến khích thảo luận, hoặc tổ chức các hoạt động thực hành liên quan đến nội dung trực quan.

6) *Giải quyết vấn đề*

* **Khái niệm:**

- Dạy học giải quyết vấn đề là một PPDH nhằm phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề của học sinh. Học sinh được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề đó giúp học sinh lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức [30].

* **Quy trình:**

- Bước 1: Định hướng

+ GV đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc GV có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề.

+ Phát biểu vấn đề dưới dạng "mâu thuẫn nhận thức", đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và học sinh muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

- Bước 2: Lập kế hoạch nghiên cứu

+ Đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề.

+ Lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

- Bước 3: Thực hiện kế hoạch

+ Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề.

+ Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại Bước 2 để chọn giả thuyết khác.

- Bước 4: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

+ Rút ra kết luận về cách giải quyết tình huống.

+ Thử nghiệm và ứng dụng.

+ Đề xuất vấn đề mới.

* **Ưu điểm:**

- PPDH giải quyết vấn đề tạo điều kiện cho học sinh phát huy được tính chủ động, tính tích cực và sáng tạo,
- Phát triển năng lực nhận thức và năng lực giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó phương pháp này còn góp phần tích cực vào việc rèn luyện tư duy phê phán, tư duy sáng tạo cho học sinh. Trên cơ sở sử dụng vốn kiến thức và kinh nghiệm đã có học sinh sẽ xem xét, đánh giá, thấy được vấn đề cần giải quyết.
- Đây là PPDH có thể phát triển được khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, học sinh sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất.
- Thông qua việc giải quyết vấn đề, học sinh được lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức một cách sâu sắc, vững chắc. Hơn hết thuật ngữ "giải quyết vấn đề" không chỉ thuộc phạm trù phương pháp mà đã trở thành một mục đích dạy học, được cụ thể hóa thành một mục tiêu là phát triển năng lực giải quyết vấn đề, một năng lực có vị trí hàng đầu để con người thích ứng được với sự phát triển của xã hội.

*** Nhược điểm:**

- Đòi hỏi GV phải đầu tư nhiều thời gian và công sức, phải có năng lực sư phạm khá; có khả năng sáng tạo mới suy nghĩ để tạo ra được nhiều tình huống gợi vấn đề và hướng dẫn tìm tòi để phát hiện và giải quyết vấn đề.
- Việc tổ chức tiết học hoặc một phần của tiết học theo PPDH giải quyết vấn đề đòi hỏi phải có nhiều thời gian hơn so với các phương pháp thông thường.
- Trong một số trường hợp cần có thiết bị dạy học và các điều kiện cần thiết đi kèm thì phương pháp đặt và giải quyết vấn đề mới có hiệu quả

*** Lưu ý:**

- Các tình huống đưa ra cần phù hợp với trình độ và khả năng nhận biết của học sinh. Các vấn đề đưa ra nên có sự gần gũi với học sinh để học sinh dễ hiểu và đưa ra giải pháp.
- Giúp học sinh hiểu rõ vấn đề thông qua việc đặt các câu hỏi mở như “cái gì?”, “tại sao?” và tìm câu trả lời cho câu “bằng cách nào?”. Khi GV thành công trong việc đặt câu hỏi thì học sinh sẽ dễ nắm bắt vấn đề và xác định mục tiêu cần giải quyết dễ dàng

- Trong quá trình học sinh thảo luận giải pháp, GV nên chủ động đặt ra các câu hỏi để học sinh có cơ hội suy nghĩ sâu như “điều gì sẽ xảy ra nếu...?”, như vậy giúp cho học sinh có cơ hội luyện tập tư duy phản biện cũng như cân nhắc đầy đủ ưu – khuyết của giải pháp.

7) *Mảnh ghép*

* Khái niệm:

- Kỹ thuật các mảnh ghép là kỹ thuật dạy học mang tính hợp tác, kết hợp giữa cá nhân, nhóm và liên kết giữa các nhóm nhằm giải quyết một nhiệm vụ phức hợp, kích thích sự tham gia tích cực cũng như nâng cao vai trò của cá nhân trong quá trình hợp tác [30].

* Quy trình:

- Vòng 1: Nhóm chuyên gia

+ Hoạt động theo nhóm 3 đến 8 người [số nhóm được chia = số chủ đề x n (n = 1, 2,...)].

+ Mỗi nhóm được giao một nhiệm vụ [Ví dụ: nhóm 1: nhiệm vụ A; nhóm 2: nhiệm vụ B, nhóm 3: nhiệm vụ C... (có thể có nhóm cùng nhiệm vụ)].

+ Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, suy nghĩ về câu hỏi, chủ đề và ghi lại những ý kiến của mình.

+ Khi thảo luận nhóm phải đảm bảo mọi thành viên trong từng nhóm đều trả lời được tất cả các câu hỏi trong nhiệm vụ được giao và trở thành "chuyên gia" của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại câu trả lời của nhóm ở vòng 2.

- Vòng 2: Nhóm các mảnh ghép

+ Hình thành nhóm 3 đến 6 người mới (1-2 người từ nhóm 1, 1-2 người từ nhóm 2, 1-2 người từ nhóm 3...).

+ Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau.

+ Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết.

+ Các nhóm mới thực hiện nhiệm vụ, trình bày và chia sẻ kết quả.

* Ưu điểm:

- Phát triển tinh thần làm việc theo nhóm.

- Phát huy trách nhiệm của từng cá nhân.

- Giúp học sinh phát huy hiểu biết và giải quyết những hiểu biết lệch lạc.
- Giúp đào sâu kiến thức trong các lĩnh vực.

* Nhược điểm:

- Kết quả phụ thuộc vào quá trình thảo luận ở vòng 1, nếu vòng thảo luận này không có chất lượng thì cả hoạt động sẽ không có hiệu quả.
- Số lượng thành viên trong nhóm rất dễ không đồng đều.
- Không thể sử dụng kỹ thuật này cho các nội dung thảo luận có mối quan hệ ràng buộc nhân quả với nhau.

* Lưu ý:

- Kỹ thuật này áp dụng cho hoạt động nhóm với nhiều chủ đề nhỏ trong tiết học, học sinh được chia nhóm ở vòng 1 (chuyên gia) cùng nghiên cứu một chủ đề.
- Phiếu học tập mỗi chủ đề nên sử dụng trên giấy cùng màu có đánh số 1, 2,...,n (nếu không có giấy màu có thể đánh thêm kí tự A, B, C,... Ví dụ A1, A2,... An, B1, B3,..., Bn, C1, C2,..., Cn).
- Sau khi các nhóm ở vòng 1 hoàn tất công việc GV hình thành nhóm mới (mảnh ghép) theo số đã đánh, có thể có nhiều số trong 1 nhóm mới. Bước này phải tiến hành một cách cẩn thận tránh làm cho học sinh ghép nhầm nhóm.
- Cần đảm bảo tính trật tự trong việc ghép nhóm vòng 2.

8) Sơ đồ tư duy

* Khái niệm:

- Sơ đồ tư duy (còn được gọi là bản đồ tư duy, lược đồ tư duy) là một sơ đồ nhằm trình bày một cách rõ ràng những ý tưởng mang tính kế hoạch hay kết quả làm việc của cá nhân hay nhóm về một chủ đề. Sơ đồ tư duy có thể được viết trên bảng lớn hoặc giấy khổ lớn, bút nhiều màu, các phần mềm vẽ sơ đồ tư duy.

* Quy trình:

- GV chia nhóm và giao chủ đề cho các nhóm
- Mỗi thành viên lần lượt kết nối ý tưởng trung tâm với ý tưởng của cá nhân để mô tả ý tưởng thông qua hình ảnh, biểu tượng hoặc một vài kí tự ngắn gọn.

* Ưu điểm:

- Kỹ thuật sơ đồ tư duy giúp học sinh nắm được quá trình tổ chức thông tin, ý tưởng cũng như giải thích và kết nối thông tin với cách hiểu biết của mình.
- Thích hợp với các nội dung ôn tập, liên kết lí thuyết với thực tế.

- Phù hợp tâm lí học sinh, đơn giản, dễ hiểu.

* Nhược điểm:

- Kỹ thuật sử dụng sơ đồ giấy khó lưu trữ, thay đổi, chỉnh sửa, tốn kém chi phí.

- Sơ đồ do GV xây dựng, sau đó giảng giải cho học sinh khiến học sinh khó nhớ bài hơn học sinh tự làm.

* Lưu ý:

- GV để học sinh tự lựa chọn sơ đồ: Sơ đồ thứ bậc, sơ đồ mạng, sơ đồ chuỗi

- GV đưa câu hỏi gợi ý để các nhóm lập sơ đồ.

- Khuyến khích học sinh sử dụng biểu tượng, kí hiệu, hình ảnh và văn bản tóm tắt.

9) Khăn trải bàn

* Khái niệm:

- Kỹ thuật “khăn trải bàn” là hoạt động mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm nhằm:

+ Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.

+ Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân học sinh.

+ Phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh với học sinh.

* Quy trình:

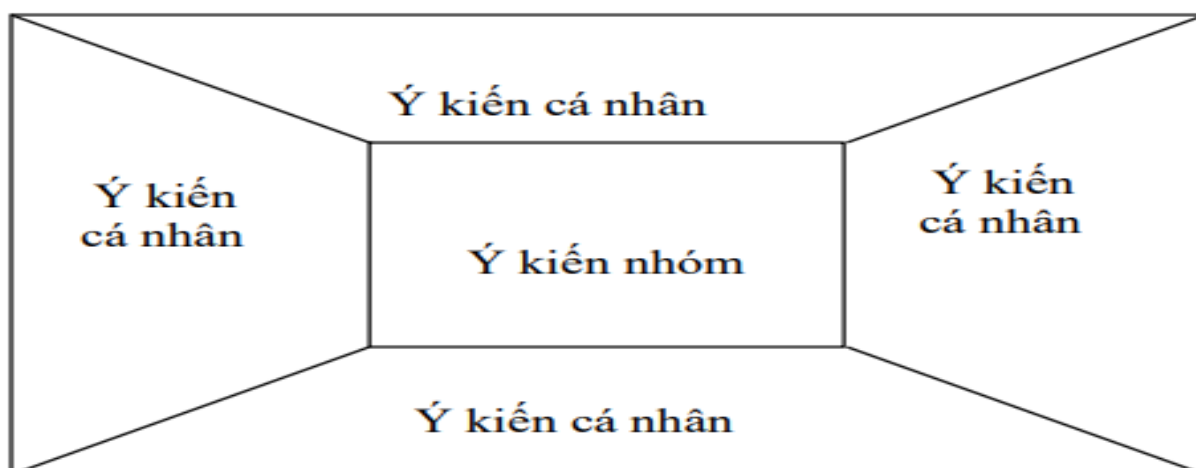
- Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập

+ Hoạt động theo nhóm (4 người/nhóm) (có thể nhiều người hơn).

+ GV giao nhiệm vụ thảo luận có tính mở và phát cho mỗi nhóm một phiếu học tập

- Bước 2: Làm việc cá nhân

+ Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút, ghi câu trả lời vào phần giấy của mình trên phiếu học tập như hình vẽ minh họa.



+ Tập trung vào câu hỏi (hoặc chủ đề,...).

+ Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về chủ đề...).

Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút.

- Bước 3: Thảo luận, thống nhất ý kiến chung.

+ Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời.

+ Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0).

* Ưu điểm:

- Kích thích, thúc đẩy sự tham gia tích cực.

- Tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của từng cá nhân học sinh.

- Phát triển mô hình có sự tương tác giữa học sinh và học sinh.

* Nhược điểm:

- Mất thời gian để chuẩn bị giấy cho mỗi lần sử dụng, tốn kinh phí vì giấy A0 phải chuẩn bị nhiều.

- Mất khá nhiều thời gian trong quá trình tổ chức hoạt động nếu GV không quản lý tốt.

* Lưu ý:

- GV phải luôn bao quát lớp, giúp đỡ, định hướng kịp thời để học sinh tập trung vào chủ đề đang thảo luận, tránh sa vào những vấn đề không trọng tâm. Đảm bảo được tất cả học sinh đều phải đưa ra được ý kiến riêng của mình mà không phụ thuộc vào những bạn khác trong nhóm.

- Áp dụng cho hoạt động nhóm với chủ đề nhỏ trong tiết học.

- Sau khi các nhóm hoàn tất công việc, GV cần yêu cầu các nhóm gắn sản phẩm của nhóm vào những vị trí dễ quan sát trong lớp để cả lớp cùng theo dõi, nhận xét.

- GV cần yêu cầu học sinh ghi tên vào góc phiếu để GV dễ dàng đánh giá được thái độ, năng lực, hiệu quả làm việc của từng em.

10) Phòng tranh

* Khái niệm:

- Kỹ thuật này có thể sử dụng cho hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm. Tranh ảnh giúp con người ghi nhớ tốt hơn và nhớ lâu hơn nên kỹ thuật phòng tranh được áp dụng cùng với mục đích đó. Khi được thể hiện ý tưởng qua tranh vẽ sẽ tạo được hứng thú học tập, kích thích sự sáng tạo và đồng thời giúp học sinh ghi nhớ nội dung bài học lâu hơn.

*** Quy trình:**

- Bước 1. GV nêu tình huống có vấn đề cho cả lớp hoặc câu hỏi khác nhau cho các nhóm trong lớp học.
- Bước 2. Các nhóm phác họa những ý tưởng giải quyết vấn đề trên một tờ bìa hoặc giấy khổ lớn và dán lên tường xung quanh lớp học như một triển lãm tranh.
- Bước 3. Học sinh cả lớp đi xem "triển lãm" và đưa ra những nhận xét, góp ý hoặc bình luận về các "bức tranh".
- Bước 4. GV nhận xét, kết luận.

*** Ưu điểm:**

- Góp phần giúp học sinh có được khả năng ghi nhớ kiến thức tốt nhất.
- Tạo không khí học tập thoải mái, sinh động nhưng vẫn hiệu quả. Người học sẽ được tạo cơ hội để giao tiếp, thể hiện quan điểm riêng, giá trị bản thân, ước mơ, mục tiêu cá nhân...
- Hình thành và rèn luyện kỹ năng thuyết trình cho tất cả học sinh trong lớp. Từ đó bồi đắp sự tự tin cho các em.

*** Nhược điểm:**

- Lớp sẽ bị ồn ào, mất nhiều thời gian và đòi hỏi sự đầu tư chuẩn bị kỹ lưỡng như chuẩn bị đồ dùng dụng cụ vẽ tranh, treo trang trí tranh, sắp xếp bàn ghế trong phòng học...

*** Lưu ý:**

- Khi thành lập nhóm ghép cần đảm bảo số lượng các thành viên trong mỗi nhóm chuyên gia tương đương nhau.
- Khi các nhóm ghép xem triển lãm thì yêu cầu các nhóm di chuyển theo sơ đồ, tránh lộn xộn.
- Thời gian xem và nghe chuyên gia thuyết trình tại mỗi bức tranh nên giới hạn để đảm bảo thời gian tiết học.
- GV phát phiếu học tập cho từng học sinh, định hướng nội dung kiến thức cần đạt được khi xem tranh.
- GV cần phải làm tốt khâu nhận xét, đánh giá sản phẩm

11) Ổ bi

*** Khái niệm:**

- Là một kỹ thuật dùng trong thảo luận nhóm, trong đó học sinh chia thành hai nhóm ngồi theo hai vòng tròn đồng tâm như hai vòng của một ổ bi và đối diện

nhau để tạo điều kiện cho mỗi học sinh có thể nói chuyện lần lượt với các học sinh ở nhóm khác

* Quy trình:

- Khi thảo luận, mỗi học sinh ở vòng trong sẽ trao đổi với học sinh đối diện ở vòng ngoài, đây là dạng đặc biệt của phương pháp luyện tập đối tác;
- Sau một ít phút thì học sinh vòng ngoài ngồi yên, học sinh vòng trong chuyển chỗ theo chiều kim đồng hồ, tương tự như vòng bi quay, để luôn hình thành các nhóm đối tác mới.

* Ưu điểm:

- Giúp học sinh hình thành được thói quen tương tác trong học tập.
- Học sinh khai thác được nhiều khía cạnh của vấn đề từ quá trình thảo luận, hợp tác với bạn.
- Phát triển kỹ năng tư duy đặt câu hỏi, phản biện, mạnh dạn trong giao tiếp, phân tích tổng hợp nội dung vấn đề.
- Giúp học sinh đào sâu ý kiến của mình.

* Nhược điểm:

- Chậm tiến độ của lớp do một số em thiếu kiến thức hoặc kỹ năng;
- Có thể gây lộn xộn trong quá trình di chuyển.
- GV khó kiểm soát từng cá nhân trong quá trình các em hoạt động hợp tác.

* Lưu ý:

- Lựa chọn vấn đề phù hợp với khả năng của học sinh
- Phân bổ thời gian hợp lý cho hai vòng khi thực hiện nhiệm vụ.
- Không gian lớp học đủ điều kiện về diện tích để xếp bàn ghế phù hợp với hoạt động.

12) *Tia chớp*

* Khái niệm:

- Là một kỹ thuật huy động sự tham gia của các thành viên đối với một câu hỏi nào đó, hoặc nhằm thu thông tin phản hồi nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp và không khí học tập trong lớp, thông qua việc các thành viên lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (nhanh như tia chớp) ý kiến của mình về một câu hỏi hoặc tình trạng vấn đề.

* Quy trình:

- Bước 1 Sắp xếp lớp theo hình thức phù hợp

- + Nếu dưới 30 học sinh, nên sắp xếp cả lớp đứng theo hình tròn.
- + Nếu lớp đông học sinh, cần chuẩn bị micro không dây để có thể phỏng vấn được nhanh và nhiều em.
- Bước 2: GV đặt câu hỏi
- + Câu hỏi phải hấp dẫn, ngắn gọn, gây được sự chú ý.
- + GV hỏi nhanh từng em.
- + Dùng micro hay một dụng cụ giả làm micro đưa vào trước từng em khi hỏi như phóng viên phỏng vấn.
- Bước 3: Người học trả lời
- + Yêu cầu học sinh trả lời nhanh và ngắn gọn.
- + Nếu người được hỏi mà chưa có câu trả lời, hãy bỏ qua và chuyển ngay sang hỏi người khác.
- + Nên hỏi khoảng 15-20 em trong mỗi lần áp dụng phương pháp này.
- Bước 4: Tổng kết nhanh và định hướng vào bài học
- + Đưa ra tổng kết một cách ngắn gọn.
- + Kết nối thông tin đó vào bài học.
- * Ưu điểm:
- Giúp học sinh mạnh dạn đưa ra ý kiến của mình.
- Tạo không khí lớp học sôi nổi
- Tạo sự nhanh nhẹn trong tư duy, phát triển khả năng ghi nhớ của học sinh.
- * Nhược điểm:
- Chưa phát huy tối đa sự sáng tạo của học sinh do yêu cầu của kỹ thuật là ngắn gọn và đặc biệt là nhanh (nhanh như chớp).
- Một số em rụt rè sẽ ngại đưa ra ý kiến của mình
- Để sử dụng hiệu quả kỹ thuật tia chớp theo đúng ưu điểm và tác dụng đã nêu trên.
- * Lưu ý:
- Không thảo luận, bình luận hay giải thích câu trả lời.
- Cần tiến hành nhanh mọi thao tác. Ví dụ, gọi đích danh người học phát biểu thì thời gian có câu trả lời sẽ nhanh hơn.
- Kỹ thuật này có thể áp dụng ở mọi loại hình lớp học và mọi thời điểm trong bài giảng.

13) KIPLING (5W1H)

- * Khái niệm:

- Kỹ thuật dạy học Kipling (5W1H) là một phương pháp giảng dạy hiệu quả giúp GV và học sinh tập trung vào việc tìm hiểu một vấn đề cụ thể. 5W1H là viết tắt của 5 từ trong tiếng Anh thường được sử dụng để phân tích vấn đề: What (Cái gì?), Why (Tại sao?), Where (Ở đâu?), When (Khi nào?), Who (Ai?) và How (Như thế nào?).

* Quy trình:

- Bước 1: Nêu vấn đề hoặc câu hỏi cần giải quyết.
- Bước 2: Các câu hỏi gợi mở được đưa ra theo thứ tự ngẫu nhiên hoặc theo một trật tự định ngầm trước, với các từ khóa: Cái gì, Ở đâu, Khi nào, Thế nào, Tại sao, Ai. Cụ thể là:
 - + Vấn đề là gì?
 - + Vấn đề xảy ra ở đâu?
 - + Vấn đề xảy ra khi nào?
 - + Tại sao vấn đề lại xảy ra?
 - + Làm thế nào để giải quyết vấn đề?
 - + Ai sẽ tham gia giải quyết vấn đề?
 - + Khi nào thì vấn đề giải quyết xong?
- Bước 3: GV nhận xét sự phù hợp trong việc đặt câu hỏi và trả lời của nhóm/cá nhân. Kết luận và bổ sung kiến thức nếu cần.

* Ưu điểm:

- Không mất thời gian, mang tính logic cao.
- Có thể sử dụng cho nhiều tình huống khác nhau.
- Áp dụng được cho cá nhân.

* Nhược điểm:

- Sự phối hợp của các thành viên bị hạn chế
- Dễ xảy ra tình trạng “9 người 10 ý”
- Có thể tạo cảm giác bị điều tra.

* Lưu ý:

- Các câu hỏi cần ngắn gọn, đi thẳng vào chủ đề.
- Các câu hỏi cần bám sát vào hệ thống từ khóa 5W1H (What, where, when, who, why, how).
- Tùy vào từng câu hỏi cụ thể mà xây dựng các câu hỏi gợi mở hợp lý, không nhất thiết sử dụng đầy đủ 5 câu hỏi dạng W và một câu hỏi dạng H

14) KWL (KWLH)

* Khái niệm:

- Kỹ thuật KWL là một hình thức tổ chức dạy học thông qua hoạt động đọc hiểu được Donna Ogle giới thiệu năm 1986, KWL là viết tắt của 3 chữ cái đầu trong tiếng Anh:

+ **K (Know)**: Học sinh biết gì về chủ đề?

+ **W (Want to know)**: Học sinh muốn biết gì?

+ **L (Learned)**: Học sinh đã học được gì sau bài học?

- Với kỹ thuật này, học sinh suy nghĩ về chủ đề bài đọc và ghi nhận tất cả những gì các em đã biết vào cột K của biểu đồ. Sau đó học sinh lên danh sách các câu hỏi muốn biết thêm trong chủ đề và ghi nhận vào cột W của biểu đồ. Sau khi đọc xong, học sinh sẽ trả lời cho các câu hỏi ở cột W và ghi nhận vào cột L.

- Sau này biểu đồ KWL được bổ sung thêm cột H ở sau cùng nhằm khuyến khích học sinh định hướng nghiên cứu. Cột H sẽ ghi nhận những biện pháp tìm thông tin mở rộng sau khi học sinh đã hoàn tất nội dung ở cột L và muốn tìm hiểu thêm.

+ **(How to learn)**: Học sinh sẽ tìm hiểu bằng cách nào?

Bảng KWL (KWL) dành cho giáo viên và học sinh.

K (Điều đã biết)	W (Điều muốn biết)	L (Điều học được)

* Quy trình:

- Bước 1: Chọn bài đọc mang ý nghĩa gợi mở, tìm hiểu, giải thích

+ Tạo bảng KWL (KWLH)

+ GV vẽ lên bảng, mỗi học sinh cũng có một mẫu bảng riêng.

- Bước 2: Học sinh trình bày những gì mình đã biết liên quan đến vấn đề, ghi nhận vào cột K

- Bước 3. Học sinh được khuyến khích suy nghĩ, bày tỏ những gì mình muốn tìm hiểu thêm về vấn đề, ghi nhận vào cột W.

- Bước 4. Học sinh tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu vấn đề từ học liệu do GV hướng dẫn, sau đó tự đánh giá và ghi nhận những gì mình học được vào cột L.

* Ưu điểm:

- Những điều học sinh cần học có liên quan trực tiếp đến nhu cầu về kiến thức nên tạo hứng thú học tập cho các em.
- Hình thành khả năng tự định hướng học tập cho học sinh
- GV và HS tự đánh giá kết quả học tập, định hướng cho các hoạt động tiếp.

* Nhược điểm:

- Các sơ đồ cần phải được lưu trữ cẩn thận sau khi hoàn thành hai bước K và W, vì bước L có thể sẽ phải mất một thời gian dài mới có thể tiếp tục thực hiện.

* Lưu ý:

- GV nên chuẩn bị câu hỏi để giúp học sinh động não.
- Khuyến khích học sinh giải thích về những điều các em nêu ra.
- Nên đặt câu hỏi tiếp nối và gợi mở.
- GV chuẩn bị sẵn một số câu hỏi mong muốn học sinh tập trung vào những ý tưởng để bổ sung vào cột W.
- Khuyến khích học sinh ghi vào cột L những điều các em cảm thấy thích.

15) Chia sẻ nhóm đôi (*THINK, PAIR, SHARE*)

* Khái niệm:

- Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi hay còn gọi là PPDH dựa trên các hoạt động Suy nghĩ – Ghép cặp – Chia sẻ là một kỹ thuật thảo luận trong dạy học hợp tác, bằng cách người học huy động những ý tưởng, suy nghĩ của cá nhân để chia sẻ với bạn trong nhóm cặp đôi và các bạn cùng lớp nhằm cùng nhau để giải quyết vấn đề hoặc trả lời một câu hỏi được giao.

* Quy trình:

- GV giới thiệu vấn đề, đặt câu hỏi mở và dành thời gian để HS suy nghĩ.
- HS thành lập nhóm đôi và chia sẻ ý tưởng, thảo luận, phân loại với nhau
- Nhóm đôi này lại tiếp tục chia sẻ với nhóm đôi khác hoặc với cả lớp.

* Ưu điểm:

- Huy động được nhiều ý kiến từ cá nhân trong nhóm, giúp nhóm lựa chọn được hay, chất lượng.
- Phối hợp được hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm.
- Cần có đủ không gian rộng để hoạt động.

* Nhược điểm:

- Vừa làm việc cá nhân, vừa hoạt động nhóm cặp đôi, nhóm lớn nên tốn nhiều thời gian, có thể gây ra mất trật tự.
- Nếu định hướng không khéo sẽ gây ra lan man trong quá trình thảo luận.
- Nếu lựa chọn ý tưởng chung cho nhóm không khéo sẽ làm mất đoàn kết trong nhóm.

* Lưu ý:

- Chuẩn bị kỹ và đầy đủ các câu hỏi, vấn đề hoặc bài tập cho HS.
- Hướng dẫn HS cách suy nghĩ về câu hỏi, vấn đề để tìm ra đáp án.
- Yêu cầu HS tìm một đối tác “ăn ý” để ghép cặp, thảo luận và đưa ra câu trả lời.
- Khuyến khích các cặp chia sẻ càng nhiều những ý kiến hay phát hiện mới với cả lớp càng tốt.

1.3. Khái quát về chương trình, nội dung dạy học Tiếng Việt lớp 5

1.3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Ngữ văn nói chung, môn Tiếng Việt ở tiểu học nói riêng góp phần hình thành, phát triển ở học sinh những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể. Cụ thể gồm: 5 phẩm chất (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và 10 năng lực, trong đó có 3 năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo).

1.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, việc phát triển các năng lực đặc thù trong từng môn học được đặc biệt chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và nâng cao chất lượng dạy học. Đối với môn Tiếng Việt lớp 5, các năng lực đặc thù không chỉ giúp học sinh nắm vững ngôn ngữ mẹ đẻ mà còn tạo nền tảng để phát triển khả năng tư duy ngôn ngữ, đọc hiểu và giao tiếp – những kỹ năng thiết yếu cho quá trình học tập và phát triển lâu dài.

Tương tự với yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung thì yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù của môn Tiếng Việt lớp 5 cũng được nêu rõ trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn (2018)* như sau:

*** Năng lực ngôn ngữ**

- Đọc đúng, trôi chảy và diễn cảm văn bản; hiểu được nội dung chính của văn bản, chủ yếu là nội dung tường minh; bước đầu hiểu được nội dung hàm ẩn như chủ đề, bài học rút ra từ văn bản đã đọc.

Đối với học sinh lớp 5, chú trọng nhiều hơn đến yêu cầu đọc hiểu nội dung cụ thể, hiểu chủ đề, hiểu bài học rút ra được từ văn bản.

Bước đầu viết được bài văn ngắn hoàn chỉnh, chủ yếu là bài văn kể, tả và bài giới thiệu đơn giản.

- Viết được văn bản kể lại những câu chuyện đã đọc, những sự việc đã chứng kiến, tham gia, những câu chuyện do học sinh tưởng tượng; miêu tả những sự vật, hiện tượng quen thuộc; giới thiệu về những sự vật và hoạt động gần gũi với cuộc sống của học sinh. Viết đoạn văn nêu những cảm xúc, suy nghĩ của học sinh khi đọc một câu chuyện, bài thơ, khi chứng kiến một sự việc gợi cho học sinh nhiều cảm xúc; nêu ý kiến về một vấn đề đơn giản trong học tập và đời sống; viết một số kiểu văn bản như: bản tự thuật, tin nhắn, giấy mời, thời gian biểu, đơn từ,... bước đầu biết viết theo quy trình; bài viết cần có đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài).

- Trình bày dễ hiểu các ý tưởng và cảm xúc; bước đầu biết sử dụng cử chỉ, điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách rõ ràng câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ, trao đổi những cảm xúc, thái độ, suy nghĩ của mình đối với những vấn đề được nói đến; biết thuyết minh về một đối tượng hay quy trình đơn giản.

- Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe.

*** Năng lực văn học**

- Phân biệt văn bản truyện và thơ (đoạn, bài văn xuôi và đoạn, bài văn vần); nhận biết được nội dung văn bản và thái độ, tình cảm của người viết; bước đầu hiểu được tác dụng của một số yếu tố hình thức của văn bản văn học (ngôn từ, nhân vật, cốt truyện, vần thơ, so sánh, nhân hoá). Biết liên tưởng, tưởng tượng và diễn đạt có tính văn học trong viết và nói.

- Đối với học sinh lớp 5: biết cách đọc diễn cảm văn bản văn học; kể lại, tóm tắt được nội dung chính của câu chuyện, bài thơ; nhận xét được các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của người viết trong văn bản; nhận biết được thời gian và địa điểm, một số kiểu văn thơ, nhịp thơ, từ ngữ, hình ảnh đẹp,

độc đáo và tác dụng của các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh. Hiểu được ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ văn bản. Viết được đoạn, bài văn kể chuyện, miêu tả thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng [4; tr.7].

1.3.3. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

Dưới đây là nội dung dạy học cụ thể và yêu cầu cần đạt của môn Tiếng Việt lớp 5: [4]

Bảng 1.2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt của môn Tiếng Việt lớp 5

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC KĨ THUẬT ĐỌC – Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút. – Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 4. – Sử dụng được một số từ điển Tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác. – Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ). – Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay. ĐỌC HIỂU Văn bản văn học Đọc hiểu nội dung – Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của văn bản. Hiểu được nội dung hàm ẩn để nhận biết của văn bản. – Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản. – Hiểu chủ đề của văn bản. Đọc hiểu hình thức – Nhận biết được văn bản viết theo trường	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Quy tắc viết tên người, tên địa lí nước ngoài - 1.2. Một số trường hợp viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt - 2.1. Vốn từ theo chủ điểm - 2.2. Từ điển: cách tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác - 2.3. Nghĩa của một số thành ngữ dễ hiểu, thông dụng - 2.4. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, “đồng âm khác nghĩa” - 2.5. Từ đồng nghĩa: đặc điểm và tác dụng - 2.6. Từ đa nghĩa và nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản. - 3.1. Đại từ và kết từ: đặc điểm và chức năng - 3.2. Câu đơn và câu ghép: đặc điểm và chức năng 3.3. Công dụng của dấu gạch

tượng và văn bản viết về người thật, việc thật. – Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện. – Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong văn bản. Liên hệ, so sánh, kết nối – Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình. – Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện. – Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất và giải thích vì sao. Đọc mở rộng – Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học. – Thuộc lòng ít nhất 10 – 12 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 100 chữ. Văn bản thông tin Đọc hiểu nội dung – Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của văn bản. – Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của văn bản. – Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi	ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu); dấu gạch nối (nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng) 4.1. Biện pháp tu từ điệp từ, điệp ngữ: đặc điểm và tác dụng 4.2. Liên kết giữa các câu trong một đoạn văn, một số biện pháp liên kết câu và các từ ngữ liên kết: đặc điểm và tác dụng 4.3. Kiểu văn bản và thể loại – Bài văn viết lại phần kết thúc dựa trên một truyện kể – Bài văn tả người, phong cảnh – Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện – Đoạn văn nêu ý kiến về một hiện tượng xã hội – Bài văn giải thích về một hiện tượng tự nhiên, bài giới thiệu sách hoặc phim, báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu; văn bản quảng cáo (tờ rơi, áp phích,...)
--	--

tiết. Biết tóm tắt văn bản. <i>Đọc hiểu hình thức</i> – Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim; văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hoạt động. – Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một văn bản thông tin đơn giản. – Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng. – Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản (văn bản in hoặc văn bản điện tử). <i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i> – Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc văn bản. <i>Đọc mở rộng</i> Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương với các văn bản đã học.	5. Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ). KIẾN THỨC VĂN HỌC 1. Chủ đề 2. Kết thúc câu chuyện 3. Chuyện có thật và chuyện tưởng tượng 4. Chi tiết, thời gian, địa điểm trong câu chuyện; hình ảnh trong thơ 5. Nhân vật trong văn bản kịch và lời thoại NGŨ LIỆU 1.1. Văn bản văn học – Truyện dân gian, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng; đoạn (bài) văn miêu tả – Bài thơ, đoạn thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ – Kịch bản văn học Độ dài của văn bản: truyện và kịch bản khoảng 300 – 350 chữ, bài miêu tả khoảng 200 – 250 chữ, thơ khoảng 110 – 130 chữ 1.2. Văn bản thông tin – Văn bản giải thích về một hiện tượng tự nhiên. – Văn bản giới thiệu sách, phim – Chương trình hoạt động; quảng cáo
VIẾT KỸ THUẬT VIẾT Biết viết hoa danh từ chung trong một số trường hợp đặc biệt khi muốn thể hiện sự tôn	

kính. Biết viết đúng tên người, tên địa lí nước ngoài. VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN <i>Quy trình viết</i> – Biết viết theo các bước: xác định mục đích và nội dung viết (viết để làm gì, về cái gì); quan sát và tìm tư liệu để viết; hình thành ý chính, lập dàn ý cho bài viết; viết đoạn, bài; chỉnh sửa (bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả). – Viết được đoạn văn, văn bản thể hiện rõ ràng và mạch lạc chủ đề, thông tin chính; phù hợp với yêu cầu về kiểu, loại; có mở đầu, triển khai, kết thúc; các câu, đoạn liên kết với nhau. <i>Thực hành viết</i> – Viết được bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo. – Viết được bài tả người, phong cảnh có sử dụng so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả. – Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện. – Viết được đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc có ý nghĩa trong cuộc sống. – Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem (hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ). – Viết được báo cáo công việc, chương	Độ dài của văn bản: khoảng 230 chữ
--	---

trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu	
NÓI VÀ NGHE Nói – Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe. Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp. – Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt. – Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi. Nghe – Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác. – Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe. Nói nghe tương tác Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.	

Như vậy, Chương trình Tiếng Việt lớp 5 hướng đến phát triển toàn diện năng lực ngôn ngữ cho HS thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, kết hợp với rèn luyện kiến thức tiếng Việt và cảm thụ văn học:

- Đọc: HS cần đọc đúng, diễn cảm, tốc độ đạt 90–100 chữ/phút, biết đọc thầm nhanh, đọc lướt, đọc kĩ và ghi chép ý chính. Các em cần hiểu nội dung, chủ đề, chi tiết tiêu biểu của văn bản văn học và văn bản thông tin; nhận biết

được đặc điểm hình thức của văn bản như bố cục, biện pháp nghệ thuật, hình ảnh, số liệu. HS cũng cần biết liên hệ, so sánh, nêu bài học rút ra và thể hiện sự thay đổi nhận thức sau khi đọc. Trong năm học, HS đọc tối thiểu 35 văn bản văn học và 18 văn bản thông tin, thuộc lòng 10–12 đoạn thơ, văn.

- Viết: HS phải biết quy trình viết (xác định mục đích, tìm ý, lập dàn ý, viết và chỉnh sửa) và thực hành viết các đoạn, bài văn kể chuyện, miêu tả, biểu cảm, nghị luận đơn giản, giới thiệu, giải thích, báo cáo, sử dụng đúng hình thức và ngôn ngữ.

- Nói và nghe: HS biết nói rõ ràng, có cảm xúc, điều chỉnh ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh, biết lắng nghe, ghi lại nội dung chính, thảo luận, đưa ra ý kiến có lí lẽ và thái độ lịch sự.

- Phần kiến thức Tiếng Việt trang bị cho HS hiểu và sử dụng đúng vốn từ, nghĩa của từ, thành ngữ, yếu tố Hán Việt, các kiểu câu, dấu câu, phương tiện liên kết và phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

- HS được tiếp cận các nội dung kiến thức văn học như chủ đề, kết thúc truyện, chuyện thật – tưởng tượng, chi tiết nghệ thuật, nhân vật và lời thoại. Ngữ liệu sử dụng trong chương trình bao gồm nhiều thể loại truyện, thơ, kịch, văn miêu tả và văn bản thông tin có độ dài phù hợp với lứa tuổi.

1.3.4. Khái quát về sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 thuộc bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống được biên soạn theo định hướng đổi mới giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Cấu trúc sách: Gồm 2 tập, chia theo học kỳ: tập 1 (18 tuần), tập 2 (17 tuần), mỗi tuần 7 tiết. Mỗi tập có mục lục, bảng tra cứu thuật ngữ và tên riêng nước ngoài.

- Chủ điểm bài học: Tập 1 gồm 4 chủ điểm chính (Thế giới tuổi thơ, Thiên nhiên kỳ thú, Trên con đường học tập, Nghệ thuật muôn màu) liên quan đến đời sống, học tập, nghệ thuật. Tập 2 cũng 4 chủ điểm như ở tập 1 nhưng các chủ điểm được mở rộng ra (Vẻ đẹp cuộc sống, Hương sắc trăm miền, Tiếp bước cha ông, Thế giới của chúng ta) kết nối với quê hương, đất nước và thế giới.

- Cấu trúc bài học và ôn tập: Mỗi tuần có 2 bài (3 và 4 tiết). Một tuần dành cho ôn tập giữa kỳ và một tuần dành cho ôn tập, đánh giá cuối kỳ. Cuối sách có đề tham khảo để GV thiết kế bài kiểm tra phù hợp với điều kiện thực tế.

- Cấu trúc bài học: Mỗi tuần có 2 bài học:

+ Bài thứ nhất học trong 3 tiết: Tiết 1 là đọc; tiết 2 là Luyện từ và câu và tiết 3 là viết.

+ Bài thứ 2 học trong 4 tiết: Tiết 1 và 2 là đọc và luyện tập theo văn bản đọc; tiết 3 viết và tiết 4 là nói và nghe hoặc đọc mở rộng [tr.11]

- Hoạt động đọc: Bao gồm: khởi động, đọc thành tiếng và đọc hiểu. Câu hỏi đọc hiểu đa dạng, chia thành 3 nhóm: nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng. Đối với thơ, đôi khi yêu cầu học sinh học thuộc lòng một số khổ thơ hoặc cả bài.

- Hoạt động viết: Tập trung luyện viết đoạn hoặc bài văn hoàn chỉnh, hướng dẫn cách nhận biết và viết theo kiểu đoạn, bài. Không có phần riêng cho chính tả; kỹ năng chính tả được luyện lồng ghép vào các bài học, đặc biệt ở phần viết đoạn, bài.

- Hoạt động nói và nghe: Hai hình thức chính:

+ Thảo luận về vấn đề có ý kiến khác nhau.

+ Giới thiệu về địa điểm hoặc sự vật liên quan đến địa điểm.

+ Kết hợp với phần Đọc mở rộng (1 tiết/4 tuần), để tập trung vào thể loại như truyện, thơ, và văn bản thông tin. Đọc mở rộng yêu cầu học sinh nhận biết các yếu tố cơ bản của văn bản theo thể loại.

- Luyện từ và câu: Giúp học sinh phát triển vốn từ, kỹ năng đặt câu và sử dụng Tiếng Việt, hỗ trợ trực tiếp cho việc viết đoạn, bài văn. Nội dung bao gồm:

+ Từ vựng: đồng nghĩa, đa nghĩa.

+ Từ loại: đại từ, kết từ.

+ Kiểu câu: câu đơn, câu ghép, cách nối các vế câu ghép.

+ Biện pháp tu từ: điệp từ, điệp ngữ.

+ Liên kết câu trong đoạn văn.

+ Từ điển và cách sử dụng.

+ Dấu câu: dấu gạch ngang.

+ Viết tên riêng: tên người, tên địa lí nước ngoài, viết hoa danh từ chung để tôn trọng đặc biệt.

+ Các kiến thức được tích hợp vào bài học, phục vụ mục tiêu phát triển kỹ năng ngôn ngữ.

- Phần Vận dụng: Xuất hiện cuối mỗi bài (3 tiết hoặc 4 tiết), yêu cầu học sinh thực hành ngoài lớp như kể chuyện, chia sẻ, hoặc thực hiện việc ứng dụng kiến thức đã học.

- Cấu trúc bài học: Các nội dung lớn (Đọc, Viết, Nói và nghe, Luyện từ và câu) được thể hiện bằng đề mục. Các nội dung nhỏ hơn dùng logo hoặc câu lệnh, giúp cấu trúc bài học đơn giản và dễ nhận biết.

Tóm lại, sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5 thuộc bộ Kết nối tri thức với cuộc sống không chỉ là tài liệu học tập cơ bản mà còn là cầu nối giữa kiến thức ngôn ngữ và thực tiễn đời sống. Với nội dung phong phú, cấu trúc hiện đại và phương pháp giảng dạy tích cực, sách giúp HS hình thành và phát triển toàn diện các phẩm chất, năng lực cần thiết. Đồng thời, sách cũng hỗ trợ GV trong việc triển khai các bài học sáng tạo và hiệu quả, tạo ra môi trường học tập tích cực, gắn kết HS với tri thức và cuộc sống, đúng như tên gọi của bộ sách.

1.4. Đặc điểm tâm lý và nhận thức của học sinh lớp 5 chi phối việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực

Để xây dựng một môi trường học tập hiệu quả và khuyến khích sự chủ động của học sinh, việc hiểu rõ đặc điểm tâm lý và nhận thức của từng lứa tuổi đóng vai trò quan trọng. Đối với học sinh lớp 5 (10–11 tuổi) là lứa tuổi chuyển tiếp giữa giai đoạn cuối tiểu học và chuẩn bị bước vào trung học cơ sở. Đây là giai đoạn có sự thay đổi quan trọng trong tâm lý và nhận thức của học sinh, với nhiều đặc điểm riêng biệt chi phối quá trình học tập. Việc nắm bắt và hiểu rõ các đặc điểm tâm lý nhận thức của học sinh lớp năm giúp GV lựa chọn và vận dụng các PPDH tích cực một cách hiệu quả, đáp ứng đúng nhu cầu và khả năng của học sinh.

Ở lứa tuổi này, học sinh lớp 5 đã có sự phát triển nhất định về khả năng tư duy trừu tượng. Các em bắt đầu có khả năng suy luận logic, hiểu được mối quan hệ giữa các khái niệm và hiện tượng, và không chỉ dừng lại ở việc ghi nhớ các chi tiết cụ thể. Tuy nhiên, khả năng này vẫn còn hạn chế và cần phải có sự hỗ trợ bằng các hình ảnh, mô hình hoặc ví dụ trực quan để học sinh dễ dàng hình dung và hiểu rõ hơn về nội dung bài học.

Việc này đòi hỏi GV khi áp dụng các PPDH tích cực phải lồng ghép các yếu tố cụ thể, sinh động, và dễ hiểu. Chẳng hạn, trong dạy học giải quyết vấn đề, GV nên đưa ra các tình huống thực tế, những ví dụ gần gũi để học sinh dễ dàng liên hệ và nắm bắt. PPDH theo dự án, với các nhiệm vụ thực hành cụ thể, cũng giúp học sinh phát huy tư duy trừu tượng thông qua quá trình khám phá, tìm hiểu và giải quyết các bài tập ứng dụng.

Học sinh lớp 5 bắt đầu hình thành ý thức tự giác, khả năng tự chủ và tự quản lý trong học tập, nhưng các kỹ năng này vẫn đang trong giai đoạn phát triển. Các em đã có thể lập kế hoạch học tập, phân chia thời gian và tự kiểm soát quá trình học của mình, tuy nhiên vẫn cần sự hướng dẫn từ GV. Đây là một đặc điểm thuận lợi để vận dụng các PPDH tích cực như dạy học theo dự án hoặc dạy học khám phá, nhằm khuyến khích tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm của học sinh.

Khi triển khai các PPDH tích cực, GV có thể giao cho học sinh những nhiệm vụ học tập cụ thể và yêu cầu các em tự tìm hiểu, phân tích và hoàn thành. Ví dụ, với PPDH theo dự án, học sinh sẽ tự xây dựng kế hoạch thực hiện, theo dõi tiến độ và tự đánh giá kết quả. Tuy nhiên, do khả năng tự quản lý của học sinh vẫn đang phát triển, GV cần có sự giám sát và hỗ trợ kịp thời, giúp các em hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả.

Học sinh lớp 5 có nhu cầu giao tiếp và hợp tác với bạn bè rất lớn. Ở lứa tuổi này, các em bắt đầu nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của các mối quan hệ xã hội và muốn thể hiện mình trong môi trường tập thể. Tâm lý này tạo điều kiện thuận lợi để áp dụng các PPDH tích cực đòi hỏi sự hợp tác, chẳng hạn như dạy học thảo luận nhóm, dạy học theo cặp, hoặc dạy học theo nhóm nhỏ.

Các hoạt động học tập theo nhóm giúp học sinh không chỉ củng cố kiến thức mà còn phát triển kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, chia sẻ ý kiến và tôn trọng quan điểm của người khác. Điều này đặc biệt quan trọng khi áp dụng các PPDH như thảo luận nhóm hoặc đóng vai, bởi các phương pháp này khuyến khích học sinh trao đổi ý tưởng, thảo luận và hợp tác để giải quyết vấn đề. GV cần tạo điều kiện để học sinh tham gia các hoạt động hợp tác, đồng thời giám sát để đảm bảo mọi học sinh đều có cơ hội đóng góp và phát triển kỹ năng cá nhân.

Mặc dù học sinh lớp 5 đã có khả năng tập trung hơn so với các lứa tuổi trước, nhưng khả năng chú ý của các em vẫn chưa ổn định và dễ bị phân tán, đặc biệt khi phải tham gia vào các hoạt động kéo dài hoặc không hấp dẫn. Điều này đòi hỏi GV phải thiết kế các hoạt động học tập đa dạng, sinh động và ngắn gọn để giữ được sự chú ý của học sinh.

Trong quá trình vận dụng PPDH tích cực, GV nên sử dụng các kỹ thuật dạy học phong phú và thay đổi linh hoạt để thu hút sự chú ý của học sinh. Ví dụ, kỹ thuật “khăn trải bàn” hay “động não” khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động mang tính khám phá và sáng tạo. Các hoạt động có thể được lồng ghép dưới dạng trò chơi, thí nghiệm, hoặc các câu hỏi khơi gợi, giúp duy trì hứng thú học tập của học sinh, tránh tình trạng xao lãng hoặc mất tập trung.

Ở giai đoạn lớp 5, học sinh bắt đầu phát triển tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề, tuy nhiên những khả năng này còn ở mức sơ khai và cần được rèn luyện qua các hoạt động cụ thể. Khi áp dụng các PPDH tích cực, GV nên tạo điều kiện để học sinh rèn luyện và phát triển tư duy phản biện, thông qua các nhiệm vụ yêu cầu học sinh phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp.

PPDH giải quyết vấn đề, dạy học khám phá hoặc dạy học theo dự án là những phương pháp hiệu quả để phát triển kỹ năng này. GV có thể đưa ra những bài toán tình huống hoặc những vấn đề thực tiễn, yêu cầu học sinh tìm hiểu, phân tích và đưa ra phương án giải quyết. Khi học sinh thực hành giải quyết vấn đề, các em sẽ dần hình thành khả năng tư duy phản biện, biết cách phân tích tình huống, đánh giá các yếu tố liên quan và đưa ra quyết định hợp lý.

Học sinh lớp 5 thường có hứng thú mạnh mẽ với các hoạt động trải nghiệm, thực hành và khám phá. Các em muốn tìm hiểu thế giới xung quanh, thích thú với những gì mới mẻ và có tính thực tiễn. Đây là nền tảng lý tưởng để vận dụng các PPDH tích cực, đặc biệt là những phương pháp mang tính trải nghiệm, như dạy học qua thực hành, dạy học theo dự án hoặc dạy học ngoài lớp học.

Thông qua các hoạt động trải nghiệm, học sinh không chỉ củng cố kiến thức lý thuyết mà còn có cơ hội áp dụng vào thực tiễn. Ví dụ, khi học về thiên nhiên, GV có thể tổ chức các buổi dã ngoại, giúp học sinh khám phá thực tế

và học qua trải nghiệm. Các phương pháp này không chỉ nâng cao hứng thú học tập mà còn giúp học sinh phát triển khả năng quan sát, suy nghĩ và kết nối kiến thức học được với cuộc sống thực tế.

Hiểu rõ và vận dụng linh hoạt các đặc điểm tâm lí nhận thức của học sinh lớp năm là yếu tố quan trọng giúp GV triển khai hiệu quả các PPDH tích cực. Các đặc điểm như khả năng tư duy trừu tượng còn hạn chế, nhu cầu giao tiếp cao, khả năng tự quản lí tăng dần, và sự hứng thú với các hoạt động thực tiễn đều đóng vai trò chủ chốt trong việc lựa chọn và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp. Khi GV chú ý đến những đặc điểm này, quá trình dạy học không chỉ giúp học sinh lĩnh hội kiến thức mà còn khuyến khích các em phát triển các kĩ năng sống, khả năng tự học và niềm say mê với việc học tập, chuẩn bị cho các bậc học cao hơn.

Kết luận chương 1

Chương 1 của khóa luận tập trung nghiên cứu cơ sở lí luận quan trọng liên quan đến việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5. Việc hiểu rõ các khái niệm như *phương pháp dạy học*, *phương pháp dạy học tích cực*,... giúp tác giả khóa luận xác định rõ mục tiêu và định hướng nghiên cứu của đề tài. Đồng thời, thông qua việc khái quát chương trình môn Tiếng Việt lớp 5, chúng tôi nhận thấy nội dung môn học phong phú, đa dạng, theo hướng mở, linh hoạt. Đây là điều kiện thuận lợi để áp dụng các PPDH tích cực một cách hiệu quả.

Tác giả khóa luận cũng tìm hiểu đặc điểm tâm lí và nhận thức của học sinh lớp 5. Ở độ tuổi này, các em bước đầu có khả năng tư duy độc lập, thích khám phá, hợp tác và thể hiện bản thân... Nếu GV biết sử dụng các PPDH tích cực sẽ giúp giờ học Tiếng Việt trở nên sinh động, hiệu quả, lôi cuốn hơn.

Từ những cơ sở lí luận đã trình bày, có thể thấy việc vận dụng PPDH tích cực trong môn Tiếng Việt lớp 5 là cần thiết, phù hợp với mục tiêu giáo dục hiện đại. Đây sẽ là nền tảng cho việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực nghiệm sư phạm ở các chương tiếp theo của khóa luận.

Chương 2

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT LỚP 5

2.1. Một số nguyên tắc khi vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5

Dạy học tích cực là một xu hướng quan trọng trong giáo dục hiện đại, đặt trọng tâm vào vai trò chủ động của người học thay vì chỉ tiếp thu kiến thức một cách thụ động. Trong dạy học Tiếng Việt lớp 5, việc áp dụng các PPDH tích cực không chỉ giúp học sinh nắm vững kiến thức ngôn ngữ mà còn rèn luyện các kỹ năng tư duy, giao tiếp và vận dụng thực tế. Tuy nhiên, để đảm bảo tính hiệu quả, GV cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản khi tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tích cực.

2.1.1. Đảm bảo tính tích cực, chủ động của học sinh

Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong dạy học tích cực là phải khuyến khích học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động. Nếu như trong PPDH truyền thống, GV là trung tâm và học sinh chủ yếu tiếp thu kiến thức một chiều, thì trong dạy học tích cực, học sinh phải là chủ thể chính của quá trình học tập.

Để đảm bảo điều này, GV cần thiết kế các hoạt động học tập phong phú, đa dạng nhằm tạo cơ hội cho HS được suy nghĩ, thảo luận, phản biện và trình bày ý kiến cá nhân. Chẳng hạn, thay vì chỉ yêu cầu học sinh đọc và trả lời câu hỏi về một bài văn, GV có thể tổ chức các hoạt động nhóm để học sinh tự tìm hiểu nội dung, nêu cảm nhận, đặt câu hỏi và giải thích theo góc nhìn của mình. Việc khuyến khích học sinh chủ động tìm tòi, khám phá không chỉ giúp các em ghi nhớ bài lâu hơn mà còn hình thành kỹ năng tư duy độc lập và sáng tạo.

Ngoài ra, GV cần tạo môi trường học tập thân thiện, cởi mở để học sinh tự tin thể hiện suy nghĩ, không sợ sai và sẵn sàng học hỏi từ sai lầm của mình.

2.1.2. Đảm bảo tính trực quan và gắn liền với thực tiễn

Học sinh lớp 5 vẫn đang trong giai đoạn phát triển tư duy từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng. Do đó, việc sử dụng các phương tiện trực quan trong giảng dạy là hết sức cần thiết để hỗ trợ quá trình tiếp thu kiến thức.

GV có thể sử dụng tranh ảnh, sơ đồ tư duy, video, mô hình, hoặc thậm chí là các tình huống thực tế để minh họa bài học. Ví dụ, khi dạy về các biện pháp tu

từ trong văn học, thay vì chỉ giải thích khái niệm, GV có thể đưa ra các câu văn cụ thể kèm theo hình ảnh minh họa để học sinh dễ hình dung.

Bên cạnh đó, việc kết nối nội dung bài học với thực tế cuộc sống cũng rất quan trọng. Khi học về chủ đề miêu tả cảnh vật hoặc con người, GV có thể cho học sinh quan sát trực tiếp hoặc sử dụng những tình huống quen thuộc trong đời sống để các em dễ dàng liên hệ. Điều này không chỉ giúp học sinh hiểu bài sâu hơn mà còn tạo động lực học tập vì các em thấy được ý nghĩa thực tiễn của môn học.

2.1.3. Đảm bảo tính tương tác giữa giáo viên và học sinh, giữa học sinh với nhau

Một trong những điểm mạnh của PPDH tích cực là thúc đẩy sự tương tác giữa các thành viên trong lớp học. Việc trao đổi ý kiến không chỉ giúp HS mở rộng hiểu biết mà còn rèn luyện kỹ năng giao tiếp, phản biện và hợp tác.

GV cần tạo ra nhiều cơ hội để học sinh được làm việc theo nhóm, thảo luận cặp đôi hoặc tham gia vào các dự án học tập chung. Ví dụ, trong giờ học Tiếng Việt, thay vì để học sinh làm bài tập một cách cá nhân, GV có thể tổ chức hoạt động đóng vai, hội thoại hoặc tranh luận về một chủ đề nào đó. Những hoạt động này giúp học sinh học hỏi lẫn nhau, nâng cao khả năng diễn đạt và tư duy phản biện.

Bên cạnh đó, GV cũng cần xây dựng mối quan hệ thân thiện với học sinh, đóng vai trò là người hướng dẫn thay vì chỉ đơn thuần là người truyền đạt kiến thức. Điều này giúp tạo ra một môi trường học tập tích cực, nơi học sinh cảm thấy thoải mái chia sẻ và chủ động trong quá trình học tập.

2.1.4. Đảm bảo sự phù hợp với đặc điểm tâm lí, nhận thức của học sinh lớp 5

Ở lớp 5, học sinh bắt đầu có khả năng tư duy logic và khái quát hóa, tuy nhiên vẫn cần sự hỗ trợ từ những ví dụ cụ thể để hiểu rõ bài học. Vì vậy, GV cần thiết kế bài giảng sao cho phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh, tránh đưa ra những nội dung quá trừu tượng hoặc mang tính học thuật cao.

Một nguyên tắc quan trọng là xây dựng bài học theo hướng từ dễ đến khó, từ cụ thể đến khái quát. Ví dụ, khi dạy về từ ghép và từ láy, GV nên bắt đầu bằng các ví dụ quen thuộc như “đất nước”, “chim chóc”, “xinh xắn”, sau đó mới khái quát thành quy tắc chung.

Ngoài ra, vì học sinh lớp 5 vẫn còn hứng thú với các hoạt động vui chơi, GV có thể lồng ghép các trò chơi học tập để tăng tính hấp dẫn của bài học.

2.1.5. Kết hợp đa dạng các phương pháp dạy học

Không có một PPDH nào là tối ưu cho mọi bài học, vì vậy GV cần linh hoạt sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để phù hợp với từng nội dung và đối tượng học sinh. Ví dụ, với các bài học về luyện tập kĩ năng viết, GV có thể sử dụng phương pháp “bút đàm” (viết ý kiến lên giấy và trao đổi trong nhóm). Khi học về phân tích văn bản, phương pháp sơ đồ tư duy có thể giúp học sinh hệ thống hóa nội dung một cách dễ dàng hơn.

Việc kết hợp nhiều phương pháp sẽ giúp học sinh tiếp cận bài học một cách phong phú, tăng cường hứng thú và hiệu quả học tập.

2.1.6. Đảm bảo đánh giá quá trình và kết quả học tập một cách toàn diện

Trong dạy học tích cực, đánh giá không chỉ dừng lại ở điểm số mà còn cần ghi nhận sự tiến bộ và nỗ lực của học sinh trong suốt quá trình học tập.

GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá khác nhau như:

- Đánh giá qua sản phẩm học tập (bài viết, bài thuyết trình, dự án cá nhân hoặc nhóm).
- Đánh giá qua quá trình học tập (sự tham gia vào các hoạt động, khả năng hợp tác, sáng tạo).
- Đánh giá đồng đẳng (học sinh nhận xét, đánh giá lẫn nhau).

Điều này giúp học sinh không chỉ chú trọng vào kết quả cuối cùng mà còn biết cách tự điều chỉnh phương pháp học để đạt hiệu quả tốt hơn.

2.2. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy Tiếng Việt lớp 5 có sử dụng phương pháp dạy học tích cực

2.2.1. Tiêu chí và lý do lựa chọn bài học để thiết kế dạy học sử dụng phương pháp dạy học tích cực

2.2.1.1. Tiêu chí lựa chọn bài học để thiết kế dạy học sử dụng phương pháp dạy học tích cực

- Phù hợp với nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp 5 sách Kết nối Tri thức với Cuộc sống, tập 1 – 2.
- Có tiềm năng phát huy năng lực học sinh (năng lực giao tiếp, tư duy ngôn ngữ, hợp tác, sáng tạo).
- Nội dung bài học có tính mở, tạo điều kiện để tổ chức các hoạt động

thảo luận nhóm, đóng vai, sáng tạo văn bản,...

- Đa dạng về thể loại và kỹ năng: bao gồm Đọc hiểu, Luyện từ và câu, Viết, Nói và nghe.

- Có thể áp dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực như: khăn trải bàn, mảnh ghép, thảo luận, sơ đồ tư duy,...

- Đáp ứng yêu cầu đổi mới PPDH, đặc biệt trong dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

2.2.1.2. Lý do lựa chọn bài học để thiết kế dạy học sử dụng phương pháp dạy học tích cực

Bảng 2. Danh mục các bài học sử dụng để thiết kế

STT	Hoạt động	Tên bài/Nội dung	Lý do	Học kì
1	Đọc	Thanh âm của gió	Bài đọc cảm thụ văn học giàu hình ảnh, cảm xúc để triển khai hoạt động: Thảo luận nhóm, Mảnh ghép, Trò chơi học tập, Giao tiếp...	1
2	Đọc	Trí tưởng tượng phong phú	Phù hợp để phát triển tư duy sáng tạo, giao tiếp và tổ chức các hoạt động: Trò chơi học tập, Thảo luận nhóm,...	1
3	Đọc	Đường quê Đồng Tháp Mười	Nội dung gắn với thiên nhiên, địa lí Việt Nam để tích hợp liên môn (Địa lí) tổ chức hoạt động nhóm, Khăn trải bàn,...	2
4	Luyện từ và câu	Đại từ	Là bài kiến thức ngôn ngữ có thể sử dụng trò chơi ngôn ngữ, hoạt động nhóm để phân biệt – sử dụng đại từ trong giao	1

			tiếp.	
5	Luyện từ và câu	Câu đơn và câu ghép	Để khai thác hoạt động thực hành đóng vai, trải nghiệm qua trò chơi,...giúp học sinh khắc sâu kiến thức.	2
6	Viết	Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách	Bài viết có tính cá nhân cao học sinh để trình bày ý tưởng, thuyết trình, chia sẻ, trao đổi nhóm.	1
7	Viết	Lập dàn ý cho bài văn tả người	Có thể sử dụng các PPDH như: Đóng vai, Phòng tranh, Chia sẻ nhóm đôi, Hỏi chuyên gia,...để xây dựng dàn ý sinh động, dễ hiểu và phát triển khả năng quan sát cho HS.	2
8	Nói và nghe	Cuốn sách tôi yêu	Để kết hợp thuyết trình, chia sẻ cảm nhận cá nhân, tổ chức hoạt động: Trò chơi học tập, 5W1H, Vòng bi, Thảo luận nhóm,...	1
9	Nói và nghe	Di tích lịch sử	Gắn với nội dung giáo dục lịch sử, truyền thống yêu nước; phù hợp để HS đóng vai hướng dẫn viên, thuyết minh về các di tích lịch sử.	2

2.2.2. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy Tiếng Việt lớp 5 có sử dụng phương pháp dạy học tích cực

2.2.2.1. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy cho hoạt động Đọc hiểu

1) Đọc: Thanh âm của gió

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1)

Tuần 1 – Bài 1

Tiết 1

Đọc: Thanh âm của gió



Bồng em Bồng nói:

- Ô, em bịt tai lại nghe tiếng gió lạ lắm.
- Bịt tai thì nghe được gì? – Tôi hỏi Bồng.
- Bịt tai lại rồi mở ra và cứ lặp lại như thế. Anh thử xem.
- Đúng rồi, tớ cũng nghe thấy tiếng gió thổi hay lắm. – Điệp reo lên.

Vừa nói, nó vừa lấy tay bịt hai tai rồi mở ra như Bồng chỉ. Cả hội tụ lại, lần lượt đưa hai bàn tay lên bịt tai.

- Nghe “u... u... u...” – Vân cười.
- Không, phải thật im lặng, đầu mình nghĩ gì sẽ nghe tiếng gió nói ra như thế. – Thành nhún mày như đang tập trung lắm.
- Đúng rồi, tớ nghe thấy “vui, vui, vui...”
- Còn tớ nghe thấy “cười, cười, cười, cười...”

Mỗi đứa nghe thấy một thanh âm. Cứ thế, gió chiều thổi từ thung lũng dọc theo suối mang theo tiếng nói trong đầu mỗi đứa bay xa. Đứa nào cũng mê mải theo tiếng gió cho đến khi Vân la lên:

- Gió nói “đôi, đôi, đôi... rồi!”

Cả hội giật mình. Chiều đã muộn, mặt trời xuống thật thấp. Chúng tôi lùa trâu về, không quên đưa hai tay lên giữ tai để vẫn nghe tiếng gió.

Tối đó, tôi và Bồng kể cho bố mẹ nghe về trò chơi bịt tai nghe tiếng gió. Bố bảo mới nghe chúng tôi kể thôi mà bố đã thích trò chơi ấy rồi. Bố còn nói nhất định sáng mai bố sẽ thử ngay xem gió nói điều gì.

(Theo Văn Thành Lê)

?

1. Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?
2. Em Bồng đã phát hiện ra trò chơi gì? Theo em, vì sao các bạn thích trò chơi đó?
3. Việc bố hướng ứng trò chơi của hai anh em nói lên điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.
A. Trò chơi hấp dẫn đến mức người lớn cũng thích chơi.
B. Bố khuyến khích các con chơi những trò chơi ngoài trời.
C. Bố muốn hoà nhập vào thế giới trẻ thơ của các con.
4. Tưởng tượng em cũng tham gia vào trò chơi bịt tai nghe gió, nói với các bạn điều em nghe thấy.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện “Thanh âm của gió” (Văn Thành Lê).
- Cảm nhận được vẻ đẹp trong trẻo, yên bình của thiên nhiên nơi miền quê; niềm vui, hạnh phúc của các bạn nhỏ khi được hòa mình vào thế giới thiên nhiên tươi đẹp ấy.

- Nêu được cảm nhận về các nhân vật, sự việc và thái độ, tình cảm của tác giả được thể hiện trong truyện; rút ra ý nghĩa, thông điệp của văn bản.

2. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực sáng tạo: Biết sáng tạo trong các trò chơi và hoạt động tập thể; có suy nghĩ độc lập, mang cá tính riêng.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: bồi đắp tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước.
- Nhân ái: phát triển những cảm xúc lành mạnh, lối sống nhân ái, biết yêu thương, trân trọng tình bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Tranh minh họa chủ điểm “Thế giới tuổi thơ”.
- Bản nhạc không lời, có âm thanh tiếng chim hót, tiếng suối chảy...
- Vở ốc biển.
- Phiếu học tập (3 màu).
- Thăm ghi câu hỏi.

2. Học sinh:

- Đọc trước bài ở nhà.
- Chia nhóm, nhận phiếu học tập trước giờ học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút) * Mục tiêu: - HS nêu cảm xúc của bản thân sau khi nghe giai điệu âm nhạc. - Tạo tâm thế, hứng thú học tập. - Dẫn dắt, kết nối vào bài mới. * PP, KTDH: - Trực quan - Giao tiếp. * Cách thực hiện:	
- GV giới thiệu chủ điểm “Thế giới tuổi thơ”, kết hợp sử dụng tranh minh họa. - GV cho HS nghe giai điệu nhạc không lời. Yêu cầu HS yên lặng, nhắm mắt tưởng tượng về cảnh vật thiên nhiên được gợi lên từ bản nhạc đó. - Gọi một số HS chia sẻ cảm xúc của bản thân; những hình ảnh thiên nhiên mà các em	- HS lắng nghe và quan sát - HS lắng nghe - HS chia sẻ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – NHÓM MÀU XANH

Luyện đọc đoạn 1: Từ đầu đến “tìm những viên đá đẹp cho mình”

Nội dung	Yêu cầu
1. Luyện đọc từ	- Dùng bút chì gạch chân dưới những từ khó đọc trong đoạn. - Luyện đọc những từ đó.
2. Luyện đọc câu dài	- Chỉ dẫn cách ngắt giọng của 1-2 câu văn dài trong đoạn. - Luyện đọc các câu đó.
3. Giải nghĩa từ	- Giải nghĩa các từ: <i>men, lấp lánh</i> bằng một trong những cách sau: tra từ điển, dựa vào kinh nghiệm thực tế, đặt câu với từ ngữ đó.
4. Luyện đọc diễn cảm	- Nêu cách đọc diễn cảm đoạn truyện. - Cả nhóm luyện đọc diễn cảm đoạn truyện.
5. Trả lời câu hỏi: Khung cảnh thiên nhiên khi các bạn nhỏ đi chăn trâu được miêu tả thế nào?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – NHÓM MÀU HỒNG

Luyện đọc đoạn 2: “cười...cười...cười”

Nội dung	Yêu cầu
1. Luyện đọc từ	- Dùng bút chì gạch chân dưới những từ khó đọc trong đoạn. - Luyện đọc những từ đó.
2. Luyện đọc câu dài	- Tìm và chỉ dẫn cách ngắt giọng của 1-2 câu văn dài trong đoạn. - Luyện đọc câu dài.
3. Giải nghĩa từ	- Giải nghĩa các từ ngữ: <i>bịt; reo</i> bằng một trong những cách sau: tra từ điển, dựa vào kinh nghiệm thực tế, đặt câu với từ ngữ đó.
4. Luyện đọc diễn cảm	- Nêu cách đọc diễn cảm đoạn truyện. - Luyện đọc diễn cảm đoạn truyện.
5. Trả lời câu hỏi: Em Bóng đã phát hiện ra trò chơi gì? Theo em, vì sao các bạn thích trò chơi đó?	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – NHÓM MÀU VÀNG	
Luyện đọc đoạn 3: Đoạn còn lại	
Nội dung	Yêu cầu
1. Luyện đọc từ	- Dùng bút chì gạch chân những từ khó đọc trong đoạn. - Luyện đọc những từ đó.
2. Luyện đọc câu dài	- Tìm và chỉ dẫn cách ngắt giọng của 1-2 câu văn dài trong đoạn. - Luyện đọc câu dài.
3. Giải nghĩa từ	- Giải nghĩa các từ ngữ: <i>thung lũng; mê mải</i> bằng một trong những cách sau: tra từ điển, dựa vào kinh nghiệm thực tế, đặt câu với từ ngữ đó.
4. Luyện đọc diễn cảm	- Nêu cách đọc diễn cảm đoạn truyện. - Luyện đọc diễn cảm đoạn truyện.
5. Trả lời câu hỏi: Việc bố hướng ứng trò chơi của hai anh em nói lên điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.	
A. Trò chơi hấp dẫn đến mức người lớn cũng thích chơi.	
B. Bố khuyến khích các con chơi những trò chơi ngoài trời.	
C. Bố muốn hoà nhập vào thế giới trẻ thơ của các con.	

- Hết thời gian thực hiện, GV yêu cầu các nhóm Chuyên gia điểm danh từ 1 đến hết. Các HS có cùng số thứ tự tạo thành một nhóm mới (nhóm Mảnh ghép). Mỗi nhóm có 3 HS và ngồi ở một bàn.
- Tổ chức cho HS thảo luận nhóm và làm phiếu học tập số 2.

- HS thảo luận nhóm và làm phiếu học tập số 2

1. Lần lượt từng HS chia sẻ với nhóm về nội dung đã thảo luận (vòng 1).
2. Nhóm thảo luận, trả lời các câu hỏi sau:
 - a) Nêu nội dung chính của bài đọc.

[illegible][illegible]

lắng nghe âm thanh vỏ ốc biển. - HS nêu được cảm xúc của mình sau khi chơi trò chơi * PP, KTDH: Trò chơi học tập. * Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu trò chơi: “Thanh âm của biển”. - Cách chơi, luật chơi: + HS áp tai vào vỏ ốc biển, lắng nghe và nói với các bạn điều em nghe thấy/lời nhắn gửi của biển khơi... + Mỗi HS nêu một cảm nhận riêng, không trùng với bạn khác. HS nói hay nhất sẽ giành chiến thắng. - Tổ chức cho HS thực hiện trò chơi. - GV và cả lớp nhận xét. - GV biểu dương HS thực hiện tốt. - GV nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa của những âm thanh trong cuộc sống, khuyến khích HS lắng nghe và chia sẻ với bạn bè, người thân.	- HS lắng nghe - HS tham gia trò chơi - Cả lớp nhận xét - HS lắng nghe - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PHỤ LỤC

1. Link tải nhạc:

https://youtu.be/VxrH8mUWyGc?si=6_ukcqKWbDKGyViH

2) Đọc: Trí tưởng tượng phong phú

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1)

Tuần 14 – Bài 26

Tiết 1

Đọc: Trí tưởng tượng phong phú

Bài 26 **TRÍ TƯỞNG TƯỢNG PHONG PHÚ**

ĐỌC

Những hình ảnh minh họa dưới đây có gì thú vị? Chúng giúp em liên tưởng đến cuốn truyện nào?

TRÍ TƯỞNG TƯỢNG PHONG PHÚ

Giô-an Rô-linh là một cô bé có trí tưởng tượng rất phong phú. Giô-an thường nghĩ ra nhiều câu chuyện và kể cho em gái nghe. Chỉ cần nhìn thấy một chú thỏ là Giô-an có ngay một câu chuyện. Cô bắt đầu kể cho em: "Thỏ con bị sốt. Cô ong mang đến cho thỏ một chiếc bánh quy mật ong. Thỏ ăn xong, khỏi bệnh liền." Hôm sau, em gái nài nỉ cô kể tiếp. Giô-an kể: "Cô ong lo lắng cho bệnh tình của thỏ. Ong tiêm cho thỏ một mũi...". Đứa em vội kêu: "Không phải, hôm qua chị kể khác". Giô-an nghĩ cô nên viết ra câu chuyện của mình, trước khi quên mất. Câu chuyện *Chú thỏ con* được ra đời như thế. Đó cũng là lần đầu tiên Giô-an ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn. Giô-an bắt đầu ghi lại những câu chuyện mới vào một cuốn sổ.



Sau khi tốt nghiệp đại học, Giô-an làm việc tại một công ty nhưng trong đầu cô luôn tràn ngập những câu chuyện. Một lần, ngồi trên tàu, nhìn ra cửa sổ, cô chợt nghĩ tới hình ảnh một cậu bé với cặp kính và một vết sẹo hình tia chớp trên trán. Thế là trước mắt cô, cả đoàn tàu đi vào thế giới phép thuật kì thú. Giô-an đặt tên cho cậu bé là Ha-ri Pôt-tơ. Cô nghĩ về ngôi trường cậu bé theo học, bạn bè của cậu,... Càng viết, cô càng phấn khích.

Một năm trôi qua, Giô-an đã viết xong tập truyện đầu tiên về Ha-ri Pôt-tơ. Cô gửi bản thảo đến nhiều nhà xuất bản nhưng đều bị từ chối. Rất may, một nhà xuất bản đã nhận lời. Khi cuốn sách được xuất bản, Giô-an muốn hét thật to: "Mơ ước của mình đã trở thành hiện thực!". Nhưng điều cô không ngờ tới, *Ha-ri Pôt-tơ và hòn đá phù thủy* đã thu hút sự chú ý của rất nhiều trẻ em trên toàn thế giới. Giô-an trở thành nhà văn nổi tiếng. Cô thường nói với các bạn đọc: "Nếu không sáng tác, tôi sẽ không thể ngủ ngon."

(Theo Dun Dơ-rim, Bảo Khánh dịch)

Từ ngữ

- *Giô-an Rô-linh* (thường được biết đến với bút danh J.K. Rô-linh): nhà văn người Anh, tác giả của bộ truyện *Ha-ri Pôt-tơ* nổi tiếng từng đoạt nhiều giải thưởng.
- *Phấn khích*: phấn khởi do tinh thần được cổ vũ, khích lệ.



1. Những chi tiết nào cho biết ngay từ nhỏ, Giô-an Rô-linh đã có trí tưởng tượng rất phong phú?
2. Cô bé Giô-an Rô-linh ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn từ khi nào? Bằng cách nào cô thực hiện được ước mơ của mình?
3. Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pôt-tơ và câu chuyện kì thú được hình thành trong tình huống nào?
4. Câu chuyện *Ha-ri Pôt-tơ và hòn đá phù thủy* được đón nhận như thế nào?
5. Theo em, nhờ đâu nhà văn Giô-an Rô-linh viết được cuốn sách có sức hấp dẫn lớn như vậy?



I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện *Trí tưởng tượng phong phú* (Theo Dun Dơ-rim, Bảo Khánh dịch).
- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của văn bản: trí tưởng tượng gắn với niềm đam mê là động lực để con người sáng tạo, cống hiến.
- Nêu những điều học được từ câu chuyện và giải thích vì sao.

2. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề: biết sử dụng trí tưởng tượng để tìm cách giải quyết vấn đề trong cuộc sống.
- Năng lực tự chủ và tự học: tự giác trong học tập, thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực sáng tạo: vận dụng trí tưởng tượng để tạo ra những ý tưởng mới mẻ, độc đáo, mang cá tính riêng.

3. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: có ý thức khám phá để thấu hiểu bản thân và thế giới xung quanh; quyết tâm theo đuổi ước mơ, thực hiện mục tiêu trong học tập và cuộc sống.

- Nhân ái: trân trọng những giá trị sáng tạo của con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Hình ảnh minh họa (truyện *Harry Potter*, tác giả J.K. Rowling)
- Trích đoạn phim *Harry Potter và hòn đá phù thủy*.
- Phiếu học tập.

2. Học sinh:

- Tìm hiểu một số thông tin về tác giả J.K. Rowling và truyện *Harry Potter*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút) * Mục tiêu: - Tạo tâm thế, hứng thú học tập. - Dẫn dắt, kết nối vào bài mới. * PP, KTDH: Trò chơi học tập. * Cách thực hiện:	
- GV giới thiệu tên trò chơi và cách chơi, luật chơi: + Trò chơi “Tôi là ai?” + Cách chơi: GV lần lượt chiếu các dữ kiện (từ khái quát đến chi tiết) về nhân vật Harry Potter để HS đoán tên nhân vật đó. + Luật chơi: HS có đáp án nhanh và chính xác nhất sẽ chiến thắng; nếu trả lời sai hoặc quá thời gian cho phép sẽ mất quyền trả lời. - GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi: “Tôi là ai?”	- HS lắng nghe - HS tham gia trò chơi

1) Tôi là nhân vật chính trong bộ truyện nổi tiếng của nhà văn nữ, người Anh. 2) Vào ngày sinh nhật lần thứ mười một, tôi biết rằng mình là một phù thủy. 3) Tôi còn có tên gọi khác là Chủ nhân Tử thần. 4) Đây là hình ảnh của tôi trong bộ phim chuyển thể cùng tên.  - GV gọi HS xung phong trả lời. GV và cả lớp nhận xét, kết luận: Tôi là nhân vật Ha-ri Pót-tơ trong truyện <i>Harry Potter</i> của tác giả Giôn-an Rô-ling. - GV dẫn dắt vào bài mới.	- HS trả lời - HS lắng nghe
Hoạt động 2: Luyện đọc văn bản (25 phút) * Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện “Trí tưởng tượng phong phú”. - Chỉ dẫn được cách đọc của một số câu, đoạn văn bản. - Giải thích một số từ mới. - Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Trong cuộc sống, trí tưởng tượng gắn với niềm đam mê là động lực để con người sáng tạo, cống hiến. * PP, KTDH: - Vấn đáp - Thảo luận nhóm - Kỹ thuật “Giao nhiệm vụ” * Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn: đọc chính xác tên phiên âm nhân vật Giôn-an Rô-ling, Ha-ri Pót-tơ; phân biệt giọng của người kể chuyện và giọng nhân	- HS lắng nghe

vật; những chi tiết nói về niềm đam mê sáng tạo, trí tưởng tượng phong phú của nhân vật Giô-an Rô-linh cần đọc với giọng thể hiện sự tò mò, thích thú, phấn khích.

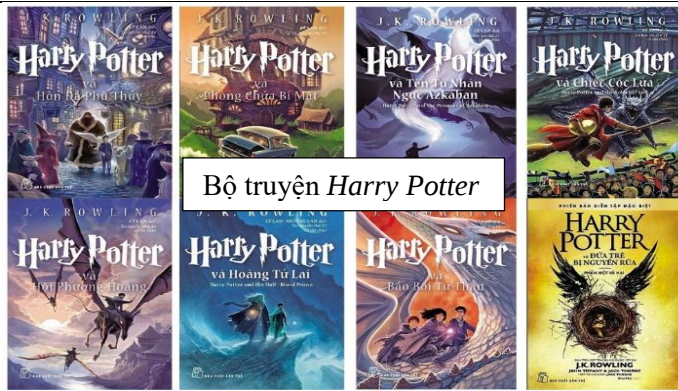
- GV gọi HS có giọng đọc tốt đọc toàn bài một lần.
- GV và cả lớp nhận xét.
- GV hướng dẫn HS xác định nội dung chính của các đoạn văn bản.

- Hướng dẫn HS luyện đọc và giải nghĩa một từ khó: *Giô-an Rô-linh, Ha-ri Pót-tơ, phẩn khích, kì thú...*
- GV chiếu hình ảnh và giới thiệu để HS hiểu rõ hơn về tác giả *Giô-an Rô-linh*, bộ truyện *Ha-ri Pót-tơ*



Tác giả *Giô-an Rô-linh*

- HS đọc
- Cả lớp nhận xét
- HS xác định nội dung:
 - + *Đoạn 1: Kể về trí tưởng tượng đặc biệt của cô bé Giô-an Rô-ling từ hồi nhỏ.*
 - + *Đoạn 2: Hoàn cảnh ra đời câu chuyện Harry Potter.*
 - + *Đoạn 3: Mơ ước của Giô-an Rô-ling đã trở thành hiện thực.*
- HS đọc và giải nghĩa từ
- HS quan sát và lắng nghe



- Yêu cầu HS luyện đọc một số câu dài (thực hiện cá nhân/cặp)

- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm (3 HS/nhóm), kết hợp trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập (10 phút).

Nhóm:

PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1. Những chi tiết nào cho biết ngay từ nhỏ, Giô-an Rô-linh đã có trí tưởng tượng rất phong phú?

.....

.....

.....

Câu 2. Cô bé Giô-an Rô-linh ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn từ khi nào? Bằng cách nào cô thực hiện được ước mơ của mình?

.....

.....

.....

Câu 3. Ý tưởng về nhân vật Ha-ri Pôt-tơ và câu chuyện kì thú được hình thành trong tình huống nào?

.....

.....

.....

Câu 4. Câu chuyện Ha-ri Pôt-tơ và hòn đá phù thủy được đón nhận như thế nào?

.....

.....

.....

- HS xác định chỗ ngắt nghỉ, từ ngữ cần nhấn giọng...; luyện đọc câu.

+ Khi cuốn sách được xuất bản,/ Giô-an muốn hét thật to:/"Mơ ước của mình/ đã trở thành hiện thực!"//

+ Nhưng/ điều cô không ngờ tới,/ "Ha-ri Pôt-tơ và hòn đá phù thủy"/ đã thu hút sự chú ý của rất nhiều trẻ em/ trên toàn thế giới.//

- HS luyện đọc theo nhóm kết hợp trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập

*** Cách tiến hành:**

- GV cho HS xem một đoạn phim <i>Harry Potter và hòn đá phù thủy</i>. (Phụ lục 2) - Gọi một số HS chia sẻ cảm xúc sau khi xem phim. - GV tuyên dương, kết luận - GV nhận xét tiết học và dặn dò	- HS xem một đoạn phim <i>Harry Potter và hòn đá phù thủy</i> - HS chia sẻ cảm xúc sau khi xem phim. - HS lắng nghe
--	---

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

Phụ lục

1. Link xem phim *Harry Potter và hòn đá phù thủy*:

<https://www.youtube.com/watch?v=ZF1M61L3ikQ>

3) Đọc: Đường quê Đồng Tháp Mười

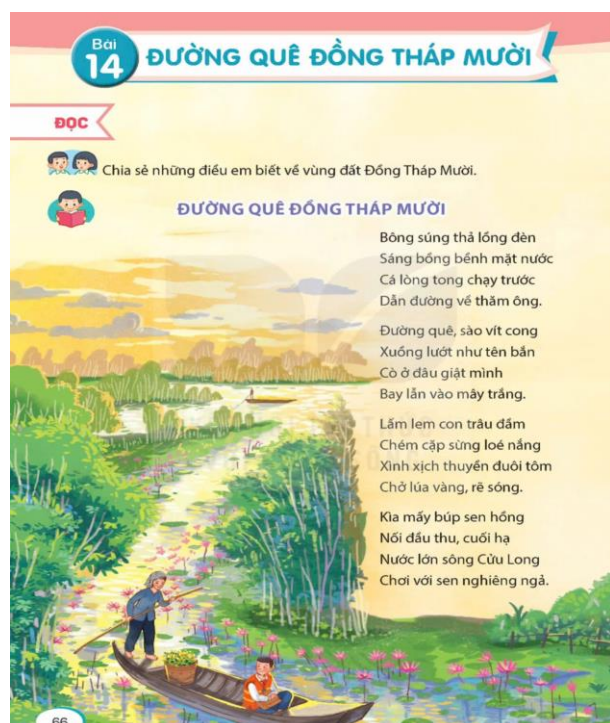
KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2)

Tuần 25 – Bài 14

Tiết 1

Đọc: Đường quê Đồng Tháp Mười



Về xứ mười tầng tháp
Leo cầu trăm đốt tre
Ông đứng như bụi hiện
Chờ chầu cuối đường quê.
(Trần Quốc Toàn)

Từ ngữ

- *Cá lòng tong*: cá nước ngọt, sống thành đàn, cỡ nhỏ, mình dẹt, cùng họ với cá chép.
- *Xứ mười tầng tháp*: chỉ Đồng Tháp Mười (tương truyền xưa ở Đồng Tháp Mười có tòa tháp cao mười tầng).

- Ở khổ thơ đầu, đường về quê thú vị như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ?
- Tìm những nét đẹp riêng của vùng Đồng Tháp Mười được miêu tả trong bài thơ.
 - Về cảnh vật thiên nhiên
 - Về cuộc sống con người
- Những từ ngữ nào trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức?
- Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói điều gì về quê hương mình?
- Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc?

* Học thuộc lòng bài thơ.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” (Trần Quốc Toàn).
- Hiểu được nội dung chính của bài thơ: vẻ đẹp riêng của thiên nhiên, cuộc sống và tâm hồn con người vùng Đồng Tháp Mười.
- Rút ra thông điệp ý nghĩa cho bản thân qua bài thơ.

2. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong bài.

3. Phẩm chất;

- Yêu nước: bồi đắp tình yêu, lòng tự hào về quê hương, đất nước.
- Nhân ái: phát triển những cảm xúc lành mạnh, lối sống nhân ái, biết yêu thương, quý trọng những cảnh đẹp của mỗi vùng miền trên đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Hình ảnh về các danh lam thắng cảnh nổi tiếng; lễ hội; đặc sản truyền thống trên đất nước Việt Nam
- Bản đồ vị trí địa lí của Đồng Tháp Mười
- Phiếu học tập
- Sticker thưởng cho HS

2. Học sinh:

- Kể tên bài thơ, bài hát/đọc một số câu thơ, hát một đoạn... ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước Việt Nam.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút) * Mục tiêu: - HS xem video và nêu lên một số hiểu biết về Đồng Tháp Mười. - Tạo tâm thế, hứng thú học tập - Dẫn dắt, kết nối vào bài mới	

* PP, KTDH: Trực quan * Cách thực hiện:	
- GV cho HS tổ chức xem video giới thiệu về đồng sen Tháp Mười (Phụ lục 1) - GV mời HS chia sẻ một số hiểu biết của bản thân về Đồng Tháp Mười - GV nhận xét, tuyên dương và giới thiệu đôi nét về Đồng Tháp Mười qua bản đồ - GV dẫn dắt vào bài	- HS xem video - HS chia sẻ một số hiểu biết của bản thân về Đồng Tháp Mười - HS lắng nghe và quan sát - HS lắng nghe và ghi bài
Hoạt động 2: Luyện đọc (10 phút) * Mục tiêu: - Đọc đúng và diễn cảm bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” - Chỉ dẫn được cách đọc của một số câu, khổ thơ. - Giải thích một số từ mới. * PP, KTDH: - Vấn đáp – gợi mở - Kỹ thuật “Đọc tích cực” * Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu bài thơ. - GV hướng dẫn HS đọc: Đọc với giọng nhẹ nhàng sâu lắng, truyền cảm. Khi đọc các khổ thơ cần đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi cảnh sắc và nhịp điệu của cuộc sống: + Khổ thơ 1: Đọc với giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, thể hiện sự bình yên của cảnh vật thiên nhiên Đồng Tháp Mười, nhấn giọng ở các từ: thả, bông bênh, chạy trước, dẫn đường + Khổ thơ 2: Giọng đọc nhanh hơn, nhấn mạnh vào sự sống động của vùng quê với hình ảnh xuồng lướt, cò bay. + Khổ thơ 3: Đọc với giọng chắc chắn, nhấn giọng ở các từ thể hiện sự gắn bó của con người với lao	- HS lắng nghe - HS lắng nghe

động và thiên nhiên: lấm lem, chém, lóe nắng, xinh xịch, rẽ sóng + Khổ thơ 4: Giọng đọc mềm mại, thể hiện vẻ đẹp của mùa màng và sự chuyển động của thiên nhiên. + Khổ thơ 5: Đọc chậm lại, thể hiện sự ấm áp, tình cảm gắn bó với quê hương và gia đình. - GV hỏi HS: + Bài thơ gồm mấy khổ? + Bài thơ được viết theo thể thơ nào? - GV nhận xét, kết luận - GV 5 gọi HS đọc nối tiếp 5 khổ thơ. - GV mời các HS khác nhận xét - GV mời HS chia sẻ về các từ khó đọc, dễ phát âm sai. + GV viết bảng các từ HS khó đọc, dễ phát âm sai - GV mời 3 – 4 HS luyện đọc từ khó - GV yêu cầu HS nêu cách ngắt nhịp của từng khổ thơ - GV nhận xét, kết luận: Bông súng/ thả lỏng đèn Sáng bông bênh/ mặt nước Cá lòng tong/ chạy trước Dẫn đường/ về thăm ông. Đường quê,/ sào vít cong Xuồng lướt/ như tên bắn Cò ở đâu/ giật mình	- HS trả lời + Bài thơ gồm 5 khổ + Bài thơ được viết theo thể thơ: Lục bát - HS lắng nghe - 5 HS đọc nối tiếp - Các HS khác nhận xét - HS chia sẻ về các từ khó đọc, dễ phát âm sai: lòng tong, bông bênh, chạy trước, dẫn đường, lấm lem, chém, lóe nắng, xinh xịch, rẽ sóng,... - 3 – 4 HS luyện đọc từ khó - HS trả lời - HS lắng nghe
---	---

Bay lẩn vào/ mây trắng.
Lầm lem/ con trâu đầm
Chém cặp sừng/ loé nắng
Xình xịch/ thuyền đuôi tôm
Chở lúa vàng./ rẽ sóng.

Kìa mấy búp/ sen hồng
Nồi đầu thu,/ cuối hạ
Nước lớn/ sông Cửu Long
Chơi với sen/ nghiêng ngả.

Về xứ/ mười tầng tháp
Leo cầu/ trăm đốt tre
Ông đứng như/ bụi hiện
Chờ cháu/ cuối đường quê.

- GV yêu cầu 5 HS liên tiếp đọc 5 khổ thơ lần 2.
- GV mời các HS khác nhận xét
- GV yêu cầu HS đọc các từ cần giải nghĩa

- + GV chiếu hình ảnh và giới thiệu để HS hiểu rõ

Xứ mười tầng tháp



Cá lòng tong



- GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm 4 trong 5 phút
- GV tổ chức thi đọc theo nhóm: GV mời 2 nhóm thi đọc khổ 2-3, dưới lớp lắng nghe và bầu chọn

- 5 HS liên tiếp đọc 5 khổ thơ lần 2.
- Các HS khác nhận xét
- HS nêu các từ cần giải nghĩa
- + HS quan sát

- HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm 4 trong 5 phút
- 2 nhóm thi đọc

bạn bằng cách vỗ tay - Tiêu trí đánh giá: + Đọc diễn cảm, rõ tiếng + Ngắt nhịp đúng + Phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong nhóm - GV mời cả lớp bầu chọn bằng cách vỗ tay dựa vào tiêu chí đánh giá - GV nhận xét, tuyên dương - GV nhận xét, đánh giá việc luyện đọc của cả lớp.	- Cả lớp bầu chọn - HS lắng nghe - HS lắng nghe
Hoạt động 3: Đọc hiểu (15 phút) * Mục tiêu: - HS hiểu điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: Từ bao đời nay, người dân vùng Đồng Tháp Mười có cuộc sống, sinh hoạt, niềm vui mang màu sắc riêng của vùng sông nước. * PP, KTDH: - Thảo luận nhóm - Kỹ thuật “Khăn trải bàn” - Phòng tranh * Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc câu 1. - GV yêu cầu HS đọc khổ 1 và gạch chân những chi tiết thể hiện đường về quê thú vị qua cảm nhận của bạn nhỏ bằng bút chì vào SHS trong thời gian 2 phút - GV mời 2 – 3 HS nêu kết quả bài làm	- HS đọc yêu cầu Câu 1: Ở khổ thơ đầu, đường về quê thú vị như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ? - HS đọc khổ 1 và gạch chân những chi tiết thể hiện đường về quê thú vị qua cảm nhận của bạn nhỏ bằng bút chì vào SHS - 2 – 3 HS nêu kết quả bài làm

- GV mời các HS khác nhận xét
- GV nhận xét, kết luận: Qua cảm nhận của bạn nhỏ, đường về quê thú vị qua các chi tiết: bông súng trên mặt nước như thả lòng đèn, sáng bông bênh; cá lòng tong dẫn đường.
- GV mời HS đọc yêu cầu câu 2
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trong thời gian 3 phút hoàn thành câu 2 vào phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP

 2. Tìm những nét đẹp riêng của vùng Đồng Tháp Mười được miêu tả trong bài thơ.

- Về cảnh vật thiên nhiên
- Về cuộc sống con người

<u>Về cảnh vật thiên nhiên</u>	
<u>Về cuộc sống con người</u>	

- GV mời 2 – 3 nhóm chia sẻ kết quả bài làm (Kết hợp chiếu bài làm)
- GV mời các nhóm khác nhận xét
- GV nhận xét, kết luận

- HS khác nhận xét
- HS lắng nghe
- HS đọc yêu cầu Câu 2
- HS thảo luận nhóm 4 hoàn thành câu 2 vào phiếu học tập

- 2 – 3 nhóm chia sẻ kết quả bài làm
- Các nhóm khác nhận xét
- HS lắng nghe

PHIẾU HỌC TẬP



2. Tìm những nét đẹp riêng của vùng Đồng Tháp Mười được miêu tả trong bài thơ.

- Về cảnh vật thiên nhiên
- Về cuộc sống con người



Về cảnh vật thiên nhiên

Có những bông hoa súng, cá lòng tong. Trên ruộng lầy, mây con trâu đầm mình dưới bùn lấm lem; nắng chiếu làm sóng trâu loang loáng như múa kiếm, xa xa đàn cò bay lặn vào nền trời mây trắng; những búp sen hồng cuối hạ nghiêng ngả theo nhịp sóng nước của dòng Cửu Long,...

Về cuộc sống con người

Xuông lướt như tên bắn; Xinh xinh thuyền đuôi tôm/ Chờ lúa vàng, rẽ sóng; Leo cầu trăm đốt tre/ Ông đứng như bụt hiện,...

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 3 thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập (theo khăn trải bàn) trong thời gian 5 phút

- Các thành viên trong nhóm phân công nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập

PHIẾU HỌC TẬP



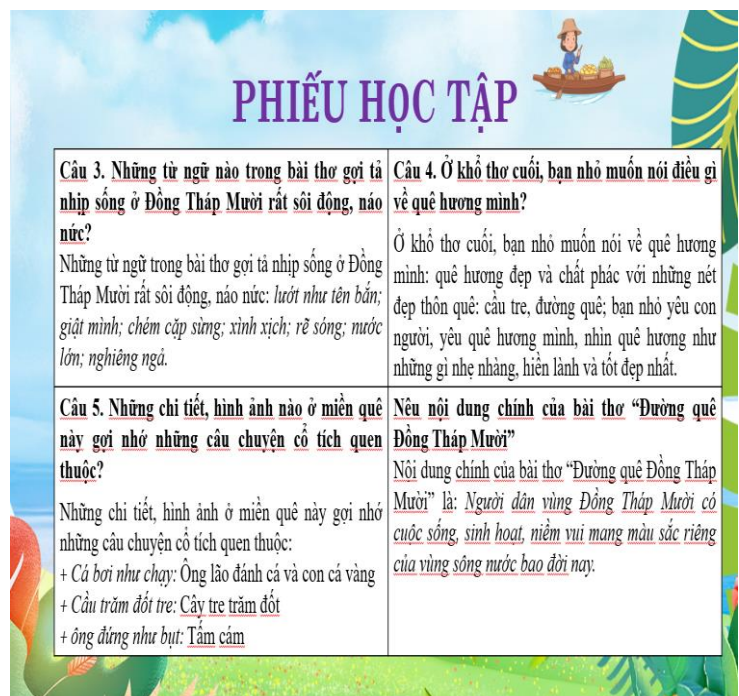
Câu 3. Những từ ngữ nào trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức?

Câu 4. Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói điều gì về quê hương mình?

Câu 5. Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc?

Nếu nội dung chính của bài thơ "Đường quê Đồng Tháp Mười"

- GV quan sát, trợ giúp HS

- GV tổ chức báo cáo kết quả - GV hướng dẫn HS treo phiếu thảo luận nhóm theo vị trí đã bố trí sẵn. - Hướng dẫn HS di chuyển theo trình tự hợp lí để quan sát và lắng nghe phần thuyết trình của các nhóm khác - GV yêu cầu HS trở về chỗ ngồi. - Tổ chức cho HS nhận xét bài làm của các nhóm. - GV trình chiếu đáp án bài tập để HS đối chiếu kết quả:	- HS báo cáo kết quả - HS treo phiếu thảo luận nhóm theo vị trí đã bố trí sẵn - HS di chuyển theo trình tự để quan sát và lắng nghe phần thuyết trình của các nhóm khác - HS trở về chỗ ngồi - HS nhận xét bài nhau - HS quan sát và lắng nghe				
 PHIẾU HỌC TẬP <table border="1"> <tr> <td data-bbox="311 1097 646 1332"> Câu 3. Những từ ngữ nào trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức? Những từ ngữ trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức: <i>lướt như tên bắn; giạt mình; chém cặp sừng; xinh xịch; rẽ sóng; nước lớn; nghiêng ngả.</i> </td><td data-bbox="646 1097 981 1332"> Câu 4. Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói điều gì về quê hương mình? Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói về quê hương mình: quê hương đẹp và chất phác với những nét đẹp thôn quê: cầu tre, đường quê; bạn nhỏ yêu con người, yêu quê hương mình, nhìn quê hương như những gì nhẹ nhàng, hiền lành và tốt đẹp nhất. </td></tr> <tr> <td data-bbox="311 1344 646 1601"> Câu 5. Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc? Những chi tiết, hình ảnh ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc: + Cá bơi như chạy: Ông lão đánh cá và con cá vàng + Cầu tre vắt vắt: Cây tre trăm đốt + ông đứng như bụt: Tấm cám </td><td data-bbox="646 1344 981 1601"> Nội dung chính của bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” Nội dung chính của bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” là: <i>Người dân vùng Đồng Tháp Mười có cuộc sống, sinh hoạt, niềm vui mang màu sắc riêng của vùng sông nước bao đời nay.</i> </td></tr> </table>		Câu 3. Những từ ngữ nào trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức? Những từ ngữ trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức: <i>lướt như tên bắn; giạt mình; chém cặp sừng; xinh xịch; rẽ sóng; nước lớn; nghiêng ngả.</i>	Câu 4. Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói điều gì về quê hương mình? Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói về quê hương mình: quê hương đẹp và chất phác với những nét đẹp thôn quê: cầu tre, đường quê; bạn nhỏ yêu con người, yêu quê hương mình, nhìn quê hương như những gì nhẹ nhàng, hiền lành và tốt đẹp nhất.	Câu 5. Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc? Những chi tiết, hình ảnh ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc: + Cá bơi như chạy: Ông lão đánh cá và con cá vàng + Cầu tre vắt vắt: Cây tre trăm đốt + ông đứng như bụt: Tấm cám	Nội dung chính của bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” Nội dung chính của bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” là: <i>Người dân vùng Đồng Tháp Mười có cuộc sống, sinh hoạt, niềm vui mang màu sắc riêng của vùng sông nước bao đời nay.</i>
Câu 3. Những từ ngữ nào trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức? Những từ ngữ trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức: <i>lướt như tên bắn; giạt mình; chém cặp sừng; xinh xịch; rẽ sóng; nước lớn; nghiêng ngả.</i>	Câu 4. Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói điều gì về quê hương mình? Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói về quê hương mình: quê hương đẹp và chất phác với những nét đẹp thôn quê: cầu tre, đường quê; bạn nhỏ yêu con người, yêu quê hương mình, nhìn quê hương như những gì nhẹ nhàng, hiền lành và tốt đẹp nhất.				
Câu 5. Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc? Những chi tiết, hình ảnh ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc: + Cá bơi như chạy: Ông lão đánh cá và con cá vàng + Cầu tre vắt vắt: Cây tre trăm đốt + ông đứng như bụt: Tấm cám	Nội dung chính của bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” Nội dung chính của bài thơ “Đường quê Đồng Tháp Mười” là: <i>Người dân vùng Đồng Tháp Mười có cuộc sống, sinh hoạt, niềm vui mang màu sắc riêng của vùng sông nước bao đời nay.</i>				
Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút) *Mục tiêu: HS kể tên được các bài thơ, bài hát ca ngợi vẻ đẹp của quê					

- HS chia sẻ cảm nhận riêng của mình về tình yêu quê hương đất nước thông qua bài thơ Đường quê Đồng Tháp Mười

*** Cách tiến hành:**

- GV nêu cách chơi:

+ Trong thời gian 3 phút các thành viên sẽ lần lượt lên bảng và ghi tên bài thơ, bài hát ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, đất nước Việt Nam. Đội nào ghi nhanh nhất và đúng sẽ dành chiến thắng

- GV hỏi HS: Em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu và sự biết ơn đối với quê hương của mình?

- GV hỏi HS: Qua bài học ngày hôm nay em học được gì?

- HS tham gia trò chơi
- HS nghe luật chơi và chơi trò chơi

- HS lắng nghe

- HS chia sẻ

- HS trả lời

- HS ghi nhớ

[illegible]

1. Link video https://youtu.be/a6PYyJVQcpU?si=RG8kfOmK6_d0BIjl

1) *Luyện từ và câu: Đại từ*

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1)

Tuần 3 – Bài 3

Tiết 2

Luyện từ và câu: Đại từ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐẠI TỪ

1. Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào?

- Nắng vàng óng. Lúa cũng **vậy**.
- Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng **thế**.
- Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. **Đó** là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương” của các cô bác nông dân.



2. Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?

a. Cốc! Cốc! Cốc! – Ai gọi đó? – Tôi là thỏ... (Võ Quảng)	b. Bé nằm ngăm ngăm – Nắng ngủ ở đâu? – Nắng ngủ nhà nắng – Mai lại gặp nhau. (Thủy Anh)	c. Mùa nào phượng vĩ Nở đỏ rực trời Ở khắp nơi nơi Ve kêu ra rả? (Cầu đơ)
--	--	---





3. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi.

Hạt thóc

Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:

– **Tôi** là hạt vàng đấy, các **bạn** ạ. Chẳng ai bằng **tôi** được.

Ngô liền nói:

– **Cậu** ơi, **tớ** nghĩ **cậu** chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn **cậu** sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.

Hạt thóc nghe xong, im lặng.

(Phan Tự Gia Bách)

- Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?
- Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?

Ghi nhớ

Đại từ là từ dùng để thay thế như *thế, vậy, đó, này,...* (đại từ thay thế), để hỏi như *ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu,...* (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như *tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,...* (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như *ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...*

4. Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện *Hạt thóc*, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- HS nhận biết được đại từ trong câu.
- Phân biệt được các loại đại từ.
- Bước đầu biết cách sử dụng đại từ cho phù hợp với ngữ cảnh.

2. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Học sinh biết vận dụng kiến thức về đại từ vào tình huống giao tiếp gần gũi với đời sống..
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức về đại từ để giải quyết các tình huống ngôn ngữ (chọn từ phù hợp, sửa lỗi sai...).

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia các hoạt động luyện tập, rèn kỹ năng nhận biết và sử dụng đại từ.
- Trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc, sử dụng

*** Mục tiêu:**

- HS nhận biết được đại từ trong câu.
- Phân biệt được các loại đại từ.

*** PP, KTDH:** Kỹ thuật Công đoạn; Thảo luận nhóm; Vấn đáp

*** Cách thực hiện:**

- GV chia lớp thành 10 nhóm theo số thứ tự theo nhóm 4

- GV phát Phiếu học tập và phân công nhiệm vụ cho các nhóm:

+ Các nhóm 1;3;5;7;9 làm câu 1

PHIẾU HỌC TẬP

CÂU 1: Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào? Hãy gạch chân từ đó

a. Nắng vàng óng. Lúa cũng **vàng**.

b. Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng **thế**.

c. Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa **bồi thu**. **Đó** là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương” của các cô bác nông dân.

+ Các nhóm 2;4;6;8;10 làm câu 2

- HS chia nhóm theo sắp xếp của GV

- Các nhóm thảo luận nhóm trong thời gian 5 phút

NHÓM: _____

PHIẾU HỌC TẬP

CÂU 2: Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?

a. Cốc! Cốc Cốc! Từ được dùng để hỏi là:
 – Ai gọi đó?
 – Tôi là thỏ...
 (Võ Quảng)

b. Bé nằm ngẫm nghĩ Từ được dùng để hỏi là:
 – Năng ngủ ở đâu?
 – Năng ngủ nhà năng
Mai lại gặp nhau.
 (Thuy Anh)

c. Mùa nào phương vĩ Từ được dùng để hỏi là:
Nở đỏ rực trời
Ở khắp nơi nơi
Ve kêu ra rả?
 (Câu đố)

- GV yêu cầu các nhóm treo bài lên bảng sau khi hoàn thành
- GV hướng dẫn các nhóm di chuyển trật tự xem bài của nhóm bạn
- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm làm câu 1 trình bày
- GV nhận xét và kết luận:

- Các nhóm treo bài lên bảng
- Các nhóm di chuyển xem bài của nhóm bạn theo hướng dẫn của GV
- Đại diện 2 – 3 nhóm làm câu 1 trình bày
- HS quan sát và lắng nghe

NHÓM: _____

PHIẾU HỌC TẬP

CÂU 1: Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào? Hãy gạch chân từ đó

a. Năng **vàng óng**. Lúa cũng **vây**.

b. Cây tre này **cao và thẳng**. Các cây kia cũng **thế**.

c. **Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu**. Đó là thành quả lao động vất vả, “một nắng hai sương” của các cô bác nông dân.

- GV đặt câu hỏi thêm:
- + Nếu không thay thế bằng những từ được in đậm thì ta có câu như thế nào?
- + Câu được dùng từ thay thế và câu không được dùng từ để thay thế thì nó có gì khác nhau?
- GV tuyên dương, kết luận: Các từ in đậm trong bài được gọi là đại từ và có tác dụng dùng để thay thế nên được gọi là đại từ thay thế.
- GV mời đại diện 2 – 3 nhóm làm câu 2 trình bày bài
- GV nhận xét, kết luận:

NHÓM:



PHIẾU HỌC TẬP

CÂU 2: Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?

a. Cốc! Cốc Cốc! Từ được dùng để hỏi là: “ai”
 – Ai gọi đó?
 – Tôi là thỏ...
 (Võ Quảng)

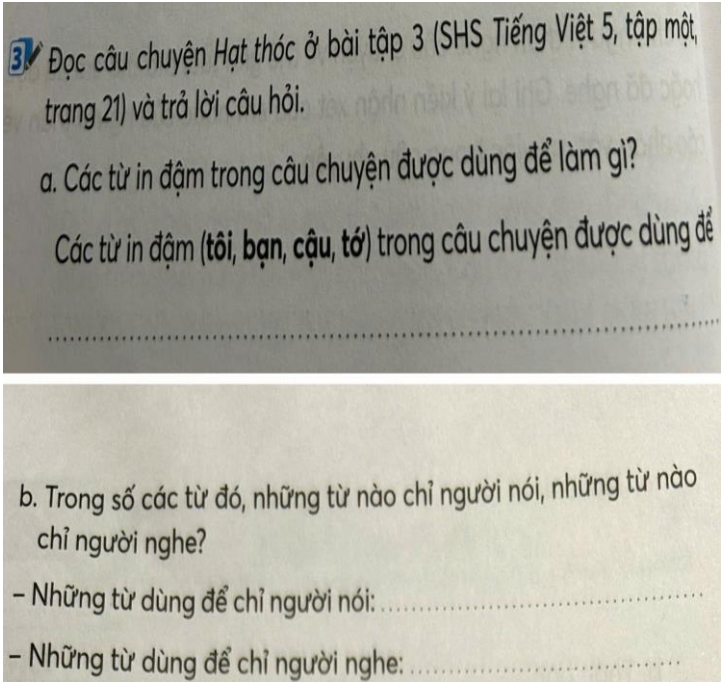
b. Bé nằm ngấm nghĩ Từ được dùng để hỏi là: “đâu”
 – Nắng ngủ ở đâu?
 – Nắng ngủ nhà nắng
 Mai lại gặp nhau.
 (Thuy Anh)

c. Mùa nào phương vĩ Từ được dùng để hỏi là: “nào”
Nở đỏ rực trời
 Ở khắp nơi
 Ve kêu ra rả?
 (Câu đố)

- GV đặt câu hỏi thêm:
- + Các từ được để hỏi này dùng để hỏi gì?

- HS trả lời
- HS lắng nghe
- Đại diện 2 – 3 nhóm làm câu 2 trình bày
- HS lắng nghe

- HS trả lời
- + Từ “ai” dùng để hỏi người gõ cửa
- + Từ “đâu” dùng để hỏi nơi

- GV tuyên dương, kết luận: Các từ dùng để hỏi sẽ được gọi là đại từ nghi vấn. Những từ này đi cùng với dấu hỏi chấm, giúp ta nhận diện rõ câu hỏi và mục đích hỏi. - GV mời HS đọc yêu cầu Câu 3 - GV giới thiệu: Để nói chuyện với nhau, chúng ta cần sử dụng các từ ngữ chỉ chính mình (người nói) hoặc người đang nói chuyện với mình (người nghe). - GV yêu cầu HS làm Câu 3 vào vở bài tập Tiếng Việt (Sách Kết nối tri thức – Tập 1) trong thời gian 3 phút  - GV yêu cầu HS kiểm tra bằng cách đổi chéo vở với bạn cùng bàn - GV chụp bài của 1 HS chiếu lên Tivi - GV mời HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận:	ngủ của nắng + Từ “nào” dùng để hỏi về mùa có hoa phượng nở và ve sầu kêu - HS lắng nghe - HS đọc yêu cầu Câu 3 - HS lắng nghe - HS làm bài cá nhân - HS đổi chéo bài với bạn cùng bàn - HS quan sát - HS nhận xét, bổ sung - HS lắng nghe
---	---

a. Các từ in đậm trong câu chuyện dùng để xưng hô. b. - Từ chỉ người nói: Tôi (hạt thóc), tớ (ngô) - Từ chỉ người nghe: Bạn (các cây ngô, khoai, sắn), cậu (hạt thóc) - GV kết luận: Các từ xưng hô như tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,... được gọi là đại từ xưng hô. - GV hỏi: Ngoài ra còn có các từ nào dùng để xưng hô không? - GV tuyên dương, kết luận: Trong Tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,... - GV mời HS đọc phần Ghi nhớ: Đại từ là từ dùng để thay thế như <i>thế, vậy, đó, này</i>,... (đại từ thay thế), để hỏi như <i>ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu</i>,... (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như <i>tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta</i>,... (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong Tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,...	- HS lắng nghe - HS trả lời: Ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cô, bạn,.... - HS lắng nghe - HS đọc
Hoạt động 3: Luyện tập (7 phút) * Mục tiêu: - Bước đầu biết cách sử dụng đại từ cho phù hợp với ngữ cảnh * PP, KTDH: Đóng vai; Giải quyết vấn đề; Kỹ thuật “Viết tích cực” * Cách thực hiện:	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu Câu 4 - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 trong thời gian 3 phút - GV nêu yêu cầu thảo luận + Từng HS sẽ đóng vai Hạt thóc để đáp lại lời của ngô, trong đó câu đáp lại có sử dụng một	- HS đọc - HS lắng nghe

đại từ - GV tổ chức cho các nhóm đóng vai - GV mời 2 - 3 nhóm lên đóng vai hạt thóc đáp lại lời của ngô - Tiêu chí đánh giá + Có câu đáp lại có sử dụng một đại từ hay và phù hợp với bối cảnh + Thần thái tự tin + Giọng nói rõ ràng, phù hợp với bối cảnh - GV mời các nhóm khác nhận xét, bầu chọn xem nhóm nào tốt nhất bằng cách giơ tay - GV tuyên dương, nhận xét và lưu ý: Khi viết câu có dùng đại từ, cần sử dụng đúng chức năng của loại đại từ mà mình sử dụng. - GV yêu cầu HS viết câu đáp lại lời Ngô có sử dụng một đại từ vào vở	- HS đóng vai - 2 - 3 nhóm lên đóng vai hạt thóc đáp lại lời của ngô - Các nhóm khác nhận xét và bầu chọn - HS lắng nghe - HS viết
Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút) * Mục tiêu: - Học sinh biết vận dụng kiến thức về đại từ vào tình huống giao tiếp gần gũi với đời sống. * PP, KTDH: Kỹ thuật “Giải quyết tình huống” * Cách thực hiện:	
- GV đưa ra các tình huống sau: Hãy tưởng tượng bản thân đang nói chuyện với: + Ông/bà/cha/mẹ những người thân của mình + Ở trên lớp em chưa hiểu bài và cần được cô giáo hoặc bạn chỉ lại bài cho em. + Một em nhỏ lớp dưới - GV nêu yêu cầu: + Chia sẻ theo nhóm đôi trong thời gian 2 phút + Đặt một câu giao tiếp có sử dụng đại từ phù hợp trong ba tình huống trên. - GV mời 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp	- HS thảo luận nhóm đôi - 2 – 3 nhóm chia sẻ trước lớp

- GV nhận xét, tuyên dương. - GV hỏi: Qua tiết học ngày hôm nay em học được gì? - GV nhận xét tiết học và dặn dò	- HS chia sẻ - HS lắng nghe
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

2) Luyện từ và câu: Câu đơn và câu ghép

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2)

Tuần 19 – Bài 1

Tiết 2

Luyện từ và câu: Câu đơn và câu ghép

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHEP

1. Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu.

a. Trời không mưa. Ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.

b. Trời không mưa nên ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.

– Xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu ở ví dụ a.

– Câu ở ví dụ b có mấy cụm chủ ngữ – vị ngữ? Từ *nên* có tác dụng gì trong câu?

2. Xác định câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ trong đoạn văn dưới đây. Từ nào có tác dụng nối các cụm chủ ngữ – vị ngữ đó?

(1) Những cánh bướm chung thủy cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian. (2) Đến nay, con người đã có những con tàu to lớn vượt biển khơi, nhưng những cánh bướm vẫn sống mãi cùng sông nước và con người.

(Theo Bằng Sơn)

Ghi nhớ

– Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ.

– Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ – vị ngữ ghép lại. Mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ trong câu ghép được gọi là một vế câu. Các vế trong câu ghép có sự kết nối chặt chẽ với nhau.

3. Tìm câu ghép trong đoạn văn dưới đây và xác định các vế trong mỗi câu ghép.

(1) Chúng tôi đi chăn trâu, ngày nào cũng qua suối. (2) Cỏ gần nước tươi tốt nên trâu ăn cỏ men theo bờ suối, rồi mới lên đồi, lên núi. (3) Chiều về, đàn trâu no cỏ dầm mình dưới suối, chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình.

(Theo Văn Thành Lê)



4. Đặt 1 – 2 câu ghép nói về nhân vật Nai Ngọc trong bài đọc *Tiếng hát của người đá*.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Phân biệt được câu đơn và câu ghép dựa vào cấu tạo.
- Hiểu được tác dụng của các cụm chủ ngữ - vị ngữ
- Vận dụng linh hoạt câu đơn và câu ghép trong nói và viết phù hợp với mục đích giao tiếp.

2. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe, chia sẻ và trao đổi với bạn về cách dùng đại từ trong các tình huống giao tiếp.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đã học để đặt câu đúng ngữ pháp, phù hợp tình huống giao tiếp.

3. Phẩm chất:

- Phẩm chất chăm chỉ: Hoàn thành các bài tập, nhiệm vụ học tập một cách nghiêm túc và đầy đủ.
- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức chuẩn bị bài và xây dựng bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Phiếu học tập
- Quà thưởng cho HS
- Mô hình cái Mic phục vụ cho đóng vai MC

2. Học sinh:

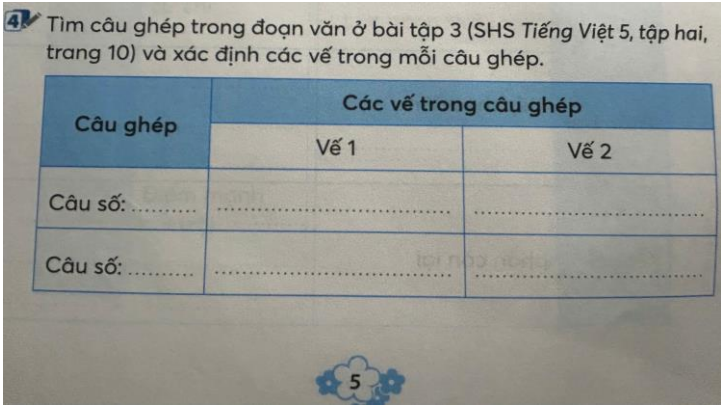
- Chuẩn bị bài ở nhà.
- Chia nhóm, nhận phiếu học tập trước giờ học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút) * Mục tiêu: - Tạo tâm thế, hứng thú học tập. - Dẫn dắt, kết nối vào bài mới - HS đặt được câu có sử dụng câu ghép. * PP, KTDH: Kỹ thuật “Tia chớp” * Cách thực hiện:	

- GV yêu cầu HS hãy đặt 1 câu có sử dụng câu ghép trong thời gian 1 phút - GV mời 3 – 5 HS chia sẻ trước lớp - GV mời các HS khác nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài: <i>Bài 1: Tiết 2: Luyện từ và câu: Câu đơn và câu ghép</i>	- HS đặt câu - 3 – 5 HS chia sẻ trước lớp - HS nhận xét - HS lắng nghe
Hoạt động 2: Tìm hiểu về Câu đơn và Câu ghép (15 phút) * Mục tiêu: - Phân biệt được câu đơn và câu ghép dựa vào cấu tạo. - Hiểu được tác dụng của các cụm chủ ngữ - vị ngữ * PP, KTDH: Thảo luận nhóm * Cách thực hiện:	
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 và thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập (8 phút) Nhóm:..... PHIẾU HỌC TẬP Câu 1. Dùng dấu gạch / để phân cách chủ ngữ, vị ngữ và đặt C₁ - C₂ (Chủ ngữ 1, chủ ngữ 2); V1 - V2 (Vị ngữ 1, vị ngữ 2) dưới mỗi chủ ngữ, vị ngữ của mỗi ví dụ sau: a) Trời không mưa. Ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ. b) Trời không mưa nên ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ. c) ⁽¹⁾ Những cánh buồm chung thủy cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian. ⁽²⁾ Đến nay, con người đã có những con tàu to lớn vượt biển khơi, nhưng những cánh buồm vẫn sống mãi cùng sông nước và con người. (Theo Băng Sơn) Câu 2. Từ Câu 1 hãy trả lời các câu hỏi sau: a) - Câu ở ví dụ b có mấy cụm chủ ngữ – vị ngữ? - Trong câu ở ví dụ b từ “<i>nên</i>” có tác dụng là: b) - Trong 2 câu ở ví dụ c câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ là: - Ở ví dụ c từ có tác dụng nối các cụm chủ ngữ – vị ngữ trong câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ là: - GV quan sát và giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn - GV mời 2 – 3 nhóm trình bày Câu 1 kết hợp chiếu bài - GV mời các nhóm khác nhận xét - GV hỏi: Hãy cho biết câu nào là câu đơn câu nào là câu ghép ở Câu 1?	- HS thảo luận nhóm 4 và thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập - 2 – 3 nhóm trình bày Câu 1 - Các nhóm khác nhận xét - HS trả lời: + Các câu đơn là: Câu a và câu (1) ở câu c

+ Vậy thế nào là câu đơn? Thế nào là câu ghép? + Các từ nối trong câu ghép có tác dụng gì? - GV nhận xét, mời HS đọc phần Ghi nhớ trong SHS: + Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ - vị ngữ. + Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ - vị ngữ ghép lại. Mỗi cụm chủ ngữ - vị ngữ trong câu ghép được gọi là một vế câu. Các vế trong câu ghép có sự kết nối chặt chẽ với nhau.	+ Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ - vị ngữ. + Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ - vị ngữ ghép lại. + Các từ nối trong câu ghép có tác dụng nối hai cụm chủ vị với nhau. - HS đọc
Hoạt động 3: Luyện tập (10 phút) * Mục tiêu: - Tìm được câu ghép và xác định các vế trong câu ghép - Đặt được câu có sử dụng câu ghép * PP, KTDH: Kỹ thuật: - Thực hành – Luyện tập - Đóng vai * Cách thực hiện:	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu Câu 3 - GV yêu cầu làm Bài 4 trong vở bài tập Tiếng Việt (Câu 3 – SHS/tr.10) trong thời gian 3 phút 	- HS đọc yêu cầu Câu 3 - HS làm bài trong vở bài tập Tiếng Việt

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

.....

1) *Viết: Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách*

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1)

Tuần 11 – Bài 19

Tiết 3

Viết: Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc.

1. Dựa vào kết quả tìm ý trong hoạt động Viết ở Bài 18, viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong cuốn sách mà em đã đọc.

Lưu ý:

- Tập trung giới thiệu những đặc điểm nổi bật của nhân vật.

Ví dụ:

Ma-ri-a rất ưa quan sát. Hồi 6 tuổi, mỗi khi gia nhân bưng trà lên, cô lại để ý sự chuyển động của tách đựng trà trên đĩa. Là người luôn say mê khám phá, Ma-ri-a làm đi làm lại thí nghiệm để giải thích cho điều kì lạ cô đã thấy. Cuối cùng, cô đã phát hiện ra: Khi giữa tách trà và đĩa có một chút nước thì tách trà sẽ đứng yên.

(Hoàng Hà Thu)

- Thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với nhân vật, qua đó khích lệ mọi người cùng tìm đọc cuốn sách.

Ví dụ:

Đọc cuốn *Những tấm lòng cao cả* của A-mi-xi, tôi vô cùng cảm phục thầy Cơ-rô-xét-ti. Sau rất nhiều năm, thầy vẫn nhớ tên, nhớ tính nết, nhớ chỗ ngồi của học trò và còn giữ được cả bài viết của học trò ngày ấy.

(Vũ Anh Tú)

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

Bố cục đoạn văn

Nội dung giới thiệu

Cách dùng từ, viết câu

Dẫn chứng minh họa



Chia sẻ với người thân nội dung em đã viết ở đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

101

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Học sinh viết được đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.
- Viết đoạn văn hoàn chỉnh, theo đúng quy trình; sử dụng ngôn từ phù hợp, thể hiện cảm xúc và khả năng liên tưởng, tưởng tượng.
- HS biết lắng nghe và chỉnh sửa bài phù hợp với yêu cầu

2. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS biết chia sẻ bài làm của mình với bạn; nhận xét, góp ý bài làm của bạn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS thực hiện được các nhiệm vụ

học tập cá nhân, học tập theo nhóm; viết được đoạn văn phù hợp, có tính sáng tạo.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tự giác, tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trung thực, trách nhiệm: Tự viết đoạn văn theo yêu cầu, thể hiện cảm xúc chân thành, phù hợp; khách quan, trách nhiệm trong việc nhận xét, đánh giá bài làm của bản thân và của các bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Phiếu học tập (Khăn trải bàn)
- Sticker thưởng cho các nhóm HS

2. Học sinh:

- Đọc và tìm hiểu trước về nhân vật trong một cuốn sách mà mình yêu thích
- Chia nhóm, nhận phiếu học tập trước giờ học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút) * Mục tiêu: - Tạo tâm thế, hứng thú học tập. - Dẫn dắt, kết nối vào bài mới. - HS chia sẻ được những nhân vật mình yêu thích trong một tác phẩm văn học hoặc một cuốn sách. * PP, KTDH: Kỹ thuật “Trình bày một chút” * Cách thực hiện:	
- GV nêu yêu cầu: Hãy chia sẻ về một nhân vật em yêu thích trong một tác phẩm văn học hoặc một cuốn sách - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp - GV nhận xét hoạt động và dẫn dắt vào bài mới	- HS lắng nghe - 2 – 3 HS chia sẻ - HS lắng nghe
Hoạt động 2: Luyện viết đoạn văn (15 phút) * Mục tiêu: - HS viết được đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách dựa theo ý đã lập ở giờ học trước theo các bước: chuẩn bị, tìm ý, viết bài * PP, KTDH:	

- Vấn đáp - Thảo luận nhóm - Thực hành - Luyện tập. * Cách thực hiện:	
* Bước 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu đề - GV gọi 1-2 HS đọc đề bài - Yêu cầu: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc. * Bước 2: Hướng dẫn HS khi viết một đoạn văn - GV hướng dẫn HS thông qua hệ thống câu hỏi: + Một đoạn văn có cấu trúc mấy phần? + Câu mở đoạn có vai trò gì? + Thân đoạn gồm có những ý gì? + Câu kết đoạn cần làm gì? + Khi trình bày đoạn văn ta cần lưu ý những gì? - GV nhận xét, kết luận: + Một đoạn văn có cấu trúc 3 phần: Câu mở đoạn; thân đoạn và kết đoạn + Câu mở đoạn có vai trò giới thiệu nội dung chính của đoạn văn, giúp người đọc biết em định viết về điều gì. + Thân đoạn gồm có những ý: Đặc điểm, hành động, cảm nghĩ... cụ thể liên quan đến nội dung chính. + Câu kết đoạn cần tóm lại nội dung chính hoặc bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ về điều vừa viết. + Khi viết đoạn văn cần lưu ý: Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm. Viết đúng chính tả, đúng ngữ pháp + Dùng từ phù hợp, chính xác và không được xuống dòng khi viết đoạn văn * Bước 3: Tổ chức cho HS luyện viết đoạn văn	- 1 - 2 HS đọc đề bài tập - HS trả lời - HS lắng nghe

- GV yêu cầu HS viết đoạn văn. GV lưu ý HS qua ví dụ ở câu 1 trong SHS: + Tập trung giới thiệu những đặc điểm nổi bật của nhân vật + Thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với nhân vật, qua đó khích lệ mọi người cùng tìm đọc cuốn sách. - GV quan sát và hỗ trợ HS trong khi viết.	- HS viết đoạn văn
Hoạt động 3: Đọc soát và chỉnh sửa (8 phút) * Mục tiêu: HS đọc, soát lỗi tự chỉnh sửa, bổ sung và góp ý cho nhau * PP, KTDH: - Vấn đáp - Chia sẻ nhóm đôi * Cách thực hiện:	
- GV yêu cầu HS đọc lại bài mình một lượt rồi trao đổi bài với bạn để nhận xét và bổ sung cho nhau: + Đoạn văn có đủ 3 phần? + Nội dung giới thiệu đã được trình bày rõ ràng? + Có mắc lỗi chính tả, diễn đạt? + Đoạn văn đã có dẫn chứng minh họa? - Gọi 3 - 4 học sinh đọc bài trước lớp/kết hợp chiếu bài làm của HS để cả lớp đọc thầm. - GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn. - GV nhận xét, rút kinh nghiệm cho cả lớp.	- HS đọc lại bài mình một lượt rồi trao đổi bài với bạn - HS quan sát và lắng nghe - HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn. - HS lắng nghe
Hoạt động 4: Vận dụng (7 phút) * Mục tiêu: - Viết được những câu văn hay theo chủ đề. * PP, KTDH: Khăn trải bàn * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 (hình thức khăn trải bàn) để viết câu văn theo yêu cầu (về một nhân vật do nhóm lựa chọn) vào phiếu học	- HS thảo luận nhóm 4

tập (4 phút)

VIẾT CÂU NÊU MỘT BÀI HỌC RÚT RA TỪ NHÂN VẬT	VIẾT CÂU NÊU MỘT ĐOẠN PHIẾU HỌC TẬP VIẾT CÂU KẾT ĐOẠN	VIẾT CÂU NÊU CẢM XÚC VỀ LÝ DO EM MUỐN GIỚI THIỆU THIỆU VỀ NHÂN VẬT MÀ EM MUỐN GIỚI THIỆU
---	--	---

- GV cho các nhóm trình bày kết quả - tổ chức cho HS bình chọn nhóm có kết quả tốt nhất.
- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.
- Yêu cầu HS về nhà đọc lại cho người thân, gia đình nghe đoạn văn đã viết; luyện viết đoạn văn hay hơn.

- Các nhóm trình bày kết quả và bình chọn nhóm có kết quả tốt nhất.
- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2) *Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả người*

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2)

Tuần 20 – Bài 4

Tiết 3

Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả người

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn tả một người thân trong gia đình em.

Đề 2: Viết bài văn tả một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp.

1. Lập dàn ý.

- Dựa vào kết quả quan sát trong hoạt động Viết ở Bài 3, lập dàn ý cho đề bài em đã chọn.
- Xác định trình tự tả (tả lần lượt ngoại hình, hoạt động,... hoặc kết hợp, đan xen giữa tả ngoại hình với hoạt động,...).

G:

Mở bài

Giới thiệu về người được tả (tên gọi, mối quan hệ của em với người đó,...) theo cách mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp.

Thân bài

Nêu ngắn gọn những đặc điểm của người được tả:

- Ngoại hình (tầm vóc, dáng người, nước da, gương mặt, trang phục,...)
- Hoạt động (việc làm, cử chỉ, lời nói, cách ứng xử,...)
- Sở trường, sở thích hoặc tính tình.

Kết bài

Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về người được tả theo cách kết bài mở rộng hoặc không mở rộng.

2. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

G:

- Lựa chọn được chi tiết về ngoại hình, hoạt động, sở trường,... thể hiện những nét riêng, giúp phân biệt người được tả với những người khác.
- Có những dẫn chứng cụ thể (hoạt động, sở trường,...) thể hiện được tính cách, phẩm chất của người được tả.
-

24

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- HS lập được dàn ý cho bài văn tả người theo đúng trình tự tả
- HS lắng nghe góp ý và chỉnh sửa dàn ý phù hợp với yêu cầu

2. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS biết chia sẻ bài làm của mình với bạn; nhận xét, góp ý bài làm của bạn.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: HS thực hiện được các nhiệm vụ học tập cá nhân, học tập theo nhóm; lập được dàn ý phù hợp, có tính sáng tạo.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tự giác, tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Tự lập dàn ý hoàn chỉnh, theo đúng quy trình theo yêu

cầu, thể hiện cảm xúc chân thành, phù hợp; khách quan, trách nhiệm trong việc nhận xét, đánh giá bài làm của bản thân và của các bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Giấy A4
- Sticker thưởng cho HS

2. Học sinh:

- Bút máy, bút dạ, bút màu.
- Hình ảnh về người mà mình lựa chọn lập dàn ý cho bài văn tả người
- Bài dàn ý cho bài văn tả người đã được chuẩn bị trước ở nhà

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút) * Mục tiêu: - Tạo tâm thế, hứng thú học tập. - HS tham gia đóng vai nêu được đặc điểm của bạn. - Dẫn dắt, kết nối vào bài mới. * PP, KTDH: Đóng vai * Cách thực hiện:	
* Bước 1: Giới thiệu tình huống - GV giới thiệu tình huống: Hôm nay em và bạn thân cùng rủ nhau xem chương trình lễ hội âm nhạc ở Phố cổ Hoa Lư do đông người nên em và bạn đã lạc mất nhau. Em hãy tìm chú công an nhờ chú tìm bạn giúp em bằng cách giới thiệu những đặc điểm nổi bật của bạn em * Bước 2: Hướng dẫn đóng vai - GV sẽ chọn ra 2 HS bất kỳ 1 HS đóng vai công an; 1 HS đóng vai bạn nhỏ tìm bạn - Cách thực hiện: + 1 HS sẽ là người đảm nhận vai trò chú công an và 1 HS sẽ giới thiệu đặc điểm nổi	- HS tìm hiểu trò chơi. - HS xung phong tham gia đóng vai. - HS tìm hiểu cách thực hiện.

bật để công an tìm ra người bị lạc + Nhiệm vụ của người chú công an là dựa vào những điểm nổi bật đó hãy tìm xem người bị lạc đó là ai. - Yêu cầu: + HS sẽ giới thiệu đặc điểm nổi bật của bạn trong thời gian 1 phút để miêu tả và công an sẽ đoán người bị lạc trong thời gian 1 phút * Bước 3: Thực hiện đóng vai - GV theo dõi, hỗ trợ. * Bước 4: Tổng kết, đánh giá - GV tổng kết, đánh giá HS đóng vai . - GV nhận xét phần đóng vai của HS, hướng dẫn HS rút ra bài học, ý nghĩa giáo dục - GV dẫn vào bài mới.	- HS đóng vai. - HS ghi tên bài.
Hoạt động 2: Lập dàn ý (15 phút) * Mục tiêu: HS xác định được bố cục của dàn ý, trình tự tả * PP, KTDH: Kỹ thuật “Chia sẻ nhóm đôi” (Think, Pair, share) * Cách thực hiện:	
- GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu đề bài - GV hỏi: Dựa vào kết quả quan sát trong hoạt động Viết ở Bài 3, em hãy cho biết: + Dàn ý tả người gồm mấy phần? Đó là những phần nào? + Mở bài cần phải làm gì? + Thân bài cần phải nêu những đặc điểm nào + Kết bài cần có những gì?	- 1 – 2 HS đọc: Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Viết bài văn tả một người thân trong gia đình em Đề 2: Viết bài văn tả một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp - HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

.....

.....

2.2.2.4. Thiết kế một số kế hoạch bài dạy cho hoạt động Nói và nghe

1) Nói và nghe: *Cuốn sách tôi yêu*

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 1)

Tuần 11 – Bài 20

Tiết 4

Nói và nghe: *Cuốn sách tôi yêu*

NÓI VÀ NGHE

CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Yêu cầu: Giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.

- 1. Chuẩn bị.**
 - Chọn 1 cuốn sách em yêu thích.
 - Dự kiến những thông tin sẽ giới thiệu về cuốn sách.

G: + Tên sách, tên tác giả, nội dung chính, các nhân vật,...
 + Những điều khiến em yêu thích cuốn sách (nhân vật gây ấn tượng, những bài học bổ ích trong cuốn sách,...)
 + Suy nghĩ, cảm xúc của em khi đọc cuốn sách đó
- 2. Trình bày.**
 - Giới thiệu về cuốn sách em yêu thích theo nội dung đã chuẩn bị.
 - Trả lời câu hỏi của bạn về cuốn sách em giới thiệu.

Lưu ý: Khi nghe bạn trình bày, ghi chép những thông tin quan trọng và chuẩn bị câu hỏi để hiểu rõ hơn cuốn sách bạn giới thiệu.
- 3. Đánh giá.**
 - Những ý kiến hay.
 - Những điều cần rút kinh nghiệm.

Chia sẻ với người thân về cuốn sách mà em đã thảo luận cùng bạn bè ở lớp.

104

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- HS giới thiệu được cuốn sách yêu thích (tên sách, tên tác giả, nội dung chính hoặc điểm nổi bật của sách, lí do yêu thích cuốn sách đó...).

- Sử dụng ngôn phù hợp, diễn đạt tự nhiên, có cảm xúc.

2. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: nói rõ ràng, mạch lạc, tự tin; lắng nghe, ghi chép, chia sẻ ý kiến về cuốn sách mà bạn giới thiệu, đặt được một số câu hỏi để hiểu rõ hơn về cuốn sách đó.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn thông tin tiêu biểu, kết hợp phương tiện phi ngôn ngữ, tranh ảnh, sách minh họa... để thu hút người nghe.

- Năng lực tự học: lập dàn ý cho bài nói, tự luyện nói theo dàn ý.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: rèn luyện thói quen đọc sách, hình thành thói quen chia sẻ, giới thiệu sách bổ ích với bạn bè, người thân.

- Nhân ái: yêu quý, trân trọng sách; bồi đắp tình yêu, niềm đam mê với văn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Phiếu học tập
- Giấy ghi chú

2. Học sinh:

- HS chuẩn bị trước ở nhà 1 cuốn sách mình yêu thích hoặc hình ảnh về cuốn sách mình yêu thích

- Bảng con

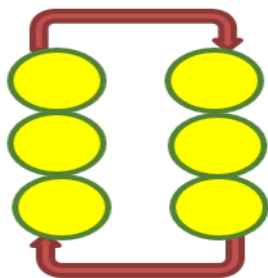
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút) * Mục tiêu: - HS dựa vào những từ đã cho gọi được tên cuốn sách. - Tạo tâm thế, hứng thú học tập. - Dẫn dắt, kết nối vào bài mới. * PP, KTDH: Trò chơi học tập * Cách thực hiện:	
*Bước 1: GV giới thiệu trò chơi - GV giới thiệu trò chơi: Thế giới văn học * Bước 2: Hướng dẫn chơi	

- GV sẽ chọn 5 từ khóa tiêu biểu, liên quan đến tác phẩm (có thể là nhân vật, bối cảnh, hành động...). - Trong thời gian 30 giây HS sẽ ghi tên tác phẩm vào bảng con hết thời gian HS sẽ đồng loạt giơ bảng. HS nào đoán đúng tên tác phẩm sẽ ghi điểm * Bước 3: Thực hiện trò chơi - GV nêu các từ khóa 1) phép thuật – đũa thần – phù thủy – học viện – nước Anh. 2) ký – thế giới loài vật – phiêu lưu – bài học – Tô Hoài. 3) Ông Bụt – quả thị – chim vàng anh – cá bóng – trầy hoi. 4) Hoàng hậu – mẹ phù thủy – gương thần – thuốc độc – truyện cổ Grimm. * Bước 4: Tổng kết, đánh giá - GV nhận xét, tuyên dương phần chơi của cả lớp. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS nghe luật chơi - HS tham gia trò chơi 1) Harry Potter (J.K. Rowling) 2) Dế Mèn phiêu lưu ký (Tô Hoài) 3) Tấm Cám (Cổ tích Việt Nam) 4) Nàng Bạch Tuyết và 7 chú lùn (Truyện cổ Grimm) - HS lắng nghe
Hoạt động 2: Chuẩn bị (5 phút) * Mục tiêu: HS giới thiệu được cuốn sách yêu thích (tên sách, tên tác giả, nội dung chính hoặc điểm nổi bật của sách, lí do yêu thích cuốn sách đó...). * PP, KTDH: 5W1H * Cách thực hiện:	
- GV mời HS đọc yêu cầu của bài - GV tổ chức cho HS giới thiệu “Cuốn sách tôi yêu” + Cách tổ chức: + Mỗi HS sẽ chuẩn bị 1 cuốn sách mà mình	- HS đọc yêu cầu: Giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích. - HS làm phiếu học tập

thức + Mỗi HS sẽ thực hiện yêu cầu trong phiếu học tập (5W1H) trong thời gian 5 phút  - GV quan sát và hỗ trợ HS gặp khó khăn	
Hoạt động 3: Trình bày, đánh giá (20 phút) * Mục tiêu: - HS giới thiệu được cuốn sách mà mình yêu thích - Lắng nghe, ghi chép, phản hồi và góp ý về bài giới thiệu của bạn. Đặt được một số câu hỏi để tìm hiểu rõ hơn về nội dung của cuốn sách đó. * PP, KTDH: Vòng bi; Trực quan * Cách thực hiện:	
3.1. Trình bày (15 phút) - GV yêu cầu HS: + Giới thiệu về cuốn sách em yêu thích theo nội dung đã chuẩn bị. - GV sử dụng kỹ thuật vòng bi và hướng dẫn học sinh chia sẻ với bạn đối diện thảo luận cặp	- HS lắng nghe

trong nhóm theo sơ đồ sau:



- GV quan sát, trợ giúp HS.

- GV gọi HS đại diện 1 - 2 nhóm trình bày trước lớp kết hợp cầm cuốn sách được giới thiệu.

+ GV yêu cầu các thành viên khác trong lớp nghe phần trình bày của bạn

- GV yêu cầu HS hãy đặt câu hỏi về cuốn sách mà bạn đã giới thiệu (Nếu có).

3.2. Đánh giá

- Tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí	Mức độ	
	Đạt	Cần cố gắng
Nội dung bài nói	Trình bày đầy đủ, rõ ràng: tên sách, tác giả, nội dung chính, lý do yêu thích.	Nội dung chưa rõ ràng, thiếu nhiều thông tin.
Cách trình bày (ngôn ngữ, giọng điệu)	Nói mạch lạc, tự nhiên, có cảm xúc; sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp.	Ngập ngừng, diễn đạt khó hiểu, thiếu cảm xúc.
Kỹ năng nghe và tương tác	Lắng nghe bạn, phản hồi hoặc đặt câu hỏi phù hợp.	Không chú ý nghe, không có phản hồi.
Thái độ khi nói	Tự tin, mạnh dạn, hứng thú.	Ngại nói, chưa thể hiện sự hứng thú.

- Dựa vào tiêu chí đánh giá GV mời HS tự đánh giá và đánh giá bạn.

- GV mời HS đặt một số câu hỏi để tìm hiểu rõ

- HS thực hành trình bày theo cặp.

+ Vòng 1: HS chia sẻ với bạn đối diện

+ Vòng 2: HS di chuyển theo hướng dẫn của GV để tạo cặp mới, tiếp tục chia sẻ.

- HS trình bày trước lớp về cuốn sách em yêu thích

+ Các thành viên khác trong lớp nghe phần trình bày của bạn

- HS lắng nghe và trả lời câu hỏi của bạn.

- HS tự nhận xét/ nhận xét và góp ý phần trình bày của bạn.

- HS đặt câu hỏi

hơn về nội dung của cuốn sách đó - GV nhận xét, tuyên dương và rút kinh nghiệm	- HS lắng nghe
Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút) * Mục tiêu: - củng cố nội dung bài học thông qua chia sẻ. - Vận dụng khả năng nói, lắng nghe và hợp tác trong thực tế. - Hình thành thói quen giới thiệu sách bổ ích và mượn đọc sách từ bạn bè. * PP, KTDH: Kỹ thuật “Trình bày nội dung 1 phút”; Trực quan * Cách thực hiện:	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ về cuốn sách mình yêu thích * Bước 1: Cách thực hiện - GV sẽ phát cho mỗi học sinh viết vào một tờ giấy ghi chú Mỗi HS sẽ viết : + Tên cuốn sách mà mình yêu thích + Một điều thú vị nhất từ cuốn sách + Tên mình (người chia sẻ) * Bước 2: Tiến hành hoạt động - GV tổ chức cho HS viết (2 phút) * Bước 3: Chia sẻ - GV yêu cầu HS gắn lên góc đọc sách tạo thành một “Góc chia sẻ sách hay”. - GV mời 2–3 HS đọc lại tấm thẻ của bạn và chia sẻ xem các em có muốn đọc cuốn sách đó không, vì sao? - GV yêu cầu HS về nhà tìm hiểu và chia sẻ với người thân những cuốn sách mà bản thân đã được giới thiệu thông qua bốc thăm - GV nhận xét tiết học và dặn dò	- HS lắng nghe - HS viết - 2 – 3 HS đọc và nêu cảm nhận - HS ghi nhớ và lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:

.....

.....

2) Nói và nghe: Di tích lịch sử

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, tập 2)

Tuần 31 – Bài 24

Tiết 4

Nói và nghe: Di tích lịch sử

NÓI VÀ NGHE

DI TÍCH LỊCH SỬ

Yêu cầu: Giới thiệu một di tích lịch sử mà em biết.

1. Chuẩn bị.

- Lựa chọn một di tích lịch sử để giới thiệu. Ví dụ:
 - Thành Cổ Loa (Hà Nội)
 - Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)
 - Quần thể di tích Cố đô Huế
 - Bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh)



Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội) Bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh) Quần thể di tích Cố đô Huế

- Tìm đọc tư liệu về di tích lịch sử đã chọn để giới thiệu.
- Chuẩn bị nội dung cho bài giới thiệu.

119

G:

- Di tích lịch sử em chọn giới thiệu tên là gì, ở đâu?
- Di tích đó được xây dựng khi nào?
- Cảnh quan của di tích đó có gì đặc biệt?
- Các công trình ở đó gắn với sự kiện lịch sử, văn hoá nào?
- Chuẩn bị tranh ảnh hoặc các phương tiện khác để trình bày.

2. Trình bày.

Ví dụ: Văn Miếu – Quốc Tử Giám (Hà Nội)

(1) Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở đâu?

(2) Văn Miếu – Quốc Tử Giám được xây dựng khi nào?

(4) Vì sao Văn Miếu – Quốc Tử Giám được coi là trường đại học đầu tiên của Việt Nam?

(3) Kể tên một số công trình ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

3. Trao đổi, góp ý.

Người nói

- Giới thiệu được đầy đủ và rõ ràng về di tích đã chọn không?
- Trả lời câu hỏi của người nghe có thuyết phục không?
- Giọng nói, điệu bộ, cử chỉ có phù hợp không?

Người nghe

- Có chăm chú lắng nghe người trình bày không?
- Có tích cực đặt câu hỏi để hiểu rõ về di tích không?
- Có thái độ lịch sự khi trao đổi không?



Sưu tầm tranh ảnh về những cảnh đẹp hoặc di tích lịch sử của đất nước và chia sẻ với người thân, bạn bè.

120

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Giới thiệu di tích lịch sử (vị trí, đặc điểm, ý nghĩa lịch sử...).
- Trình bày nội dung một cách rõ ràng, mạch lạc, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đối tượng người nghe.
- Ghi chép thông tin chính; trao đổi, góp ý với bạn về nội dung bài nói.

2. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: mạnh dạn, tự tin khi nói; chú ý, phản hồi tích cực khi nghe.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn, sắp xếp thông tin một cách khoa học, hợp lý; kết hợp sử dụng hình ảnh minh họa để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn cho bài nói.

- Năng lực tự học: chủ động tìm đọc tư liệu, chuẩn bị nội dung cho bài giới thiệu.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: trân trọng, tự hào về các di tích lịch sử của quê hương, đất nước.

- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn, bảo vệ các di tích lịch sử và văn hoá của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Hình ảnh, video giới thiệu về một số di tích lịch sử.
- Phiếu câu hỏi gợi ý.
- Video video 3D giới thiệu về khu di tích lịch sử

2. Học sinh:

- Tìm đọc tư liệu, sưu tầm/vẽ tranh về di tích lịch sử chọn để giới thiệu; chuẩn bị nội dung, phương tiện cho bài nói (làm trước ở nhà, dựa theo câu hỏi gợi ý trong SHS tr.119-120).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Hoạt động 1: Khởi động (5 phút) * Mục tiêu: - Nêu được tên các di tích lịch sử dựa vào hình ảnh. - Tạo tâm thế, hứng thú học tập. - Dẫn dắt, kết nối vào bài mới. * PP, KTDH: Trò chơi học tập.	
* Cách thực hiện: - GV giới thiệu trò chơi “Ai nhanh ai đúng?” + Cách chơi: chia lớp thành 3 đội chơi (tương ứng với 3 dãy lớp học). Đại diện các đội chơi rung chuông giành quyền trả lời câu hỏi mà GV đưa ra.	
	- HS lắng nghe

+ Luật chơi: thời gian suy nghĩ, trả lời mỗi câu hỏi là 10 giây; đội nào trả lời nhanh và có nhiều đáp án chính xác sẽ chiến thắng.



1



4



2



5



3



6

- Tổ chức cho HS thực hiện trò chơi: GV chiếu lần lượt từng hình ảnh; HS nói tên di tích lịch sử tương ứng với hình ảnh đó.

- GV và cả lớp nhận xét, bình chọn đội thắng

- HS tham gia trò chơi đoán các di tích lịch sử:

1. Cổ đô Hoa Lư
2. Nhà thờ đá Phát Diệm
3. Nhà tù Côn Đảo
4. Đền Thái Vi
5. Dinh độc lập
6. Đền Hùng

- Cả lớp nhận xét, bình

cuộc. - GV dẫn dắt vào bài mới.	chọn đội thắng cuộc. - HS lắng nghe				
Hoạt động 2: Trình bày (20 phút) * Mục tiêu: - Giới thiệu di tích lịch sử theo dàn ý đã chuẩn bị. - Ghi chép nội dung chính khi bạn trình bày; đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về di tích. * PP, KTDH: - Thảo luận nhóm - Thực hành - Đóng vai. * Cách thực hiện:					
*Bước 1. Thảo luận nhóm - GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm (4-6 HS/nhóm); HS lắng nghe và nhận xét, góp ý cho nhau. - GV quan sát, hỗ trợ HS. *Bước 2. Trình bày trước lớp - GV nêu tình huống: Giả sử sắp tới, nhà trường tổ chức hoạt động trải nghiệm “Hướng dẫn viên du lịch tương lai”. Hãy đóng vai một hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu cho du khách về một di tích lịch sử mà em biết. - Yêu cầu: <table border="1" data-bbox="268 1429 1002 1816"> <thead> <tr> <th data-bbox="276 1440 619 1525">  NGƯỜI NÓI </th><th data-bbox="619 1440 994 1525"> NGƯỜI NGHE  </th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="276 1525 619 1805"> - Tốc độ, âm lượng phù hợp; trình bày rõ ràng, có cảm xúc; sử dụng cử chỉ, điệu bộ và phương tiện hỗ trợ để tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn. - Có lời mở đầu, kết thúc phù hợp. </td><td data-bbox="619 1525 994 1805"> - Chú ý lắng nghe; ghi chép những nội dung quan trọng. - Thái độ lịch sự khi nhận xét, trao đổi. - Tích cực đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về di tích lịch sử. </td></tr> </tbody> </table> - GV mời 3 – 5 HS đóng vai hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về di tích lịch sử.	 NGƯỜI NÓI	NGƯỜI NGHE 	- Tốc độ, âm lượng phù hợp; trình bày rõ ràng, có cảm xúc; sử dụng cử chỉ, điệu bộ và phương tiện hỗ trợ để tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn. - Có lời mở đầu, kết thúc phù hợp.	- Chú ý lắng nghe; ghi chép những nội dung quan trọng. - Thái độ lịch sự khi nhận xét, trao đổi. - Tích cực đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về di tích lịch sử.	- HS thảo luận nhóm theo hướng dẫn của GV - HS lắng nghe - 3 – 5 HS đóng vai
 NGƯỜI NÓI	NGƯỜI NGHE 				
- Tốc độ, âm lượng phù hợp; trình bày rõ ràng, có cảm xúc; sử dụng cử chỉ, điệu bộ và phương tiện hỗ trợ để tăng tính hấp dẫn, lôi cuốn. - Có lời mở đầu, kết thúc phù hợp.	- Chú ý lắng nghe; ghi chép những nội dung quan trọng. - Thái độ lịch sự khi nhận xét, trao đổi. - Tích cực đặt câu hỏi để hiểu rõ hơn về di tích lịch sử.				
Hoạt động 3: Trao đổi, góp ý (5 phút) * Mục tiêu:					

- Trình bày ý kiến nhận xét, góp ý phù hợp, hiệu quả (đối với người giới thiệu và người nghe). * PP, KTDH: Kỹ thuật “Hỏi và trả lời” * Cách thực hiện:	
- GV hướng dẫn HS cho hoạt động giới thiệu về một di tích lịch sử. - GV phát phiếu câu hỏi gợi ý để HS trao đổi, góp ý:	- HS lắng nghe, đánh giá và góp ý cho bạn - HS đặt câu hỏi cho hướng dẫn viên
	
- GV và cả lớp bình chọn người giới thiệu hay nhất.	- Cả lớp bình chọn người giới thiệu hay nhất.
Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút) * Mục tiêu: - HS được hiểu biết thêm về di tích lịch sử của Việt Nam qua việc ứng dụng video 3D. - HS chia sẻ được những điều đã học * PP, KTDH: Trực quan * Cách thực hiện:	
- GV tổ chức cho HS xem video 3D giới thiệu về khu di tích lịch sử Pác Bó (https://pacbo.hochiminh.vn/) - Gọi HS chia sẻ cảm nhận của bản thân sau khi xem.	- HS quan sát, lắng nghe - HS lắng nghe và chia sẻ

- GV nhận xét tiết học và dặn dò: Suu tầm tranh ảnh về những cảnh đẹp hoặc di tích lịch sử của đất nước và chia sẻ với người thân, bạn bè.	- HS ghi nhớ và thực hiện
--	---------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

2.3. Một số lưu ý khi sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5

PPDH tích cực đã được chứng minh là mang lại nhiều lợi ích cho HS tiểu học, đặc biệt là trong dạy học Tiếng Việt lớp 5. Khi áp dụng phương pháp này, HS không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phát triển được tư duy sáng tạo, kĩ năng giao tiếp và khả năng làm việc nhóm. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả cao nhất, GV cần lưu ý một số điểm quan trọng trong quá trình giảng dạy. Những lưu ý này giúp GV sử dụng PPDH tích cực một cách phù hợp, tránh những khó khăn hoặc hạn chế có thể gặp phải trong thực tế giảng dạy.

2.3.1. Lựa chọn phương pháp phù hợp với nội dung bài học

Không phải PPDH tích cực nào cũng có thể áp dụng cho mọi nội dung trong chương trình Tiếng Việt lớp 5. Mỗi bài học có đặc điểm riêng, đòi hỏi GV phải cân nhắc lựa chọn phương pháp sao cho phù hợp để giúp học sinh tiếp thu kiến thức tốt nhất. Cụ thể:

- Đối với bài tập đọc, GV có thể áp dụng phương pháp đọc diễn cảm, đóng vai, hoặc thảo luận nhóm. Điều này giúp học sinh hiểu rõ nội dung bài đọc, biết cách thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của mình về tác phẩm.

- Đối với bài luyện từ và câu, GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi ngôn ngữ, học theo nhóm nhỏ, hoặc ứng dụng thực hành để giúp học sinh ghi nhớ kiến thức về từ loại, câu, dấu câu một cách tự nhiên, dễ hiểu.

- Đối với bài tập làm văn, GV có thể hướng dẫn học sinh xây dựng sơ đồ tư duy, làm việc theo cặp đôi, hoặc viết sáng tạo theo chủ đề để giúp học sinh phát triển ý tưởng, biết cách tổ chức bài viết và nâng cao kĩ năng diễn đạt.

Nếu GV áp dụng phương pháp không phù hợp, học sinh có thể gặp khó khăn trong việc tiếp thu bài học, dẫn đến chán nản, không hứng thú với môn

học. Vì vậy, việc lựa chọn phương pháp giảng dạy cần được cân nhắc kỹ lưỡng để đảm bảo hiệu quả tốt nhất.

2.3.2. Đảm bảo sự cân bằng giữa hướng dẫn của giáo viên và hoạt động của học sinh

Dạy học tích cực không có nghĩa là GV chỉ quan sát và để học sinh tự học mà không có sự hướng dẫn. Thực tế, học sinh lớp 5 vẫn cần sự chỉ dẫn, hỗ trợ từ GV để hiểu bài và thực hiện các nhiệm vụ học tập một cách hiệu quả.

GV cần biết cách cân bằng giữa giảng giải và tổ chức hoạt động cho học sinh. Nếu GV giải thích quá nhiều mà không để học sinh thực hành, bài học sẽ trở nên nhàm chán và học sinh không có cơ hội rèn luyện tư duy. Ngược lại, nếu GV để học sinh tự khám phá mà không có sự hướng dẫn cụ thể, các em có thể bị lúng túng, không hiểu rõ nội dung bài học. Ví dụ, trong một bài tập đọc, GV không nên chỉ yêu cầu học sinh tự đọc rồi thảo luận mà cần hướng dẫn cách đọc diễn cảm, đặt câu hỏi gợi mở để học sinh suy nghĩ, sau đó mới tổ chức các hoạt động thảo luận, trình bày cảm nhận.

Do đó, GV cần giữ vai trò người dẫn dắt, hỗ trợ, tạo điều kiện để học sinh chủ động học tập nhưng vẫn đảm bảo học sinh đi đúng hướng, hiểu bài sâu hơn.

2.3.3. Quản lý thời gian hợp lý trong mỗi hoạt động học tập

PPDH tích cực thường bao gồm nhiều hoạt động đa dạng như thảo luận nhóm, đóng vai, trình bày ý tưởng... Vì vậy, việc quản lý thời gian hợp lý trong từng hoạt động là yếu tố quan trọng giúp tiết học diễn ra trôi chảy, hiệu quả.

- GV cần xác định rõ thời gian cho từng hoạt động, tránh tình trạng một hoạt động kéo dài quá lâu làm ảnh hưởng đến nội dung tiếp theo.

- Đặt giới hạn thời gian cụ thể cho từng phần, đặc biệt là các hoạt động nhóm, để học sinh không bị sa đà vào những nội dung ngoài lề.

- Có kế hoạch dự phòng để điều chỉnh thời gian linh hoạt nếu học sinh gặp khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2.3.4. Tạo môi trường học tập tích cực, thân thiện

Một môi trường học tập thoải mái, thân thiện sẽ giúp học sinh tự tin thể hiện suy nghĩ, mạnh dạn phát biểu và tích cực tham gia vào bài học.

Giáo viên cần:

- Khuyến khích học sinh phát biểu, ngay cả khi câu trả lời chưa chính xác, để các em không sợ sai và sẵn sàng học hỏi từ lỗi sai của mình.

- Tạo văn hóa lớp học tôn trọng lẫn nhau, để học sinh biết lắng nghe ý kiến của bạn bè, không chê bai, chế giễu.

- Bố trí chỗ ngồi linh hoạt, có thể thay đổi vị trí để phù hợp với các hoạt động nhóm, giúp học sinh tương tác tốt hơn.

Khi học sinh cảm thấy an toàn và được khuyến khích, các em sẽ hứng thú với việc học hơn, từ đó nâng cao hiệu quả tiếp thu kiến thức.

2.3.5. Đánh giá học sinh theo nhiều hình thức khác nhau

Việc đánh giá trong dạy học tích cực không chỉ dựa vào điểm số mà cần kết hợp nhiều phương pháp để phản ánh chính xác sự tiến bộ của học sinh.

- Đánh giá quá trình học tập: Quan sát mức độ tham gia của học sinh trong các hoạt động, cách các em làm việc nhóm, thái độ học tập.

- Đánh giá qua sản phẩm học tập: Nhìn vào bài viết, bài thuyết trình, tranh minh họa, sơ đồ tư duy của học sinh để đánh giá mức độ hiểu bài.

- Đánh giá đồng đẳng: Học sinh tự nhận xét hoặc đánh giá lẫn nhau, giúp các em học hỏi từ bạn bè và điều chỉnh cách học của mình.

Kết hợp nhiều hình thức đánh giá giúp GV có cái nhìn toàn diện hơn về sự tiến bộ của học sinh, đồng thời tạo động lực để các em cố gắng hơn trong học tập.

2.3.6. Điều chỉnh phương pháp dạy học dựa trên phản hồi từ học sinh

Trong quá trình giảng dạy, GV cần thường xuyên lắng nghe phản hồi từ học sinh để điều chỉnh PPDH phù hợp.

- Nếu học sinh tích cực tham gia, hứng thú với bài học, điều đó cho thấy phương pháp giảng dạy đang phát huy hiệu quả.

- Nếu học sinh cảm thấy khó hiểu, không tập trung, GV cần xem xét lại cách tổ chức hoạt động để có sự thay đổi phù hợp.

Việc lắng nghe phản hồi từ học sinh giúp GV cải thiện phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng học tập cho học sinh.

Kết luận chương 2

Chương 2 của khóa luận nghiên cứu việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5. Trước hết, việc xác định một số nguyên tắc cơ bản khi áp dụng PPDH tích cực giúp GV có định hướng rõ ràng trong tổ chức hoạt động dạy học.

Tác giả khóa luận đã thiết kế một số kế hoạch bài dạy có sử dụng PPDH tích cực. Từ đó, chúng tôi nhận thấy việc áp dụng các PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5 là hoàn toàn khả thi, góp phần phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh.

Đồng thời, chương 2 cũng đưa ra một số lưu ý quan trọng khi sử dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5. Những lưu ý này giúp GV vận dụng PPDH tích cực một cách hiệu quả, phù hợp với đối tượng học sinh.

Chương 3 THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

3.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tổ chức nhằm:

- Hiện thực hóa và kiểm tra tính đúng đắn của giả thuyết khoa học mà khóa luận đã đề ra.
- Đánh giá hiệu quả của các kế hoạch bài dạy đã thiết kế trong Chương 2.
- Rút ra bài học thực tiễn cho việc tổ chức dạy học ở tiểu học.

3.2. Kế hoạch thực nghiệm

3.2.1. Địa điểm thực nghiệm

- Trường Tiểu học Ninh Vân - Thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
- Trường Tiểu học Đông Thành - Thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

3.2.2. Đối tượng thực nghiệm

Để kết quả thực nghiệm mang tính khách quan, chúng tôi lựa chọn các lớp thực nghiệm theo nguyên tắc: các lớp học sinh được chọn thực nghiệm và lớp đối chứng tương đương nhau về số lượng, về học lực.

Mặt khác, do phạm vi của đề tài và thời gian có hạn nên chúng tôi chỉ tiến hành thực nghiệm trên 151 HS ở bốn lớp khối 5 của 2 trường tiểu học. Cụ thể:

- Trường Tiểu học Ninh Vân - Thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

STT	Lớp	Số HS	Ghi chú
1	5B	36	
2	5E	36	
Tổng	72		

- Trường Tiểu học Đông Thành - Thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

STT	Lớp	Số HS	Ghi chú
1	5A	39	
2	5D	40	
Tổng	79		

3.2.3. Phương pháp đánh giá

So sánh kết quả trước và sau thực nghiệm thông qua quan sát sư phạm, bài làm kiểm tra của HS.

3.3. Nội dung thực nghiệm

Vì điều kiện thời gian không cho phép nên chúng tôi không thể triển khai thực nghiệm toàn bộ các kế hoạch bài dạy đã thiết kế và xây dựng trong Chương 2. Do đó, khóa luận lựa chọn bài Đọc: *Đường quê Đồng Tháp Mười* để dạy thực nghiệm.

3.4. Tổ chức thực nghiệm

Chúng tôi đã xây dựng kế hoạch và tiến hành thực nghiệm cụ thể như sau:

S T T	Thời gian	Nội dung thực nghiệm	Địa điểm				Ghi chú
			Lớp thực nghiệm	Trường	Lớp đối chứng	Trường	
1	Sáng Thứ 5 – 13/3/2025	Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười (Tiết 1)	5E	Trường Tiểu học Ninh Vân	5B	Trường Tiểu học Ninh Vân	
2	Sáng Thứ 2 – 17/3/2025	Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười (Tiết 1)	5A	Trường Tiểu học Đông Thành	5D	Trường Tiểu học Đông Thành	

Chúng tôi tổ chức thực nghiệm như sau:

- Lớp thực nghiệm: Học theo Kế hoạch bài dạy có vận dụng PPDH tích cực do tác giả khóa luận thiết kế.

- Lớp đối chứng: Học theo PPDH truyền thống (Phụ lục 2).

+ Tiến trình tổ chức:

Bước 1: Dạy thử, điều chỉnh giáo án.

Bước 2: Tổ chức dạy thực nghiệm theo đúng tiến độ chương trình.

Bước 3: Quan sát, ghi chép quá trình HS tham gia hoạt động.

Bước 4: Thực hiện đánh giá sau mỗi tiết và tổng kết sau toàn bộ quá trình thực nghiệm.

3.5. Kết quả thực nghiệm

3.5.1. Về năng lực

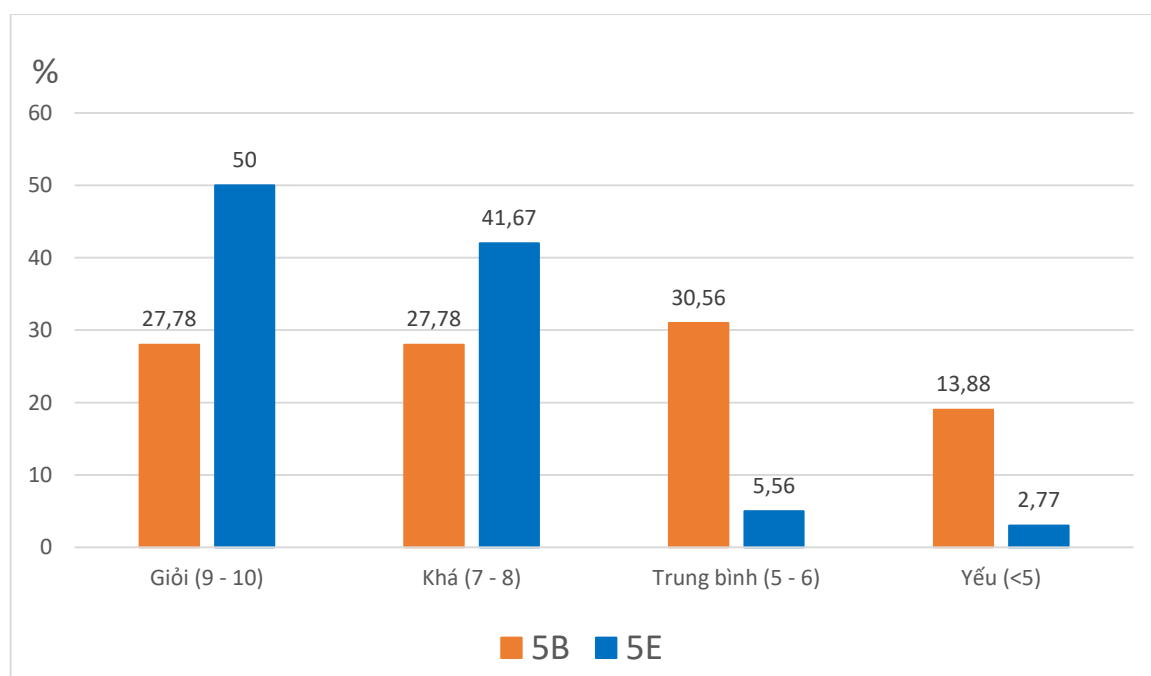
Để đánh giá được kiến thức HS đạt được sau khi tiến hành thực nghiệm, chúng tôi đặt ra các câu hỏi với các mức độ khác nhau được trình bày cụ thể

trong Bài kiểm tra sau thực nghiệm (Phụ lục 1). Sau đó, chúng tôi tiến hành chấm, phân tích và chia thành 4 mức điểm: Giỏi (9-10 điểm), Khá (7-8 điểm), Trung bình (5-6 điểm) và Yếu (dưới 5 điểm). Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 3. Kết quả bài kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng
Trường Tiểu học Ninh Vân

Tên bài	Mức điểm	Lớp 5B (Lớp đối chứng)		Lớp 5E (Lớp thực nghiệm)	
		SL	%	SL	%
Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười (Tiết 1)	Giỏi (9-10)	10	27,78	18	50
	Khá (7-8)	10	27,78	15	41,67
	Trung bình (5-6)	11	30,56	2	5,56
	Yếu (<5)	5	13,88	1	2,77
Tổng		36	100	36	100

Hình 3.1. Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra kiến thức của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng – Trường Tiểu học Ninh Vân



Qua bảng số liệu và biểu đồ trên cho thấy kết quả học tập mà các em HS lớp thực nghiệm (5E) và lớp đối chứng (5B) có sự chênh lệch khá lớn. Một số em chưa hoàn thành thường là những em không chú ý trong giờ học, thiếu tập trung và rơi vào lớp đối chứng là chủ yếu. Tỷ lệ HS đạt mức Giỏi và Khá ở lớp thực nghiệm lần lượt là 50% và 41,67% tương đương với 18 HS đạt điểm Giỏi (9 – 10 điểm) và 15 HS đạt điểm Khá (7 – 8 điểm) nhiều hơn lớp đối chứng lần lượt là 27,78% và 27,78% tương đương với 10 HS đạt điểm Giỏi (9 – 10 điểm) và 10 HS đạt điểm Khá (7 – 8 điểm). Sự chênh lệch này đã phản ánh được khả năng nắm bắt và vận dụng kiến thức của lớp thực nghiệm tốt hơn, qua đó chứng minh được rằng PPDH tích cực được áp dụng ở lớp 5E đã giúp HS tiếp cận kiến thức sâu sắc và chủ động hơn. Trong khi đó, tỷ lệ HS đạt mức Trung bình là 30,56% (11 HS) và Yếu là 13,88% (5 HS) ở lớp đối chứng lại nhiều hơn còn lớp 5E chỉ đạt lần lượt là 5,56% (2 HS) và 2,77% (1 HS). Nhìn vào số liệu phân tích trong bảng và sơ đồ trên, ta thấy được kết quả kiểm tra kiến thức mà HS đạt được giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng có sự chênh lệch tương đối lớn mặc dù phần lớn HS lớp đối chứng vẫn hoàn thành bài kiểm tra ở mức khá, song khả năng đạt mức điểm cao lại chưa nhiều. Điều đó cho thấy sau khi học xong tiết học, các em đã ghi nhớ được kiến thức của bài học và ở cả hai lớp đều đảm bảo được mục tiêu cơ bản của bài học.

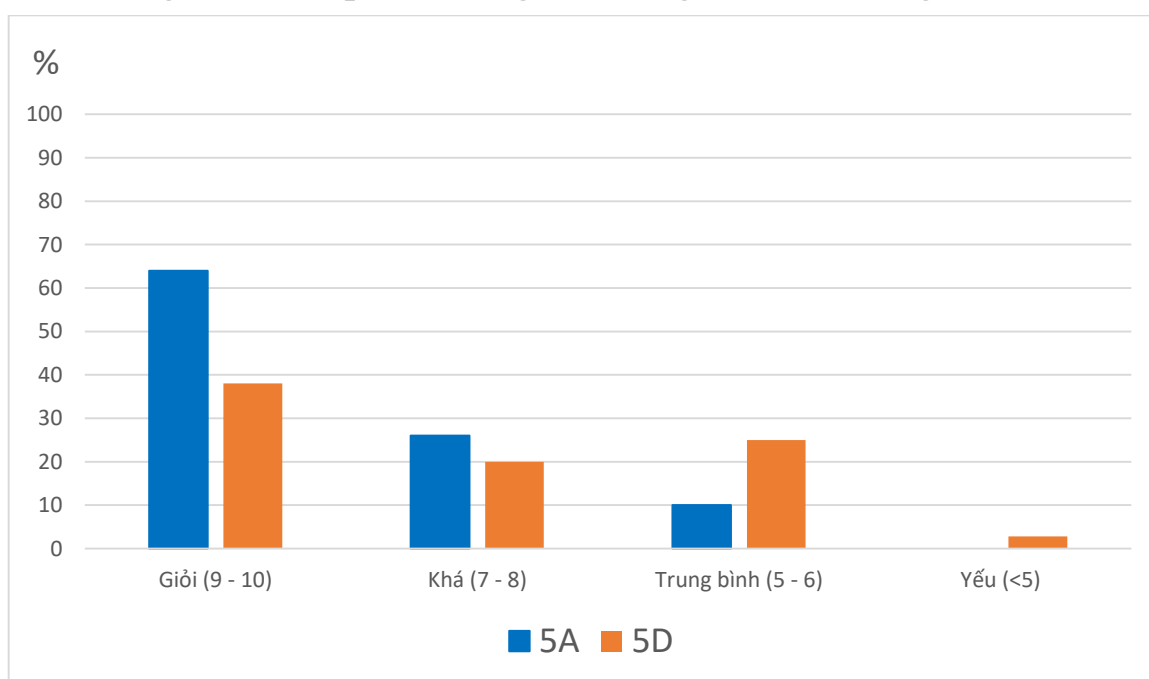
Để tiếp tục đánh giá hiệu quả của việc vận dụng PPDH tích cực, chúng tôi đã tổ chức kiểm tra bài Đọc: *Đường quê Đồng Tháp Mười* để dạy thực nghiệm ở hai lớp 5 gồm một lớp thực nghiệm và một lớp đối chứng của Trường Tiểu học Đông Thành – TP Hoa Lư, tỉnh Ninh Ninh. Kết quả bài kiểm tra được tổng hợp và trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3.2. Kết quả bài kiểm tra của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng Trường Tiểu học Đông Thành

Tên bài	Mức điểm	Lớp 5A (Lớp thực nghiệm)		Lớp 5D (Lớp đối chứng)	
		SL	%	SL	%
Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười (Tiết 1)	Giỏi (9-10)	25	64.10	15	37,5

	Khá (7-8)	10	25,65	8	20
	Trung bình (5-6)	4	10,25	10	25
	Yếu (<5)	0	0	7	17,5
Tổng		39	100	40	100

Hình 3.3. Biểu đồ so sánh kết quả kiểm tra kiến thức của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng – Trường Tiểu học Đông Thành



Nhìn vào bảng số liệu và biểu đồ trên cho thấy kết quả học tập mà các em HS lớp thực nghiệm (5A) và lớp đối chứng (5D) có sự chênh lệch lớn. Những em chưa hoàn thành thường là những em không chú ý trong giờ học, thiếu tập trung và rơi vào lớp đối chứng là chủ yếu. Tỷ lệ HS đạt mức Giỏi và Khá ở lớp thực nghiệm lần lượt là 64,10% và 25,65% tương đương với 25 HS đạt điểm Giỏi (9 – 10 điểm) và 10 HS đạt điểm Khá (7 – 8 điểm) nhiều hơn lớp đối chứng lần lượt là 37,5% và 20% tương đương với 15 HS đạt điểm Giỏi (9 – 10 điểm) và 8 HS đạt điểm Khá (7 – 8 điểm). Sự chênh lệch này đã phản ánh được khả năng nắm bắt và vận dụng kiến thức của lớp thực nghiệm tốt hơn, qua đó chứng minh được rằng PPDH tích cực được áp dụng ở lớp 5A đã giúp HS tiếp

cận kiến thức sâu sắc và chủ động hơn. Trong khi đó, ở lớp thực nghiệm không có HS đạt mức Yếu và số HS đạt mức Trung Bình của lớp 5A là 10,25% (4 HS) ngược lại tỷ lệ HS đạt mức Trung bình là 25% (10 HS) và Yếu là 17,5% (7 HS) ở lớp đối chứng lại nhiều hơn so với lớp thực nghiệm. Qua số liệu phân tích trong bảng và sơ đồ trên, ta thấy được kết quả kiểm tra kiến thức mà HS đạt được giữa lớp thực nghiệm và lớp đối chứng có sự chênh lệch lớn mặc dù phần lớn HS lớp đối chứng vẫn hoàn thành bài kiểm tra ở mức khá, song khả năng đạt mức điểm cao lại chưa nhiều. Điều đó cho thấy sau khi học xong tiết học, các em chỉ dừng lại ở mức ghi nhớ được kiến thức của bài học và ở cả hai lớp đều đảm bảo được mục tiêu cơ bản của bài học.

3.5.2. Về phẩm chất

Để đánh giá toàn diện hơn hiệu quả của việc vận dụng PPDH tích cực trong môn Tiếng Việt lớp 5, chúng tôi đã tiến hành quan sát sự phạm về thái độ học tập và kỹ năng của HS kết hợp với vấn đáp trực tiếp đối với các em HS sau các tiết học có vận dụng PPDH tích cực cùng với kết quả học tập thực tế của các lớp. Kết quả như sau:

- Học sinh:

+ Lớp thực nghiệm: Với tiết học ở các lớp thực nghiệm các em HS cảm thấy hứng thú, vui vẻ, hấp dẫn, tiết học không còn quá căng thẳng và áp lực nhiều các em cũng trở nên tự tin và mạnh dạn phát biểu, làm việc nhóm,...

+ Lớp đối chứng: Hầu hết sau các tiết học HS đều cảm thấy giờ học có phần tẻ nhạt, không hấp dẫn. Các em chưa có sự chủ động và sự sáng tạo trong tiết học.

- Giáo viên: Dễ dàng quan sát được tiến độ và sự tiến bộ của học sinh; linh hoạt trong tổ chức lớp học.

3.6. Đánh giá và kết luận

Qua việc dạy thực nghiệm ở bốn lớp 5 của hai trường tiểu học và nhìn vào bảng phân tích số liệu cho thấy kết quả kiểm tra kiến thức của HS sau khi học xong có sự chênh lệch lớn. Đa số HS ở các lớp thực nghiệm đều đạt được kết quả tốt hơn so với lớp đối chứng. Tuy nhiên vẫn còn một số ít HS ở các lớp thực nghiệm còn chưa tập trung vào tiết học dẫn đến trả lời sai và chưa nắm được kiến thức bài học cũng như chưa đạt được những năng lực cần thiết sau bài học.

Ngoài ra khi tham gia dạy và dự giờ một số tiết học ở các lớp đối chứng và các lớp thực nghiệm có áp dụng PPDH tích cực trong bài dạy chúng tôi thấy rằng các em HS ở lớp thực nghiệm, đều rất hào hứng, tập trung và các em luôn tham gia tiết học bằng thái độ tích cực, hợp tác trong mọi hoạt động với GV. Sự hứng thú, vui vẻ được thể hiện rất rõ qua những tiếng cười, hành động vỗ tay cổ vũ, sự phát biểu hăng hái trong tiết học. Còn không khí lớp học cũng trở nên rất sôi nổi, vui nhộn còn các em HS ở lớp đối chứng thì gần như ngược lại, các em cảm thấy tiết học bình thường, không thấy có hứng thú,... và cũng chính vì vậy mà sự tích cực khi tham gia tiết học cũng không bằng các em HS ở lớp thực nghiệm.

Kết luận chương 3

Trong chương 3, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm sư phạm thông qua việc dạy thực nghiệm và dạy đối chứng ở hai lớp 5 ở trường Tiểu học Đông Thành và Tiểu học Ninh Vân – TP. Hoa Lư, Ninh Bình chúng tôi nhận thấy rằng việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5 đã đem lại hiệu quả giáo dục cao trong dạy học nói chung và trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 5 nói riêng. Tác dụng trong việc áp dụng PPDH tích cực đem lại có lợi cho cả người học và người dạy. HS thì chủ động tham gia vào các hoạt động nhóm, mạnh dạn phát biểu ý kiến và thể hiện sự yêu thích đối với môn Tiếng Việt, chất lượng học tập của HS được cải thiện, đặc biệt là trong các kỹ năng: đọc hiểu, viết đoạn văn, làm việc nhóm và trình bày trước tập thể. Các em cũng biết cách vận dụng kiến thức vào thực tế một cách linh hoạt hơn và có thái độ rất tích cực, hợp tác với GV trong tiết học và chủ động trong mọi hoạt động học tập. Còn GV thực hiện việc truyền tải, trao đổi kiến thức một cách nhẹ nhàng, dễ dàng hơn, dạy học trở nên sinh động và hiệu quả hơn nhờ việc ứng dụng các PPDH tích cực như Trò chơi học tập, Thảo luận nhóm, Dự án,... Thông qua những số liệu được phân tích cụ thể trong bảng số liệu trên ta có thể thấy rằng giữa những HS ở lớp thực nghiệm (có áp dụng PPDH tích cực) và những HS ở lớp đối chứng (không áp dụng PPDH tích cực) có sự khác biệt rõ rệt. Cụ thể kết quả kiểm tra kiến thức của các HS lớp thực nghiệm thì luôn tốt hơn.

Từ thực nghiệm, có thể khẳng định rằng: việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5 là hoàn toàn khả thi, mang lại hiệu quả thiết thực và nên được mở rộng áp dụng trong thực tiễn giảng dạy.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu và thực nghiệm, khóa luận đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc vận dụng PPDH tích cực trong dạy học Tiếng Việt lớp 5. Cụ thể:

Chương 1 đề tài đã làm rõ những vấn đề cơ bản liên quan đến PPDH tích cực như: khái niệm, đặc điểm, vai trò và nguyên tắc khi áp dụng. Đồng thời, đề tài cũng chỉ ra sự phù hợp giữa phương pháp này với nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp 5 và đặc điểm tâm lý, nhận thức của HS tiểu học – đặc biệt là HS lớp 5.

Chương 2 thông qua việc xây dựng các kế hoạch bài dạy vận dụng PPDH tích cực, khóa luận đã minh chứng được tính khả thi và hiệu quả thực tế của phương pháp này trong dạy học Tiếng Việt lớp 5. Các bài học được thiết kế không chỉ đảm bảo yêu cầu kiến thức, kỹ năng mà còn tạo điều kiện để HS phát triển năng lực tư duy, khả năng giao tiếp và tinh thần hợp tác.

Thông qua quá trình thực nghiệm sư phạm ở Chương 3 chương cuối cùng của đề tài và cũng là chương giúp đề tài khẳng định sự cần thiết, quan trọng và đúng đắn của vấn đề. Từ các kế hoạch dạy học được sử dụng PPDH tích cực, chúng tôi tiến hành thực nghiệm trên bốn lớp 5 của 2 trường là trường Tiểu học Đông Thành và Tiểu học Ninh Vân – TP. Hoa Lư, Ninh Bình. Trong đó có 2 tiết dạy thực nghiệm với kế hoạch dạy học có sử dụng PPDH tích cực và 2 lớp dạy đối chứng bằng kế hoạch dạy học dạy theo PPDH truyền thống. Từ bảng số liệu đã phân tích và qua thực tế giảng dạy kết hợp với dự giờ tại trường, lớp chúng tôi thấy việc sử dụng các PPDH tích cực trong dạy học nói chung và dạy học môn Tiếng Việt lớp 5 ở Tiểu học theo CT GDPT 2018 nói riêng là cần thiết và có vai trò vô cùng quan trọng trong việc dạy và học của cả GV và HS. Điều này đã khẳng định tính hiệu quả của việc vận dụng PPDH tích cực trong giảng dạy môn Tiếng Việt lớp 5.

2. Kiến nghị

Để PPDH tích cực được áp dụng rộng rãi và hiệu quả hơn trong dạy học Tiếng Việt lớp 5, khóa luận xin đề xuất một số kiến nghị như sau:

- Đối với GV tiểu học:

+ Cần thay đổi tư duy giảng dạy theo hướng lấy HS làm trung tâm, hạn chế lối dạy truyền thụ một chiều.

+ Tích cực học hỏi, trau dồi chuyên môn, tham khảo tài liệu, tham gia các buổi sinh hoạt chuyên đề để nâng cao kỹ năng vận dụng PPDH tích cực.

+ Khi vận dụng cần chú ý lựa chọn kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học, khả năng và hứng thú của HS, tránh hình thức hoặc máy móc.

- Đối với nhà trường:

+ Cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học như: bảng nhóm, phiếu học tập, tài liệu trực quan,... để GV tổ chức các hoạt động học tập tích cực.

+ Tổ chức các buổi tập huấn, chuyên đề đổi mới PPDH; khuyến khích, động viên GV thử nghiệm và chia sẻ những mô hình dạy học hiệu quả.

+ Có cơ chế đánh giá và ghi nhận đối với những GV đổi mới sáng tạo trong giảng dạy.

Những kết luận và kiến nghị trên là kết quả của quá trình điều tra và thực nghiệm của chúng tôi, nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục và học tập.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Dương Thị Ngọc Ánh (Chủ nhiệm) (2022), *Thiết kế một số kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học*, Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
2. Trần Thị Ngọc Ánh (2023), *Thiết kế hoạt động Khởi động trong dạy học môn Tiếng Việt lớp 3 theo định hướng phát triển năng lực học sinh*, Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ Văn*.
5. Nguyễn Lăng Bình (Chủ biên) (2021), *Dạy và học tích cực – Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Nguyễn Quốc Chí (2014), *Dạy học tích cực trong giáo dục tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Phạm Văn Hiền (2021), *Tác động của phương pháp dạy học tích cực đến sự phát triển năng lực ngôn ngữ của học sinh lớp 5*, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
8. Phó Đức Hoà (Biên soạn) (2011), *Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học*, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Hộ (2002), *Lí luận dạy học*, NXB Giáo dục.
10. Bùi Thị Hồng (Chủ nhiệm) (2021), *Phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy học phần “Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2” – Trường Đại học Hoa Lư*, Đại học Hoa Lư, Ninh Bình.
11. Bùi Mạnh Hùng (2024), *Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Tiếng Việt lớp 5, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
12. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt 5, tập một, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
13. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Sách giáo viên Tiếng Việt 5, tập hai, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
14. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Tiếng Việt 5, tập một, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

15. Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên) (2024), *Tiếng Việt 5, tập hai, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
16. Trần Thị Hiền Lương (2024), *Kế hoạch bài dạy môn Tiếng Việt lớp 5, tập một, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
17. Trần Thị Hiền Lương (2024), *Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập một, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
18. Trần Thị Hiền Lương (2024), *Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập hai, bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
19. Lê Phương Nga (2020), *Dạy học môn Tiếng Việt lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
20. Lê Phương Nga (Chủ biên) (2016), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học I*, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
21. Nguyễn Thanh Nga (Chủ biên) (2022), *Vận dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực ở trường Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
22. Đỗ Xuân Thảo, Nguyễn Hữu Hợp (2019), *Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học và dạy học phát triển năng lực học sinh tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
23. Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2023), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học*, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
24. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2023), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
25. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên) (2009), *Hỏi đáp về dạy học Tiếng Việt 5*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
26. Thành Yến (2022), *Từ điển Tiếng Việt (dành cho học sinh)*, Nxb Dân Trí, Hà Nội.

2/ Tiếng Anh

27. John Dewey (1916), *Dân chủ và Giáo dục*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
28. Jean Piaget (1952), *Sự ra đời trí khôn ở trẻ em*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
29. Lev Vygotsky (1978), *Tâm lý học nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

3/ Website

30. <https://congdoan.lamdong.edu.vn/vi/chi-tiet-tin-tuc/?param=32-ky-thuat-day-hoc-tich-cuc-hieu-qua-nhat-ma-giao-vien-thuong-xuyen-su-dung> ngày truy cập: ngày 20/12/2024.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

BÀI KIỂM TRA SAU THỰC NGHIỆM

(Dành cho học sinh lớp 5 sau khi học xong bài)

Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười

Tiết 1: Đọc: Đường quê Đồng Tháp Mười)

PHÒNG GD&ĐT THÀNH PHỐ HOA LƯU

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

BÀI KIỂM TRA 15 PHÚT

NĂM HỌC 2025 - 2026

MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

(Thời gian làm bài: 15 phút)

Họ và tên học sinh: - Lớp 5.....

<i>Điểm bài kiểm tra</i>	<i>Nhận xét của giáo viên chấm bài kiểm tra</i>
	

Câu 1. Đọc bài thơ *Đường quê Đồng Tháp Mười* (SGK Tiếng Việt 5 tập 2 – Kết nối tri thức với cuộc sống/Tr.66-67) em hãy chỉ ra một câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh và nêu tác dụng của biện pháp so sánh.

[illegible]

Câu 2. Trong bài thơ *Đường quê Đồng Tháp Mười* (SGK Tiếng Việt 5 tập 2 – Kết nối tri thức với cuộc sống/Tr.66-67) em thích nhất khổ thơ nào? Hãy viết đoạn văn ngắn (5 - 7 câu) nêu lý do vì sao em thích khổ thơ đó.

Bài làm

[illegible]

Phụ lục 2

TIẾNG VIỆT

ĐỌC: ĐƯỜNG QUÊ ĐỒNG THÁP MÙƠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm toàn bộ câu chuyện “Đường quê Đồng Tháp Mười”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm giác ngạc nhiên, thích thú trước không gian, nhịp sống có màu sắc riêng của vùng Đồng Tháp Mười.

- Đọc hiểu: Nhận biết được nghĩa của các từ có sức gợi tả, cảm nhận được hình ảnh gợi lên về đẹp riêng của cuộc sống và tâm hồn con người vùng Đồng Tháp Mười. Cuộc sống của họ gắn bó với sông nước, kênh rạch. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Cảnh đẹp Đồng Tháp Mười ẩn tượng với thiên nhiên, con người sôi động, náo nức xen lẫn những giản dị, chất phác và đầy yêu thương. Hiểu và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương.

- HS biết yêu quê hương, đất nước (Tích hợp GD Đạo đức – lối sống)

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nâng cao kỹ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong trả lời các câu hỏi và hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương thông qua những hoạt động cảnh vật ở đồng quê.

- Phẩm chất nhân ái: Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực hoạt động tập thể.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Ôn bài cũ.	
Cách tiến hành - GV hỏi HS: Nội dung bài Đoàn t'ưng- tiếng ca đại ngàn? - GV nhận xét.	- HS lắng nghe, trả lời. Người Tây Nguyên đã tạo ra vẻ đẹp riêng cho vùng đất Tây Nguyên từ bao đời nay. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc và sự trân trọng bàn tay, khối óc, tâm hồn con người bao đời đã tạo nên vẻ đẹp riêng cho mỗi vùng miền trên đất nước ta. - HS lắng nghe.
2. Khởi động - GV cho HS quan sát trang và lên chia sẻ những hiểu biết của mình về vùng đất Đồng Tháp Mười.  - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV nhắc HS và dẫn dắt vào bài mới.	- HS thảo luận nhóm, chia sẻ, nêu ý kiến Những điều em biết về vùng đất Đồng Tháp Mười: Đây là vùng đất trong lãnh thổ phía Nam nước ta. Trong chiến tranh chống Pháp và chiến tranh Việt Nam, nơi đây là một trong những chiến khu quan trọng. Đồng Tháp Mười có hệ sinh thái rừng tràm rộng lớn, đồng cỏ ngập nước, nhiều loài sen – súng và thực vật thủy sinh trong đầm lầy, kênh rạch... - HS lắng nghe.
2. Khám phá. - Mục tiêu: Đọc đúng và diễn cảm bài “Đường quê Đồng Tháp Mười”. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp nhân rộng từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng cảm xúc thú vị khi khám phá nét đặc sắc của vùng đất Đường quê Đồng Tháp Mười. - Cách tiến hành:	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm cả bài, nhấn	- Hs lắng nghe GV đọc.

giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài, Cần biết nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: + Mỗi khổ thơ là một đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó, dễ phát âm sai: <i>thả lồng đèn, cá lòng tong, xuống lướt, lóe nắng, chở lúa vàng...</i> - GV hướng dẫn luyện đọc câu diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả cảnh sắc và nhịp điệu của cuộc sống. Bông súng thả lồng đèn Sáng bồng bênh mặt nước Cá lòng tong chạy trước Dẫn đường về thăm ông. - GV HD đọc đúng ngữ điệu:, đọc đúng ngữ điệu diễn cảm ... - GV mời 2 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 2 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
3. Luyện tập. - Mục tiêu: + Nhận biết được các từ ngữ có sức gợi tả, cảm nhận được cảm nhận được hình ảnh gợi lên vẻ đẹp riêng của cuộc sống và tâm hồn con người vùng Đồng Tháp Mười. Cuộc sống của họ gắn bó với sông nước, kênh rạch. + Hiểu được nội dung chính của bài: Cảnh đẹp Đồng Tháp Mười ấn tượng với thiên nhiên, con người sôi động, náo nức xen lẫn những giản dị, chất phác và đầy yêu thương. Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc và sự trân trọng bàn tay, khối óc, tâm hồn con người bao đời đã tạo nên vẻ đẹp riêng cho mỗi vùng miền trên đất nước ta. - Cách tiến hành:	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ

trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ	ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,... - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Ở khổ thơ đầu, đường về quê thú vị như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ? + Câu 2: Tìm những nét đẹp riêng của vùng Đồng Tháp Mười được miêu tả trong bài thơ. – Về cảnh vật thiên nhiên – Về cuộc sống con người + Câu 3: Những từ ngữ nào trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức? + Câu 4: Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói điều gì về quê hương mình?	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: + Qua cảm nhận của bạn nhỏ, đường về quê thú vị qua các chi tiết: bông súng trên mặt nước như thả lòng đèn, sáng bông bênh; cá lòng tong dẫn đường. + Những nét đẹp riêng của vùng Đồng Tháp Mười được miêu tả trong bài thơ: – Về cảnh vật thiên nhiên: đường quê, sào vít cong; xuống lướn như tên bắn; thuyền đuôi tôm chở lúa rẽ sóng; búp sen hồng từ đầu thu tới cuối hạ; cầu trăm đốt tre. – Về cuộc sống con người: ông như bọt, hiền lành. - Những từ ngữ trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức: <i>lướn như tên bắn; giạt mình; chém cặp sừng; xình xích; rẽ sóng; nước lớn; nghiêng ngả.</i> + Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói về quê hương mình: quê hương đẹp và chất phác với những nét đẹp thôn quê: cầu tre, đường quê; bạn nhỏ yêu con người, yêu quê hương mình,

+ Câu 5: Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài học. - GV nhận xét và chốt: <i>Bài thơ gợi vẽ đẹp riêng của cảnh vật, cuộc sống và tâm hồn con người Đồng Tháp Mười, nơi có sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.</i>	nhìn quê hương như những gì nhẹ nhàng, hiền lành và tốt đẹp nhất. + Những chi tiết, hình ảnh ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc: <i>cá bơi như chạy; cầu trăm đốt tre; ông đứng như bụt.</i> - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.
4. Vận dụng trải nghiệm. - Mục tiêu: + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung. + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học. - Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân và nêu cảm xúc của mình sau khi học xong bài “Đường quê Đồng Tháp Mười” qua đó giáo dục HS tình yêu quê hương, đất nước. - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS suy nghĩ cá nhân và đưa ra những cảm xúc của mình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 3

MỘT SỐ HÌNH ẢNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC NGHIỆM



Hình ảnh HS lớp 5E trường Tiểu học Ninh Vân trong tiết dạy
Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười (Tiết 1)



Hình ảnh HS lớp 5E trường Tiểu học Ninh Vân quan sát hình ảnh trực quan ứng dụng trong bài

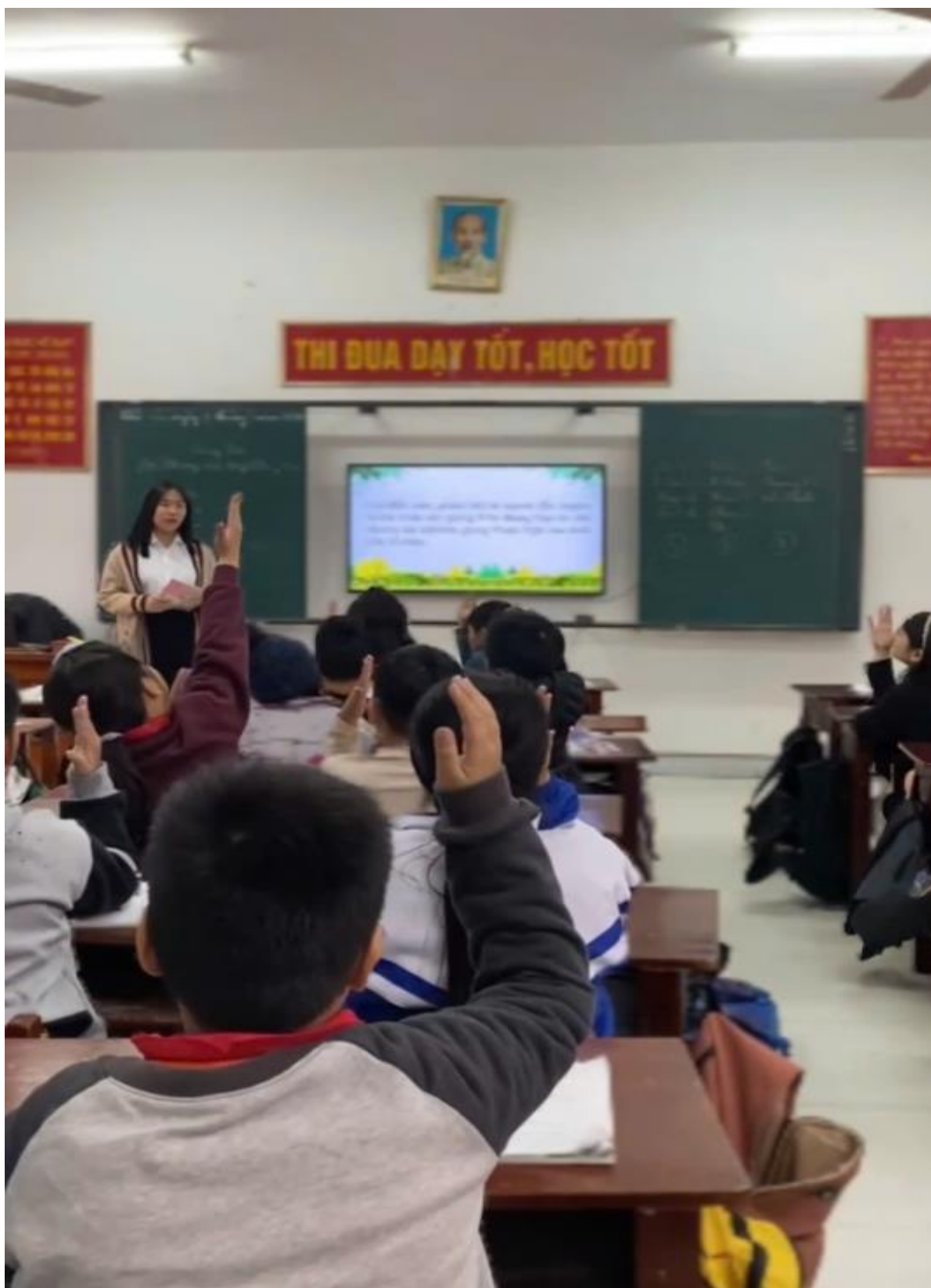


Hình ảnh HS lớp 5E trường Tiểu học Ninh Vân thảo luận nhóm

Bảo Ngọc

PHIẾU HỌC TẬP	
Về cảnh vật thiên nhiên	đường que, sao vịt con, xuống lưot như tên bắn thuyền đuôi tôm rẽ sóng, búp sen hồng đều trụ đến cuối hạ, cầu trâm dát tre
Về cuộc sống con người	ong như bụt, hiền lành.

Hình ảnh phiếu học tập của HS lớp 5E trường Tiểu học Ninh Vân



*Hình ảnh HS lớp 5A trường Tiểu học Đông Thành trong tiết học
Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười (Tiết 1)*



Hình ảnh HS lớp 5E trường Tiểu học Ninh Vân làm bài khảo sát